

Vững bước KỶ NGUYÊN THẾP XANH

Báo cáo phát triển bền vững 2025



MỤC LỤC



Chương	01	THÔNG TIN CHUNG	
		Tổng quan về CSVC	05
		Cam kết về giá trị bền vững năm 2025	11
		Quản trị Phát triển Bền vững	13
Chương	02	PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN	
		Gắn kết các bên liên quan	14
		Lĩnh vực trọng yếu	17
Chương	03	MÔI TRƯỜNG THÉP XANH	
		Nguyên vật liệu bền vững	22
		Tối ưu hiệu quả sử dụng năng lượng	27
		Phát thải khí nhà kính	29
		Quản trị tài nguyên nước	38
		Quản lý chất thải	44

Chương	04	XÃ HỘI GẮN KẾT	
		Việc làm	51
		Quan hệ lao động	55
		Đa dạng và cơ hội bình đẳng	56
		Trách nhiệm với cộng đồng	58
		Phát triển nguồn nhân lực	60
		An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	62
		Sức khỏe và an toàn của khách hàng	73
Chương	05	QUẢN TRỊ BỀN VỮNG	
		Mô hình và cơ cấu quản trị	77
		Quản lý và kiểm soát rủi ro	78
		Đạo đức và tuân thủ	79
		Phòng chống tham nhũng	79
		Hiệu quả kinh tế	80
		Quản lý chuỗi cung ứng	83
		Bảo mật và quyền riêng tư dữ liệu	84
Chương	06	PHỤ LỤC THAM CHIẾU GRI	

Thông điệp Ban Lãnh Đạo

Trong bối cảnh ngành thép toàn cầu tiếp tục chịu tác động từ biến động địa chính trị, xu hướng bảo hộ thương mại, chính sách thuế của Hoa Kỳ và các yêu cầu ngày càng khắt khe về phát thải carbon như cơ chế CBAM của châu Âu, Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam (CSVC) nhận thức rõ rằng phát triển bền vững không còn là lựa chọn, mà đã trở thành yêu cầu tất yếu đối với doanh nghiệp sản xuất công nghiệp.

Là một trong những doanh nghiệp sản xuất thép hàng đầu tại Việt Nam, CSVC cung cấp cho thị trường trong nước cũng như các thị trường quốc tế, đặc biệt là châu Âu và Đông Nam Á. Với định hướng phát triển bền vững, CSVC xác định ESG không chỉ là yêu cầu tuân thủ, mà còn là chiến lược trọng tâm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo ra giá trị dài hạn cho doanh nghiệp, khách hàng, đối tác và cộng đồng xã hội.

Trong năm 2025, công ty tiếp tục tập trung cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng, tối ưu hóa hoạt động sản xuất và kiểm soát tác động môi trường trong toàn bộ quá trình vận hành. Đồng thời, CSVC duy trì áp dụng các hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế về môi trường, an toàn, năng lượng và chất lượng nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao từ khách hàng và thị trường xuất khẩu.

Không chỉ tập trung vào hiệu quả vận hành, chúng tôi còn chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, ổn định và tôn trọng người lao động; tăng cường đào tạo, nâng cao nhận thức về an toàn và phát triển nguồn nhân lực theo hướng bền vững. Bên cạnh đó, công ty tiếp tục đồng hành cùng cộng đồng địa phương thông qua các hoạt động thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế và định hướng trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Song song với các mục tiêu về môi trường và xã hội, CSVC xác định tính minh bạch, tuân thủ pháp luật và đạo đức kinh doanh là nền tảng cho sự phát triển lâu dài. Vì vậy, công ty tiếp tục củng cố hệ thống quản trị rủi ro, tăng cường kiểm soát nội bộ và nâng cao khả năng thích ứng trước những thay đổi nhanh chóng của thị trường toàn cầu.

Chúng tôi hiểu rằng ESG là một hành trình dài hạn, đòi hỏi sự kiên định, trách nhiệm và cải tiến liên tục. Trong thời gian tới, CSVC sẽ tiếp tục theo đuổi mục tiêu tăng trưởng gắn liền với phát triển bền vững; chủ động thích ứng với các yêu cầu ESG toàn cầu; đồng thời cam kết tạo ra giá trị lâu dài cho người lao động, khách hàng, đối tác và cộng đồng.



CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG

Tổng quan về CSVC

Cam kết về giá trị bền vững

Quản trị phát triển bền vững



Tổng quan về CSVC

TÊN ĐẦY ĐỦ: CÔNG TY CỔ PHẦN CHINA STEEL & NIPPON STEEL VIỆT NAM

TÊN QUỐC TẾ: CHINA STEEL AND NIPPON STEEL VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

TÊN VIẾT TẮT: CSVC

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ: 3266151700

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP: 3501382588

ĐIỆN THOẠI: (84)254-3931168 **FAX:** (84)254-3932188 **WEBSITE:** www.csvc.com.vn

ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH: KCN Mỹ Xuân A2, phường Phú Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN: Tầng 9, Victory Tower, Số 12, Đường Tân Trào, Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.



Quy mô và hoạt động

THÔNG TIN KINH TẾ

Mô tả	2023	2024	2025
Vốn đăng ký kinh doanh (triệu VNĐ)	18.368.000	18.368.000	18.368.000
Tổng vốn đầu tư vào sản xuất – kinh doanh (triệu VNĐ)	11.659.834	11.659.834	11.659.834

TỔNG KHỐI LƯỢNG SẢN PHẨM BÁN RA

Danh mục sản phẩm	2023	2024	2025
PO	77.797,74	104.714,17	106.735,20
FH	90.926,42	166.750,73	257.709,14
CG	133.984,89	224.093,26	135.310,93
CR	152.352,04	200.588,08	222.843,51
ES	110.365,01	118.652,99	108.466,89

SẢN PHẨM



Thép cuộn tẩy gỉ và phủ dầu (PO)



Thép cuộn cán nguội (CR)



Thép cuộn mạ kẽm (CG)



Thép điện từ (ES)

Giới thiệu chung

Công Ty Cổ Phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam (CSVC) là một trong những công ty sản xuất thép tiên tiến trên thế giới tọa lạc tại KCN Mỹ Xuân A2, phường Phú Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Được thành lập dựa trên cơ sở liên doanh giữa các tập đoàn thép hàng đầu trong ngành công nghiệp sản xuất thép toàn cầu của Nhật Bản và Đài Loan, trong đó Tập đoàn China Steel (CSC) và Tập đoàn Nippon Steel (NSC) là hai cổ đông lớn nhất của CSVC. Công ty không ngừng nỗ lực cải tiến các dây chuyền sản xuất, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm để nắm bắt kịp thời trước sự phát triển nhanh chóng của thị trường.

Tầm nhìn

Với khẩu hiệu “CHẤT LƯỢNG CỦA CHÚNG TÔI, CUỘC SỐNG TỐT HƠN CỦA BẠN” và tầm nhìn chiến lược lợi ích của khách hàng là mối quan tâm hàng đầu, chúng tôi tin rằng với sản phẩm chất lượng cao, công nghệ hiện đại và dịch vụ tận tâm không những giúp chúng tôi phát triển cùng với các khách hàng, mà còn thúc đẩy chúng tôi cố gắng hết sức để tạo ra một cuộc sống và môi trường tốt đẹp hơn cho đất nước.

Sứ mệnh

“Lòng tin của khách hàng làm nên sức mạnh thương hiệu”. Nhận thức được điều ấy, CSVC không ngừng biến công nghệ và tri thức thành giá trị phục vụ lợi ích khách hàng. Bên cạnh đó, với đội ngũ lao động chuyên nghiệp hơn 800 nhân viên, CSVC cam kết làm hài lòng và đáp ứng mọi nhu cầu khách hàng bằng các sản phẩm chất lượng cao, thân thiện với môi trường cùng quy trình sản xuất chuyên biệt cho mỗi đối tượng khách hàng.



Giá trị cốt lõi

Để hướng tới những mục tiêu đề ra, từ những ngày đầu thành lập và xuyên suốt hành trình phát triển, CSVC đã định hướng và xây dựng văn hóa doanh nghiệp dựa trên 05 giá trị cốt lõi:

Tinh thần đồng đội

Tôn trọng sự khác biệt về văn hóa và luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao với lòng nhiệt huyết và cống hiến.

Quản trị liên chính

Quản trị liên chính đáp ứng nhu cầu khách hàng và xây dựng thương hiệu được xã hội tín nhiệm và tin tưởng.

Đổi mới

Kịp thời đổi mới sản phẩm cùng với tư duy đột phá để đón đầu sự phát triển của thị trường.

Thực tiễn

Dũng cảm nhận trách nhiệm, luôn nhìn nhận vấn đề một cách thực tế và chịu trách nhiệm đến cùng những gì đã thực hiện.

Chính trực

Đề cao các giá trị của sự trung thực và dũng cảm với những gì đang theo đuổi là một trong những điều kiện tiên quyết.



NHÂN LỰC – NGUỒN LỰC TO LỚN

Tinh thần thượng tôn pháp luật: Nêu cao tinh thần tuân thủ các quy định pháp luật. Mọi người đều nhận thức hành vi vi phạm pháp luật không chỉ dẫn đến hậu quả nghiêm trọng đối với cá nhân liên quan mà còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới hình ảnh, uy tín và danh tiếng của CSVC.

Chính trực trong mọi hành động: Mỗi nhân sự luôn đề cao sự chính trực, liêm khiết trong từng hoạt động đối nội lẫn đối ngoại. Cam kết không làm việc với thái độ, hành vi hạch sách, đòi hỏi, hoặc gợi ý nhận, tặng quà, hối lộ, cung cấp các đặc quyền, ưu đãi cho khách hàng, đối tác, nhà cung cấp hoặc các bên liên quan để đổi lấy bất kỳ lợi ích bất hợp pháp, thiếu công bằng và minh bạch.

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC LÀNH MẠNH

Nhân viên: Xây dựng môi trường lành mạnh, thân ái dựa trên sự tôn trọng, tin cậy, làm việc nhóm, chia sẻ kinh nghiệm, không ngừng học tập và sẵn sàng đón nhận đóng góp ý kiến. Việc tôn trọng, chấp hành sự phân công công việc của cấp trên luôn được đánh giá cao.

Lãnh đạo: Người quản lý luôn cố gắng trở thành tấm gương về cách hành xử, lối sống, tuân thủ kỷ luật lao động, quy định nội bộ, pháp luật, và dẫn đường cho bộ phận hoàn thành tốt trách nhiệm.

Tác phong làm việc: Kỳ vọng và đặt niềm tin rằng nhân viên hoàn thành nhiệm vụ và đưa ra quyết định khi tinh thần tỉnh táo, không bị tác động ảnh hưởng do bia, rượu, ma túy hay bất kỳ chất kích thích khác. Công ty tạo điều kiện và tổ chức các chương trình đào tạo để nhân viên nâng cao năng lực bản thân

Chống phân biệt đối xử và ngược đãi: Kiên quyết không có hành vi phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, tôn giáo, nguồn gốc dân tộc, giới tính, địa vị xã hội, tình trạng hôn nhân, bệnh tật hoặc tương tự tại nơi làm việc. Nghiêm cấm sử dụng lao động chưa đủ 18 tuổi, lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử, quấy rối, lạm dụng, ức hiếp, cô lập hoặc miệt thị ngoại hình thông qua lời nói, cử chỉ, hành động.

BẢO VỆ TÀI SẢN VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN

Bảo vệ tài sản: Bao gồm tất cả tài sản hữu hình và vô hình thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng và định đoạt của CSVC (tiền mặt, cơ sở vật chất, công cụ lao động, phương tiện đi lại, hệ thống email, mạng nội bộ, thông tin nhân sự, dữ liệu khách hàng, nhà cung cấp...). Sử dụng cho mục đích duy nhất là phục vụ công việc của Công ty. Nhân viên cam kết giữ gìn, bảo vệ cẩn trọng, tiết kiệm và nhanh chóng hoàn trả ngay sau khi kết thúc công việc.

Bảo mật thông tin: Các thông tin, tài liệu liên quan đến chiến lược bán hàng, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch sản xuất, dữ liệu tài chính, thông tin kỹ thuật sản phẩm, thay đổi nhân sự cấp cao, bí mật thương mại, sản phẩm/dịch vụ hiện tại và tương lai, nghiên cứu và phát triển, sáng chế, hợp đồng tiềm năng, nghiên cứu thị trường, thông tin chưa phát hành, báo cáo tài chính, sơ đồ tổ chức (không thuộc phạm vi công bố công khai theo quy định). Dù tồn tại dưới hình thức nào, thông tin bảo mật đều bắt buộc nhân sự và các bên liên quan phải thực hiện chính sách bảo mật một cách nghiêm túc và triệt để.

NGUYÊN TẮC ỨNG XỬ TRONG KINH DOANH

Khách hàng: Sự hài lòng và niềm tin của khách hàng là mục tiêu hàng đầu. Nhân viên phải trung thực, tận tâm, công bằng, đem lại sản phẩm chất lượng vượt trội, giá cả cạnh tranh và xem sự thành công của khách hàng là thành công của CSVC. Việc cung cấp hoa hồng, giảm giá phải tuân thủ pháp luật và có giấy tờ chứng minh. Các ưu đãi thương mại phải phù hợp thực tế thị trường, được phê duyệt và đăng ký theo quy định của Công ty và pháp luật.

Nhà cung cấp: Tôn trọng, trung thực và cam kết tuân thủ pháp luật trong các giao dịch trên nguyên tắc công bằng, trung thực, khách quan và hài hòa lợi ích. Lựa chọn nhà cung cấp dựa trên tính cạnh tranh về giá, chất lượng và các tiêu chuẩn phù hợp khác. Không chấp nhận bất kỳ hành vi nhận hoa hồng hoặc các khoản tương tự làm thay đổi quy trình lựa chọn nhà cung cấp đối với từng gói thầu cụ thể.

Cơ quan Nhà nước: Tinh thần thượng tôn pháp luật, bám sát hướng dẫn, hỗ trợ của các cơ quan chính quyền. Nghiêm cấm hành vi hối lộ hoặc mang tính chất hối lộ để đạt được lợi ích đặc biệt trong thủ tục pháp luật. Tuyệt đối không thực hiện những hành vi che giấu cho đối tượng vi phạm pháp luật dưới bất kỳ hình thức nào. Nhân viên tuyệt đối không được nhân danh Công ty tặng quà hoặc hình thức tương tự có giá trị đáng kể cho cán bộ, công chức Nhà nước để nhằm đạt mục tiêu.

Cổ đông: Triển khai triệt để và đầy đủ các chính sách, chiến lược được cổ đông thông qua. Tôn trọng, đối xử công bằng với tất cả cổ đông, xem lợi ích của cổ đông chính là lợi ích của Công ty cũng như của từng Cán bộ Nhân viên.

C SVC cam kết xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch và tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức cao nhất. Bộ Quy tắc Đạo đức và Ứng xử đóng vai trò như kim chỉ nam, hướng dẫn chi tiết các chuẩn mực hành vi cho toàn bộ cán bộ nhân viên và các bên liên quan.



Phương pháp báo cáo

Nguyên tắc báo cáo

Báo cáo Phát triển bền vững được lập bởi Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam (sau đây gọi là “CSVC”) nhằm cung cấp các thông tin về định hướng, chiến lược, các cam kết và thực hành phát triển bền vững của CSVC trong năm 2025.

Tần suất và kỳ báo cáo: Báo cáo này được lập hằng năm và năm 2025 là năm thứ ba CSVC xây dựng báo cáo phát triển bền vững độc lập. Giai đoạn báo cáo của tất cả thông tin, dữ liệu từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.

Tiêu chuẩn áp dụng cho báo cáo

Báo cáo phát triển bền vững năm 2025 được lập và công bố dựa trên cơ sở tham chiếu với Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển bền vững của Tổ chức Sáng kiến toàn cầu (Global Reporting Index – GRI) và sự liên quan đến các mục tiêu Phát triển bền vững của Liên hợp quốc. Các nội dung trong báo cáo đã được cập nhật theo hướng dẫn và khuyến nghị mới nhất của GRI tính đến thời điểm phát hành báo cáo, nhằm đảm bảo tính chính xác, minh bạch và phù hợp với yêu cầu công bố thông tin của các bên liên quan.

TÍNH CHÍNH XÁC

Các thông tin và số liệu được cung cấp phù hợp với các báo cáo chính thức khác của Công ty, được đo lường bằng các phương pháp phù hợp và tin cậy. CSVC đảm bảo sai số (nếu có) không ảnh hưởng đến tính khách quan và khả năng đưa ra đánh giá của người sử dụng thông tin.

TÍNH CÂN ĐỐI

Báo cáo phản ánh khách quan, đầy đủ các tác động của CSVC trên các khía cạnh môi trường, xã hội và quản trị. Các nội dung tích cực và những điểm cần cải thiện đều được trình bày rõ ràng, không thiên lệch.

TÍNH RÕ RÀNG

Thông tin được trình bày súc tích, dễ hiểu, tránh lối hành văn học thuật, chuyên sâu quá mức. Báo cáo sử dụng bảng biểu, đồ họa và các công cụ trực quan để hỗ trợ việc tiếp nhận thông tin dễ dàng và hiệu quả hơn.

TÍNH SO SÁNH

Báo cáo được xây dựng nhất quán với các kỳ báo cáo trước, có trích dẫn, tham chiếu rõ ràng, cho phép so sánh xu hướng và mức độ thay đổi theo thời gian cũng như giữa các chủ đề trọng yếu.

TÍNH ĐẦY ĐỦ

CSVC đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ đối với các chủ đề trọng yếu theo khung tiêu chuẩn GRI, trong phạm vi kỳ báo cáo năm 2025.

BỐI CẢNH PTBV

Báo cáo nêu rõ bối cảnh bên ngoài và các xu hướng phát triển bền vững có tác động đến chiến lược của CSVC, có tham chiếu đến các mục tiêu toàn cầu (SDGs), tiêu chuẩn quốc tế và yêu cầu từ các bên liên quan

KHẢ NĂNG KIỂM CHỨNG

Các số liệu và nội dung trong báo cáo có thể đối chiếu với dữ liệu từ các năm trước và các nguồn công bố khác. Toàn bộ báo cáo được rà soát và kiểm tra bởi Ủy ban Kiểm toán nội bộ nhằm đảm bảo độ tin cậy và minh bạch.

TÍNH KỊP THỜI

Thông tin trong báo cáo được cập nhật định kỳ hàng năm, đảm bảo tính thống nhất và liên tục trong chu kỳ báo cáo.



Cam kết phát triển bền vững

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam (CSVC) xác định phát triển bền vững là định hướng chiến lược lâu dài, gắn liền với trách nhiệm của doanh nghiệp đối với con người, cộng đồng và môi trường. Chúng tôi tin rằng sự phát triển của doanh nghiệp phải đi đôi với việc tạo ra giá trị bền vững cho xã hội, bảo vệ môi trường sống và đóng góp tích cực cho nền kinh tế.



Nguyên tắc và giá trị định hướng

 **Tuân thủ pháp luật**, tiêu chuẩn/quy chuẩn và các quy định về môi trường, xã hội, quản trị.

 **Tôn trọng con người**, coi người lao động là tài sản quý giá, đề cao bình đẳng và đa dạng.

 **Trách nhiệm với môi trường**, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, giảm thiểu phát thải và bảo vệ thiên nhiên.

 **Minh bạch và liêm chính** trong mọi hoạt động quản trị và kinh doanh.

 **Đồng hành cùng cộng đồng**, gắn kết và chia sẻ lợi ích với xã hội.

Cơ chế thực hiện

- Đặt mục tiêu cụ thể và đo lường kết quả bằng các chỉ số rõ ràng (KPIs).
- Công khai báo cáo tiến độ hằng năm dựa trên các chuẩn mực quốc tế (GRI, SDGs, ESG).



Lời cam kết

CSVC cam kết tích hợp phát triển bền vững vào mọi quyết định và hoạt động của công ty. Với tinh thần trách nhiệm, minh bạch và đổi mới, CSVC sẽ không ngừng nỗ lực để mang lại giá trị lâu dài cho khách hàng, đối tác, người lao động, cộng đồng và thế hệ tương lai.

Cam kết hành động

MÔI TRƯỜNG



- Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về môi trường và không ngừng cải tiến hiệu quả hoạt động môi trường.
- Giảm thiểu các tác động môi trường trong toàn bộ hoạt động sản xuất – kinh doanh.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và từng bước tăng cường sử dụng năng lượng phát thải thấp và năng lượng tái tạo trong phạm vi khả thi.
- Tăng cường quản lý chất thải và thúc đẩy tái chế, tái sử dụng và thu hồi tài nguyên trong phạm vi khả thi về kỹ thuật và pháp lý, hướng tới mô hình kinh tế tuần hoàn.
- Giảm phát thải khí nhà kính và đóng góp vào việc ứng phó với biến đổi khí hậu thông qua cải tiến liên tục và đổi mới công nghệ.
- Sử dụng hiệu quả nguyên vật liệu và từng bước tăng tỷ lệ nguyên liệu tái chế trong sản phẩm khi phù hợp.

XÃ HỘI



- Đảm bảo an toàn, sức khỏe và phúc lợi cho toàn thể người lao động.
- Tạo môi trường làm việc công bằng, đa dạng và khuyến khích phát triển năng lực.
- Tôn trọng quyền con người và các chuẩn mực lao động quốc tế.
- Tham gia và hỗ trợ các hoạt động cộng đồng, góp phần nâng cao đời sống xã hội.

QUẢN TRỊ



- Xây dựng hệ thống quản trị minh bạch, trách nhiệm và hiệu quả.
- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, tài chính và công bố thông tin.
- Phòng chống tham nhũng, xung đột lợi ích và các hành vi thiếu minh bạch.
- Tích cực đối thoại và hợp tác cùng các bên liên quan để cùng phát triển bền vững.

Những con số nổi bật

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2025

3.013 cây xanh được trồng tại Khu bảo tồn Bình Châu Phước Bửu.

35.987 tấn chất thải nguy hại và công nghiệp được xử lý an toàn.

100% tỷ lệ nước thải được thu gom, xử lý đạt chuẩn.

36 hạng mục tối ưu hóa sản xuất giúp cắt giảm lượng lớn tiêu hao tài nguyên với chi phí đầu tư bằng 0

100% dữ liệu kiểm kê phát thải KNK được đánh giá và cấp chứng nhận bởi các tổ chức độc lập toàn cầu.

100% tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về môi trường và không ngừng cải tiến hiệu quả hoạt động môi trường.

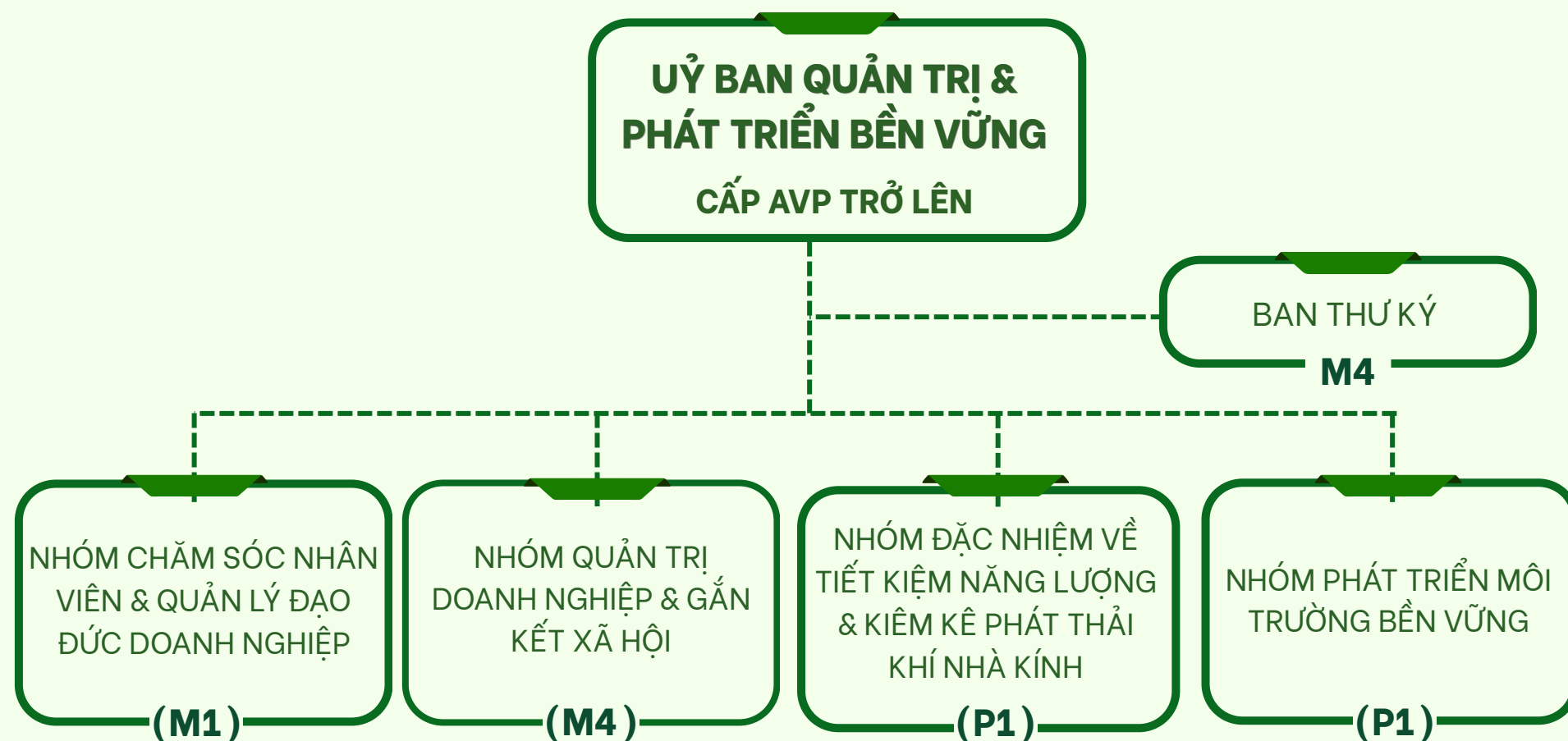
3.241 tổng số giờ đào tạo trong năm.

0 vụ tai nạn lao động và ca bệnh nghề nghiệp được ghi nhận.

732 triệu VNĐ cho hoạt động cộng đồng.

0 vụ ghi nhận khiếu nại các các vấn đề liên quan đến chính sách nhân quyền.

Hệ thống quản trị PTBV



Nhằm đảm bảo việc thực hiện các chính sách quản lý bền vững, Ủy ban quản trị doanh nghiệp và phát triển bền vững CSVC thành lập 4 nhóm thực hiện, bao gồm: “Nhóm chăm sóc nhân viên và quản lý đạo đức doanh nghiệp”, “Nhóm quản trị doanh nghiệp và gắn kết xã hội”, “Nhóm đặc nhiệm về tiết kiệm năng lượng & kiểm kê phát thải khí nhà kính”, “Nhóm phát triển môi trường bền vững” chịu trách nhiệm vận hành và thúc đẩy các vấn đề liên quan, đồng thời thực hiện các vấn đề được thông qua theo nghị quyết của Ủy ban.

VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM

Vai trò và trách nhiệm của Ủy ban là đóng góp vào các mục tiêu bền vững của công ty bằng cách:

- Giám sát và theo dõi rủi ro bền vững.
- Cam kết về sức khỏe và sự an toàn của cộng đồng, đạo đức và lợi nhuận kinh tế.
- Định kỳ xem xét các cam kết, mục tiêu và chiến lược phát triển bền vững của Công ty.
- Giữ vững danh tiếng doanh nghiệp là một trong những công ty thép hàng đầu Việt Nam.
- Lập kế hoạch và thúc đẩy tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu các-bon và các vấn đề liên quan đến tính trung lập của các-bon; các vấn đề liên quan khác do ban giám đốc giải quyết.

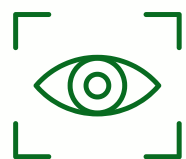


Gắn kết các bên liên quan

Trong bối cảnh ngành thép đang chịu tác động mạnh mẽ từ biến động thị trường, yêu cầu ngày càng khắt khe về an toàn lao động, quản lý phát thải và các tiêu chuẩn chuyển đổi xanh toàn cầu, CSVC xác định gắn kết Bên liên quan là một cấu phần quan trọng trong hệ thống quản trị phát triển bền vững. Hoạt động này giúp Công ty hiểu rõ hơn kỳ vọng, mối quan tâm và các rủi ro – cơ hội phát sinh trong toàn bộ chuỗi giá trị từ mạng lưới nhà cung cấp đến khách hàng, từ đó hỗ trợ quá trình ra quyết định, rà soát chiến lược và điều chỉnh chính sách phù hợp với thực tiễn.

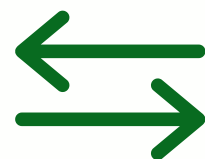
Kết quả gắn kết Bên liên quan được CSVC sử dụng làm đầu vào quan trọng cho quá trình xác định và cập nhật các chủ đề trọng yếu, quản trị rủi ro chuyển đổi và triển khai các cam kết dài hạn.

Nguyên tắc gắn kết các bên liên quan



Minh bạch và nhất quán

CSVC chủ động chia sẻ thông tin liên quan đến chiến lược, kết quả hoạt động và các ưu tiên phát triển bền vững thông qua các kênh công bố chính thức và đối thoại trực tiếp, tạo cơ sở cho sự tin cậy và đồng thuận trong quá trình hợp tác.



Đối thoại hai chiều, có trọng tâm

Các cơ chế gắn kết được thiết kế theo hướng trao đổi hai chiều, tập trung vào những lần ranh đỏ có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất – kinh doanh (như an toàn nhà máy, tuân thủ môi trường, đạo đức chống tham nhũng), quản trị rủi ro và mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.



Bao trùm và trách nhiệm

CSVC tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các Bên liên quan trong toàn bộ chuỗi giá trị, đồng thời chú trọng mở rộng gắn kết với mạng lưới nhà cung cấp nội địa, đối tác thầu và cộng đồng tại khu vực có hoạt động sản xuất.

Quy trình xác định và phương pháp triển khai



1 Nhận diện và ưu tiên các bên liên quan

Mức độ tác động của hoạt động doanh nghiệp đến các Bên liên quan.
Mức độ ảnh hưởng của các Bên liên quan đến việc thực hiện mục tiêu chiến lược và phát triển bền vững của Công ty.



2 Thiết lập kênh và tương tác

Vận hành đa dạng các kênh trực tiếp và gián tiếp (như kiểm toán thực tế đánh giá nhà cung cấp, cơ chế tố giác Whistleblowing, đối thoại định kỳ với người lao động), phù hợp với đặc thù từng nhóm Bên liên quan.



3 Thu thập và phân loại ý kiến

Tổng hợp các mối quan tâm, kỳ vọng và phản hồi thành các chủ đề quản trị và phát triển bền vững cốt lõi để ưu tiên nguồn lực.



4 Hoạch định vào hệ thống quản trị

Sử dụng kết quả gắn kết làm đầu vào cho hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM), hoạch định chiến lược phát triển bền vững và xác định các hành động cải tiến phù hợp.



Bảng thông tin gắn kết các bên liên quan



Nhóm bên liên quan	Chủ đề quan tâm chính	Kênh gắn kết	Hoạch định vào hệ thống quản trị phát triển bền vững
Cổ đông / Nhà đầu tư	- Hiệu quả tài chính dài hạn và biên lợi nhuận bền vững. - Quản trị doanh nghiệp và hệ thống kiểm soát nội bộ. - Minh bạch thông tin và chất lượng công bố. - Rủi ro khí hậu, rào cản thuế carbon (CBAM) và lộ trình Net Zero.	- Đại hội đồng Cổ đông. - Hội nghị và gặp gỡ cổ đông/nhà đầu tư. - Báo cáo tài chính và Báo cáo PTBV.	- Sử dụng ý kiến nhà đầu tư làm đầu vào để rà soát chiến lược và các mục tiêu dài hạn. - Nâng cao chất lượng công bố thông tin theo thông lệ quản trị tốt. - Cập nhật lộ trình giảm phát thải và quản trị rủi ro khí hậu bảo vệ năng lực cạnh tranh.
Khách hàng / Đối tác thương mại	- Chất lượng, độ an toàn và tính ổn định của sản phẩm thép. - Minh bạch thông tin sản phẩm và bảo mật dữ liệu đối tác. - Nhu cầu đối với các sản phẩm “thép xanh” và chuỗi cung ứng giảm phát thải. - Xu hướng hợp tác hướng đến các lựa chọn kinh doanh bền vững.	- Hệ thống đánh giá sự hài lòng của khách hàng. - Các cuộc kiểm tra, đánh giá nhà máy trực tiếp từ đối tác. - Hội nghị khách hàng định kỳ.	- Tích hợp phản hồi để cải tiến dây chuyền công nghệ, đa dạng hóa danh mục sản phẩm. - Cung cấp dữ liệu phát thải minh bạch đáp ứng yêu cầu của chuỗi cung ứng toàn cầu. - Nâng cấp hệ thống an ninh mạng bảo vệ bí mật thương mại của đối tác.
Nhà cung cấp / Nhà thầu & Đối tác	- Chất lượng, an toàn và tính ổn định của nguồn cung vật tư đầu vào. - Chuỗi cung ứng minh bạch, ưu tiên tối đa nguồn lực địa phương. - Thực hành kinh doanh có đạo đức, chống tham nhũng và tuân thủ tiêu chuẩn ngành. - Điều kiện an toàn lao động trong các hoạt động hợp tác/giao nhận tại nhà máy.	- Kiểm toán định kỳ. - Bộ Quy tắc ứng xử dành cho nhà cung cấp. - Kênh tố giác vi phạm minh bạch. - Các chương trình đào tạo, hướng dẫn tiêu chuẩn.	- Thiết lập bộ quy chuẩn đánh giá làm điều kiện tiên quyết trước khi hợp tác và đánh giá đối tác trong chuỗi giá trị. - Chấm dứt hợp tác ngay lập tức với các vi phạm liên quan đến đạo đức kinh doanh. củng cố quan hệ hợp tác dài hạn trên cơ sở minh bạch và trách nhiệm.



Bảng thông tin gắn kết các bên liên quan



Nhóm bên liên quan	Chủ đề quan tâm chính	Kênh gắn kết	Hoạch định vào hệ thống quản trị phát triển bền vững
Chính phủ & Cơ quan quản lý	- Tuân thủ pháp luật (đặc biệt về môi trường, lao động và thuế). - Phát triển ngành công nghiệp nặng an toàn và bền vững. - Chính sách và môi trường kinh doanh. - Đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương.	- Báo cáo định kỳ theo quy định pháp luật. - Tham gia các đợt thanh tra, kiểm tra chuyên ngành. - Đối thoại chính sách và tham vấn quy định pháp luật. - Các hội nghị, hội thảo cấp tỉnh/quốc gia.	- Tuân thủ pháp luật hiện hành. - Phân bổ nguồn lực cải tiến công nghệ xử lý xả thải theo quy chuẩn môi trường mới nhất. - Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.
Người lao động & Công đoàn	- Điều kiện làm việc an toàn, phòng ngừa tai nạn nghề nghiệp. - Phúc lợi, thu nhập công bằng và sự ổn định việc làm. - Phát triển tay nghề, lộ trình thăng tiến và đào tạo nâng cao năng lực. - Quan hệ lao động hài hòa, môi trường làm việc đa dạng và bao trùm.	- Hội nghị người lao động định kỳ. - Mạng lưới An toàn vệ sinh viên tại phân xưởng. - Kênh thông tin nội bộ và khảo sát ý kiến. - Đối thoại trực tiếp với Ban Lãnh đạo. - Kênh khiếu nại và phản ánh ẩn danh nội bộ.	- Sử dụng ý kiến người lao động để rà soát, nâng cấp chính sách phúc lợi và an toàn nhà máy. Cũng cố môi trường làm việc tôn trọng, bình đẳng, xóa bỏ phân biệt đối xử. - Duy trì cơ chế đối thoại và xây dựng lộ trình phát triển kỹ năng kỹ thuật cao.
Cộng đồng địa phương	- Quản lý tác động môi trường (khói bụi, tiếng ồn, nước thải) tại khu vực xung quanh nhà máy. - Sức khỏe và chất lượng sống của cộng đồng dân cư. - Tạo cơ hội việc làm và phát triển sinh kế tại địa phương. - Ứng phó các tác động môi trường và tham gia các hoạt động an sinh xã hội.	- Các chương trình trách nhiệm xã hội. - Hoạt động tài trợ, từ thiện và các chương trình/hội thảo liên quan.	- Triển khai các hoạt động đóng góp an sinh xã hội thiết thực. - Duy trì tạo động lực kinh tế thông qua việc ưu tiên tuyển dụng lao động trực tiếp tại địa phương.



Quy trình xác định lĩnh vực trọng yếu

Phương pháp xác định lĩnh vực trọng yếu

CSVC áp dụng phương pháp đánh giá tính trọng yếu dựa trên tác động (impact-based materiality), nhằm xác định các chủ đề phản ánh những tác động đáng kể nhất mà hoạt động của Công ty gây ra hoặc góp phần gây ra đối với kinh tế, môi trường và con người. Phương pháp này xem xét đồng thời các tác động tích cực và tiêu cực, thực tế và tiềm tàng, xuyên suốt toàn bộ chuỗi giá trị ngành thép từ mạng lưới nhà cung cấp đến khách hàng tiêu thụ.

Quy trình xác định lĩnh vực trọng yếu được thực hiện theo ba giai đoạn chính, bắt đầu từ việc hiểu bối cảnh tổ chức thông qua phân tích các xu hướng toàn cầu và địa phương tại các thị trường CSVC có hoạt động, nghiên cứu khung pháp lý quốc tế và Việt Nam, đồng thời tham khảo các tiêu chuẩn như Bộ Chuẩn mực Báo cáo Toàn cầu (GRI), Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs), cùng với các yêu cầu của pháp luật Việt Nam về môi trường, lao động, quản trị doanh nghiệp và công bố thông tin. Sự kết hợp hài hòa giữa các tiêu chuẩn quốc tế và các yêu cầu đặc thù của thị trường giúp CSVC xây dựng được phương pháp đánh giá toàn diện và phù hợp với bối cảnh hoạt động thực tế của ngành công nghiệp thép.

2



Giai đoạn thứ hai tập trung vào nhận diện các tác động thực tế và tiềm tàng thông qua việc rà soát toàn diện hoạt động sản xuất, đánh giá hệ thống chuỗi cung ứng và phân tích các mối quan hệ kinh doanh của Công ty.



Hoạt động rà soát định kỳ

Trong năm 2025, CSVC đã tiến hành rà soát toàn diện danh mục lĩnh vực trọng yếu nhằm đảm bảo tính phù hợp với bối cảnh hoạt động hiện tại và các xu hướng phát triển bền vững mới nổi, cả ở cấp độ quốc tế và quốc gia. Về bối cảnh quốc tế, CSVC theo dõi và phân tích các thay đổi, tác động quan trọng bao gồm xu hướng chuyển đổi xanh của chuỗi cung ứng, các yêu cầu mới từ SBTi về cam kết Net Zero, Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của Châu Âu,... đồng thời đối chiếu hiệu quả ESG với các thực hành nổi bật trong ngành thép và nghiên cứu các tiêu chuẩn báo cáo bền vững tiên tiến trên thế giới.

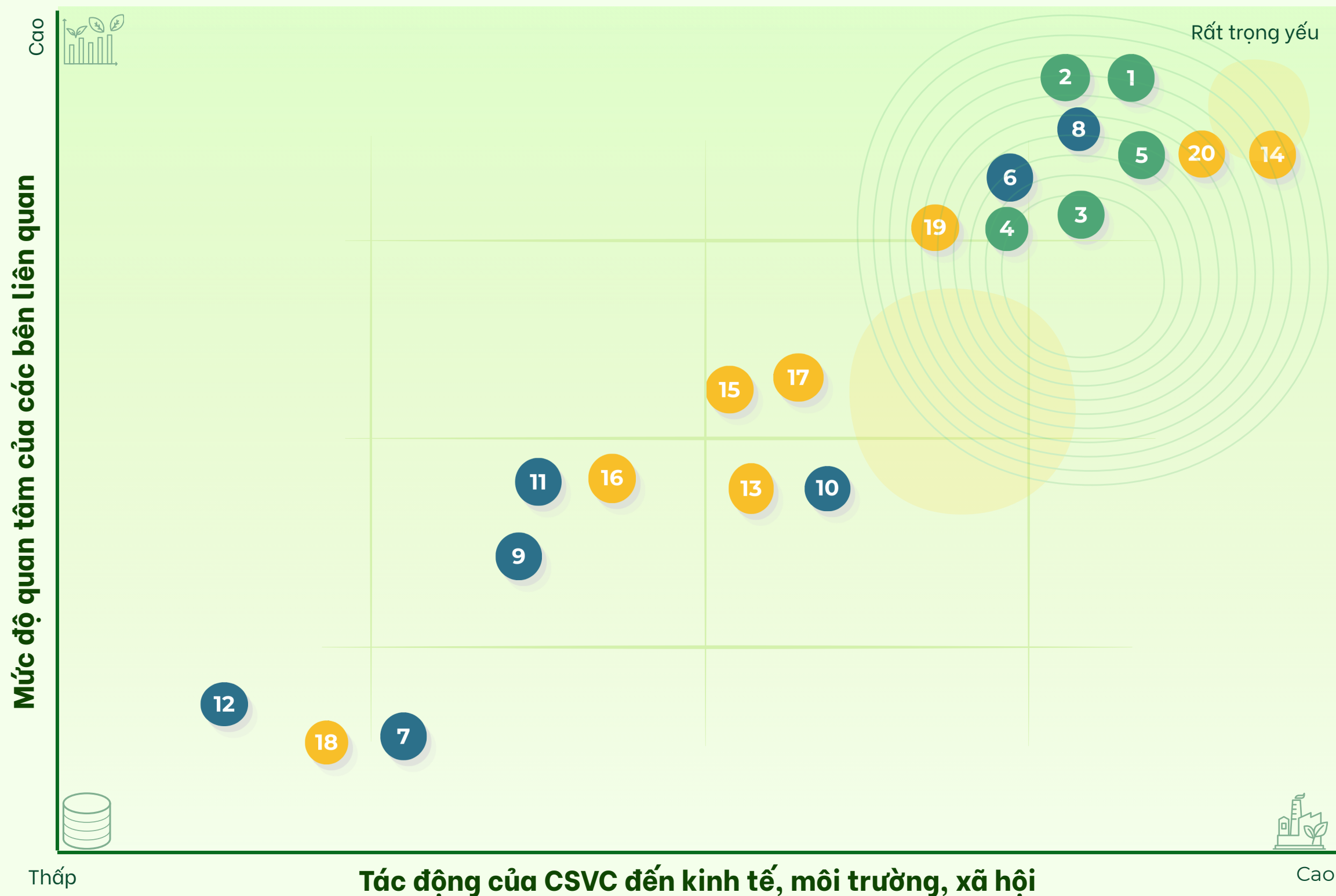
3

Giai đoạn cuối cùng là đánh giá mức độ đáng kể của các tác động đối với kinh tế, môi trường và con người. Việc gắn kết các bên liên quan đóng vai trò quan trọng trong toàn bộ quy trình, giúp CSVC hiểu rõ các kỳ vọng và mối quan tâm của họ, đồng thời xác nhận tính chính xác của việc đánh giá tác động. Danh mục lĩnh vực trọng yếu cuối cùng được tích hợp vào hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM) và trở thành nền tảng cho việc xây dựng chiến lược, thiết lập mục tiêu và công bố thông tin phát triển bền vững.



Ma trận các chủ đề trọng yếu

Trong kỳ báo cáo 2025, CSVC đã xác định 20 vấn đề trọng yếu thông qua phương pháp đánh giá trọng yếu được thực hiện bởi việc tham vấn ý kiến từ Ban Lãnh Đạo và đối chiếu với các vấn đề trọng điểm Công ty mẹ kết hợp đánh giá rủi ro đặc thù của ngành sản xuất thép.



Trục X: Mức độ tác động đến kinh tế, môi trường và xã hội của CSVC.
Trục Y: Mức độ quan tâm và kỳ vọng của các bên liên quan.



MÔI TRƯỜNG

1. Phát thải khí nhà kính (GHG)
2. Năng lượng
3. Nguyên vật liệu
4. Nước & Nước thải
5. Chất thải



XÃ HỘI

6. Việc làm
7. Đào tạo & Giáo dục
8. An toàn & Sức khỏe (OHS)
9. Đa dạng & Bình đẳng
10. Quan hệ lao động
11. Trách nhiệm khách hàng
12. Trách nhiệm cộng đồng



QUẢN TRỊ

13. Mô hình quản trị
14. Hiệu quả kinh tế
15. Minh bạch & Công bố
16. Chống tham nhũng
17. Đạo đức & Tuân thủ
18. Bảo mật dữ liệu
19. Quản trị rủi ro
20. Quản lý chuỗi cung ứng



SỰ GẮN KẾT GIỮA CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO, MỤC TIÊU PTBV CỦA LIÊN HỢP QUỐC (SDGS)



MÔI TRƯỜNG



XÃ HỘI

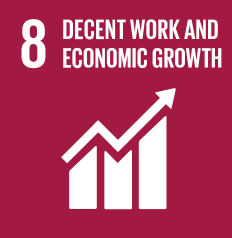
Phát thải khí nhà kính và năng lượng	7 AFFORDABLE AND CLEAN ENERGY	13 CLIMATE ACTION	Quản lý phát thải khí nhà kính. Tối ưu hiệu quả sử dụng năng lượng. Ứng phó với biến đổi khí hậu.	Rủi ro gia tăng chi phí năng lượng & thuế carbon. Rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu	Rủi ro chuyển đổi Rủi ro vật lý
Quản lý tài nguyên và chất thải	6 CLEAN WATER AND SANITATION	12 RESPONSIBLE CONSUMPTION AND PRODUCTION	Khai thác và sử dụng nước hiệu quả. Quản lý nước thải công nghiệp Quản lý & tuần hoàn chất thải. Sử dụng nguyên vật liệu có trách nhiệm.	Rủi ro trách nhiệm môi trường. Rủi ro tuân thủ quy định pháp luật về xả thải	Rủi ro chuyển đổi
An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	3 GOOD HEALTH AND WELL-BEING	8 DECENT WORK AND ECONOMIC GROWTH	Đảm bảo an toàn và sức khỏe lao động. Cải thiện môi trường làm việc nhà máy.	Rủi ro sức khỏe và an toàn lao động. Rủi ro gián đoạn sản xuất do tai nạn	Rủi ro vận hành Rủi ro vật lý
Điều kiện làm việc và phát triển nguồn nhân lực	5 GENDER EQUALITY	4 QUALITY EDUCATION	Việc làm và phúc lợi. Đa dạng và cơ hội bình đẳng. Quan hệ lao động & gắn kết. Đào tạo và phát triển nhân lực.	Rủi ro thiếu hụt nhân sự chuyên môn cao. Rủi ro khiếu kiện pháp lý về lao động.	Rủi ro chuyển đổi
Trách nhiệm cộng đồng	1 NO POVERTY	11 SUSTAINABLE CITIES AND COMMUNITIES	Đóng góp phát triển kinh tế địa phương Trách nhiệm với cộng đồng	Rủi ro mất uy tín và sự ủng hộ từ địa phương	Rủi ro chuyển đổi

SỰ GẮN KẾT GIỮA CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO, MỤC TIÊU PTBV CỦA LIÊN HỢP QUỐC (SDGS)



QUẢN TRỊ

Hiệu quả kinh tế & cấu trúc quản trị



Hiệu quả kinh tế & tăng trưởng
Mô hình cấu trúc quản trị minh bạch
Quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ

Rủi ro đầu tư tài chính.
Rủi ro sai sót trong công bố thông tin

Rủi ro chuyển đổi

Đạo đức kinh doanh & chống tham nhũng



Đạo đức và tuân thủ pháp luật.
Chống tham nhũng và gian lận.

Rủi ro gian lận, tham nhũng
Rủi ro tuân thủ pháp lý

Rủi ro quản trị

Trách nhiệm chuỗi giá trị & sản phẩm



Quản lý nhà cung cấp và nhà thầu
Trách nhiệm an toàn sản phẩm
Bảo mật dữ liệu & quyền riêng tư

Rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng vật tư
Rủi ro an ninh mạng và rò rỉ dữ liệu

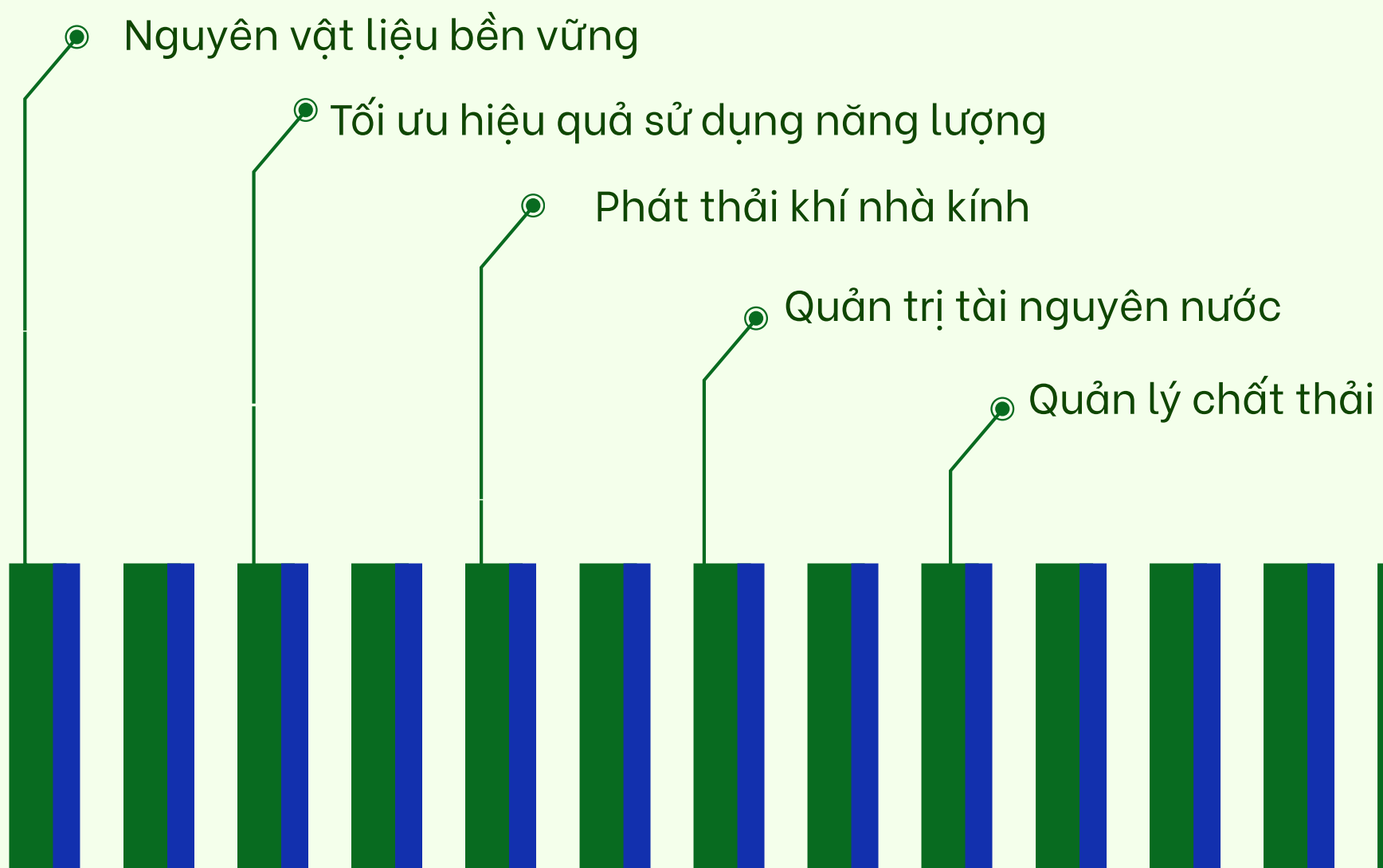
Rủi ro chuyển đổi

Rủi ro hệ thống



CHƯƠNG 3

MÔI TRƯỜNG THÉP XANH



Phương pháp quản trị vấn đề trọng yếu

Trong bối cảnh rủi ro cạn kiệt tài nguyên và các rào cản sinh thái ngày càng khắt khe, CSVN không chỉ nhìn nhận quản trị vật liệu như một bài toán tối ưu chi phí, mà coi đây là năng lực cốt lõi để duy trì tính liên tục của chuỗi cung ứng.

Để hiện thực hóa điều này, hệ thống quản trị của nhà máy đã được chuyển dịch từ việc kiểm soát tổng lượng sang cơ chế “kiểm soát vi mô trên từng dây chuyền sản phẩm” (material-to-product line logic), bảo đảm tính minh bạch và tối ưu hóa vòng đời của mọi vật liệu đầu vào.

 MỤC TIÊU CỐT LÕI	 TRỌNG TÂM THỰC THI	 KẾT QUẢ ĐO LƯỜNG 2025
Tối ưu hiệu quả tài nguyên	- Bóc tách vi mô dữ liệu 5 dây chuyền sản xuất. - Liên tục hiệu chỉnh định mức vật tư tiêu hao.	Đạt hơn 95% hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu HRC.
Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn	- Tích hợp nguồn thép chứa thành phần tái chế (RC). - Thu phế liệu tại nguồn.	803 tấn (0,096%): Nguyên liệu thô chứa thành phần tái chế được tích hợp. 5.432 tấn: Phế liệu thép được phân loại và thu hồi.
Chuỗi cung ứng xanh	Sử dụng vật liệu đóng gói sinh thái có chứng nhận.	90%: Bao bì Giấy/Carton xuất xưởng đạt tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững FSC.

Tình hình sử dụng nguyên vật liệu

Toàn bộ nguyên vật liệu đầu vào được thống kê và phân loại theo nguồn gốc tái tạo/không tái tạo để phục vụ mục tiêu quản lý dấu chân môi trường:

Phân nhóm vật liệu	Tên nguyên vật liệu	Khối lượng sử dụng thực tế	Đơn vị (*)	Phân loại nguồn gốc
Nguyên liệu chính	Thép cuộn cán nóng (HRC)	832.864	Tấn	Không tái tạo
Nguyên vật liệu phụ trợ dạng rắn	Kẽm thỏi (Zinc ingot)	3.445,99	Tấn	Không tái tạo
Nguyên vật liệu phụ trợ dạng lỏng	Axit HCl 32%	2.348	Tấn	Không tái tạo
	Detergent/Alkaline	103,09	Tấn/Lít	Không tái tạo
	Dầu cán Quakerol CSVC 1.0	425.541	Lít	Không tái tạo
	Dầu cán QWERL 263-W-CSVC	113.174,26	Kg	Không tái tạo
	Dầu cán RL11	140.633,83	Kg	Không tái tạo
	Dầu phủ 550SV	16.321,02	Lít	Không tái tạo
	Dầu chống gỉ RP93	59.657,67	Kg	Không tái tạo
	Dầu chống gỉ RP79	1.330,25	Kg	Không tái tạo
	Dầu phủ Adeka	224,4	Kg	Không tái tạo
	Dầu phủ RP93 & 580V	27,96	Tấn	Không tái tạo
Vật liệu đóng gói	Giấy / Carton	1.097,21	Tấn	Tái tạo
	Dây đai kim loại	180,98	Tấn	Không tái tạo
	Dây đai nhựa	45,09	Tấn	Không tái tạo
	Nylon	42,69	Tấn	Không tái tạo

(*) Khối lượng/thể tích thực tế được trích xuất từ hệ thống ERP theo đặc tính lưu trữ đặc thù của từng loại vật tư (Tấn hoặc Lít).



Cân bằng nguyên vật liệu

Thông qua việc bóc tách dữ liệu của thép HRC, CSVC ghi nhận 31.201 tấn hao hụt vô hình và thu hồi 5.432 tấn phế liệu thép, tạo cơ sở dữ liệu cốt lõi để tối ưu hóa quy trình:

Hiệu suất sử dụng vật liệu HRC



So với chu kỳ 2023-2024, dữ liệu năm 2025 ghi nhận sự thay đổi về hiệu suất vận hành tại các dây chuyền PO và CR đạt mức 96% (tăng 1%); dây chuyền ES đạt mức 95% (tăng 1%). Sự thay đổi các thông số này là kết quả của hoạt động rà soát, hiệu chỉnh kỹ thuật thiết bị, dẫn đến việc giảm định mức tiêu hao nguyên liệu thô (HRC) trên mỗi đơn vị thành phẩm.

Nguyên vật liệu tái chế

CSVC ghi nhận khối lượng 803 tấn thép có chứa thành phần tái chế (chiếm 0,096% tổng nguyên vật chính đầu vào).
Dữ liệu phân bổ nguồn cung phản ánh nỗ lực đa dạng hóa chuỗi cung ứng để đáp ứng tiêu chuẩn quản trị nguyên vật liệu tái chế



Quốc gia cung cấp	Tên nhà sản xuất	Thép có chứa thành phần tái chế	Khối lượng (Tấn)	Đánh giá tác động quản trị
Việt Nam	FHS Hà Tĩnh	RC23	684	Cắt giảm gián tiếp phát thải logistics (Scope 3)
Thái Lan	G J Steel	RC97	82	Đa dạng hóa rủi ro chuỗi cung ứng
Nhật Bản	Tokyo Steel	RC100	37	Thử nghiệm ứng dụng vật liệu tái chế 100%

Quản lý vòng đời bao bì sau tiêu dùng

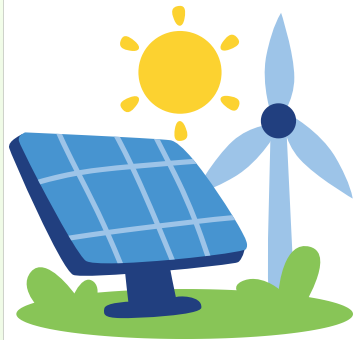
Trong tổng số 1.365,97 tấn bao bì xuất xưởng năm 2025, **lượng giấy/carton (vật liệu tái tạo) chiếm 1.097,21 tấn.**

Dữ liệu đối chiếu cho thấy tỷ trọng bao bì giấy đạt chứng nhận quản lý rừng bền vững FSC được ghi nhận ổn định ở mức 90% trong chu kỳ 3 năm (2023 - 2025). Chỉ số này phản ánh việc tích hợp các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường và đảm bảo nguyên tắc trách nhiệm vòng đời sản phẩm của CSVC.



Đối với tổng số bao bì không tái tạo (đai kim loại, đai nhựa, nylon), tỷ lệ doanh nghiệp trực tiếp thu hồi nguyên vẹn để tái sử dụng là 0%. Do yêu cầu chịu lực căng tối đa trong vận chuyển thép cuộn, cấu trúc cơ tính của hệ thống đóng gói bị phá vỡ sau khi tháo dỡ. Việc không tái sử dụng trực tiếp các bao bì này là biện pháp kiểm soát rủi ro an toàn.

Thay vào đó, CSVC khuyến nghị và chuyển giao quy trình phân loại để lượng bao bì phế phẩm này được xử lý thông qua hệ sinh thái thu gom, tái chế thứ cấp tại địa phương, đảm bảo nguyên tắc trách nhiệm vòng đời sản phẩm.



Chính sách quản lý năng lượng và môi trường

CSVC ban hành Chính sách Môi trường và Năng lượng với cam kết duy trì hoạt động sản xuất luôn gắn liền với phát triển bền vững. Chúng tôi xem đây là trách nhiệm cốt lõi của doanh nghiệp. Để hiện thực hóa nghĩa vụ này, cấp quản lý, toàn thể nhân viên và các nhà thầu của CSVC cam kết phối hợp thực hiện thông qua 3 trụ cột hành động cụ thể:

Cam kết quản lý:



- Thiết lập và thực hiện hệ thống quản lý môi trường và năng lượng (EMS), sử dụng hệ thống này như một tiền đề để đánh giá các yếu tố môi trường, hoàn thành và cung cấp đầy đủ nhân lực, thông tin kỹ thuật cho hệ thống này; chú trọng vào các quá trình thu mua cũng như thiết kế nhằm cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm thiểu tác động đến môi trường.
- Cam kết bảo vệ môi trường và sử dụng năng lượng một cách có hiệu quả trong hoạt động sản xuất cũng như thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ của tổ chức.

Nâng cao nhận thức:



- Đào tạo cho toàn thể nhân viên về khái niệm bảo vệ môi trường, nắm bắt được các công nghệ tiên tiến về sử dụng năng lượng một cách hiệu quả và tiết kiệm.
- Nâng cao và phổ biến chính sách môi trường và năng lượng liên quan đến các bên hữu quan.

Liên tục cải tiến:



- Thúc đẩy việc kiểm soát ô nhiễm và tiết kiệm năng lượng.
- Liên tục cải tiến hệ thống quản lý môi trường và năng lượng, cam kết và cống hiến cho việc phát triển bền vững của doanh nghiệp và cộng đồng.

CSVC đã hoàn thiện các yêu cầu theo tiêu chuẩn GRI cho hạng mục quản lý năng lượng. Đối với chính sách mục tiêu bám sát nóng lên toàn cầu, CSVC đã xây dựng định hướng giảm phát thải carbon theo đúng tiêu chí trên. Ngoài ra, đối với việc xây dựng theo mục tiêu của SBTi, CSVC đã và đang nghiên cứu và sẽ áp dụng trong thời gian tới khi phù hợp.

*Science Based Targets initiative (SBTi) là một tổ chức toàn cầu về hành động khí hậu doanh nghiệp, xây dựng các tiêu chuẩn và hướng dẫn khoa học để giúp doanh nghiệp đặt mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính phù hợp với kịch bản giữ nóng lên toàn cầu ở mức 1,5°C và đạt Net Zero không muộn hơn năm 2050.

Tình hình sử dụng năng lượng

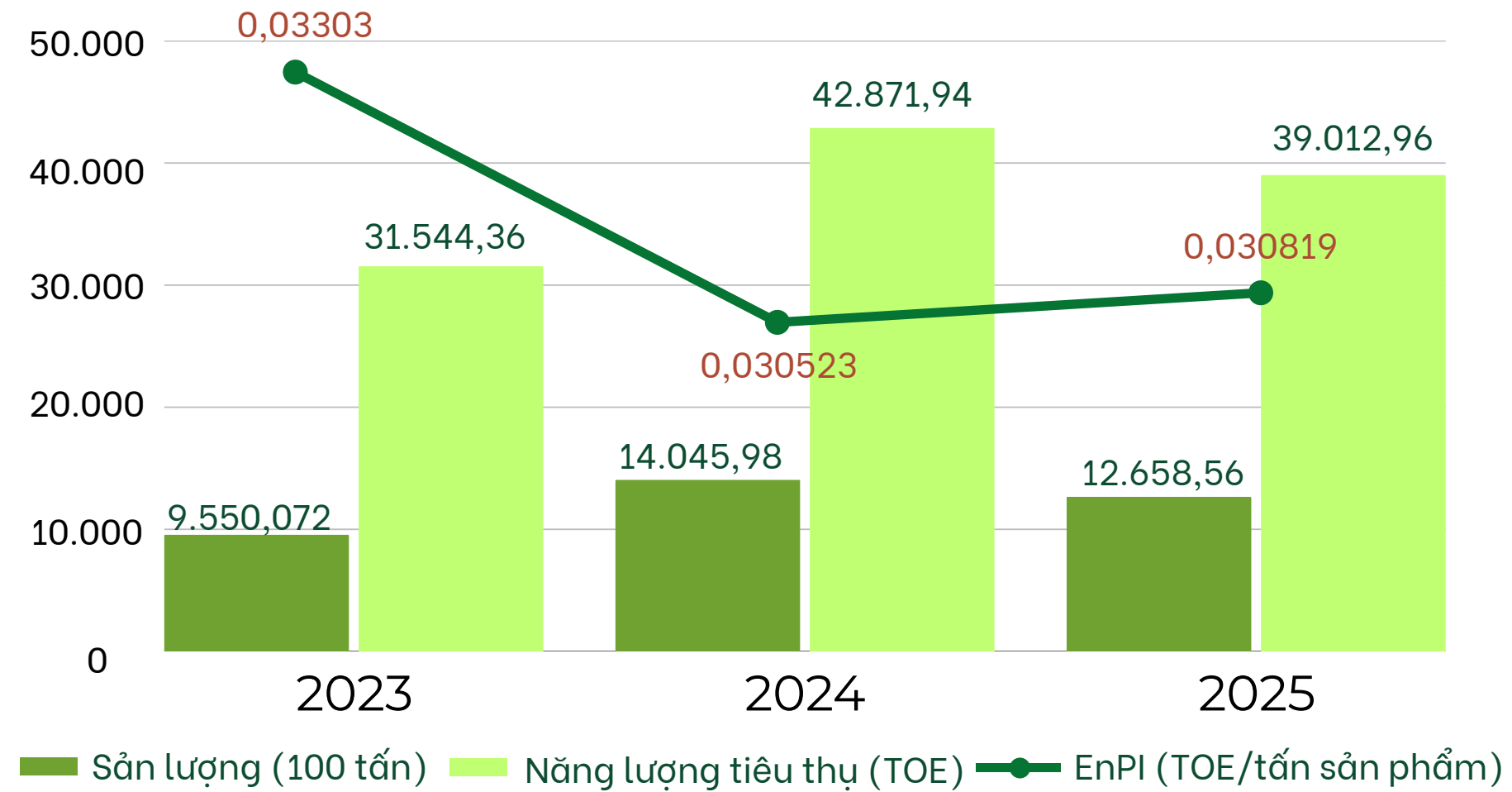
Đánh giá hiệu quả năng lượng trong giai đoạn 2023 - 2025

- Tỷ lệ năng lượng/ tấn sản phẩm đã ghi nhận lượng giảm đáng kể trong giai đoạn 2023-2025
- Một số các hoạt động, biện pháp giảm sử dụng năng lượng đã được thực hiện ở các bộ phận, bao gồm:
- Tiết kiệm năng lượng trong việc sử dụng thiết bị điện.
- Đầu tư chuyển đổi hệ thống điện đặc biệt đèn LED nhằm tối ưu năng lượng sử dụng.
- Tối ưu hóa quy trình sản xuất.



Lượng năng lượng sử dụng hàng năm				
Các dạng năng lượng	Đơn vị	2023	2024	2025
Điện	kWh	106.859.300	142.341.400	135.215.900
Khí tự nhiên (NG)	Tr. m3	17,75	24,63	21,38

HIỆU SUẤT SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TỪ 2023 ĐẾN 2025



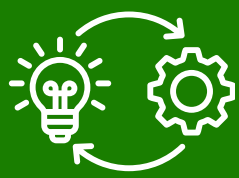
Phương pháp quản trị vấn đề trọng yếu

Trong bối cảnh vận hành của Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) và thị trường tín chỉ carbon nội địa, CSVN đặt trọng tâm vào tính minh bạch và độ chính xác của dữ liệu phát thải. Nhằm hạn chế rủi ro sai sót từ việc quản lý thủ công, công ty đang tiến hành triển khai Hệ thống giám sát phát thải kỹ thuật số (DEMS), đồng thời duy trì công tác kiểm toán dữ liệu định kỳ bởi các tổ chức độc lập. Lộ trình giảm 7% phát thải nội bộ vào năm 2025 và hướng tới trung hòa carbon vào năm 2050 được thiết lập nhằm đáp ứng yêu cầu tuân thủ và duy trì năng lực cạnh tranh trong chuỗi cung ứng xuất khẩu.



CAM KẾT CHIẾN LƯỢC

- Triển khai lộ trình giảm phát thải khí nhà kính có thể đo lường, hướng tới mục tiêu Net Zero.
- Chuẩn hóa hệ thống kiểm kê phát thải theo tiêu chuẩn quốc tế và đáp ứng yêu cầu của thị trường carbon nội địa.
- Đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu kê khai và kỹ thuật thuộc Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của EU.
- Số hóa quy trình quản lý dữ liệu phát thải nhằm hạn chế rủi ro sai sót thủ công, đảm bảo tính minh bạch và khả năng truy xuất nguồn gốc.



HÀNH ĐỘNG THỰC THI

- Thực hiện kiểm kê khí nhà kính; đồng thời giám sát và báo cáo định kỳ việc sử dụng các chất làm suy giảm tầng Ozon cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Vận hành hệ thống lọc bụi túi vải và tháp hấp thụ tĩnh cho 16 hệ thống ống khói (lò đốt, lò gia nhiệt ACL, CAL...).
- Vận hành và tối ưu hóa Hệ thống giám sát phát thải kỹ thuật số (DEMS) nhằm tự động hóa quy trình.
- Thẩm định định kỳ công thức tính CBAM thông qua các tổ chức độc lập, đảm bảo tuân thủ khắt khe quy định quốc tế.



KẾT QUẢ ĐO LƯỜNG (2025)

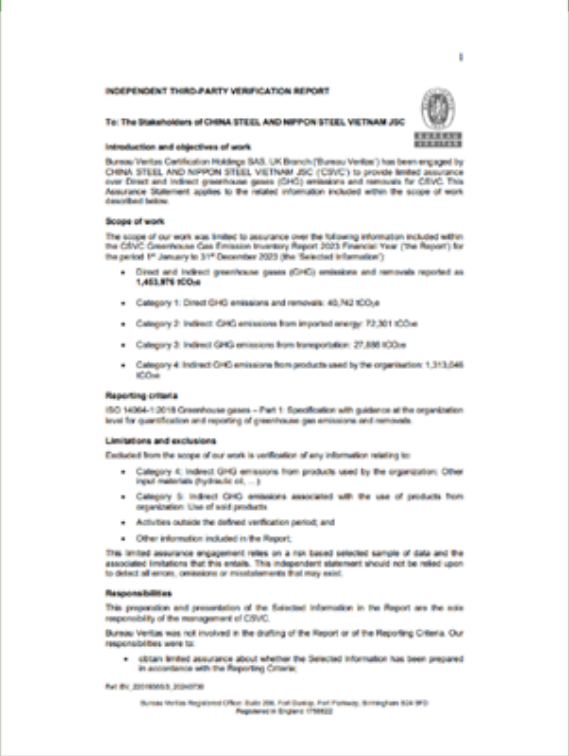
- 0,110 tCO₂e: mức cường độ phát thải trực tiếp trên mỗi tấn sản phẩm được duy trì và kiểm soát tối ưu.
- 100% dữ liệu kiểm kê được đánh giá và cấp chứng nhận bởi các tổ chức độc lập toàn cầu.
- 100% báo cáo CBAM định kỳ được nộp đúng hạn, bảo vệ an toàn chuỗi cung ứng xuất khẩu sang châu Âu.
- Hơn 1 Tỷ VNĐ ngân sách đã giải ngân để duy trì hệ thống DEMS và các chứng nhận quốc tế (LCA, EPD).

Các nguồn phát thải khí nhà kính trực tiếp

Hiện tại các nguồn phát thải KNK trực tiếp tại CSVC bắt nguồn từ các hoạt động sử dụng nhiên liệu hóa thạch cho sản xuất và vận chuyển, sử dụng điện mua từ bên ngoài. Một số ít nguồn phát sinh trong quá trình bảo trì cũng như từ hệ thống xử lý nước thải tại công ty. Cụ thể các nguồn phát sinh như sau:

Phạm vi	Nguồn phát thải
1	Các nguồn phát thải từ quá trình đốt tĩnh
	Sử dụng khí thiên nhiên (NG) cho lò hơi, lò gia nhiệt
	Sử dụng khí LPG cho quá trình hàn cắt
	Sử dụng dầu diesel (DO) cho các thiết bị bơm khẩn cấp
	Các nguồn phát thải từ quá trình đốt động
	Sử dụng xăng, dầu diesel cho xe forklift, xe pickup-truck và xe máy nội bộ
	Phát thải khí nhà kính phát sinh do sự rò rỉ, bay hơi hoặc giải phóng không chủ đích từ các hệ thống, thiết bị hoặc quá trình do con người tạo ra và vận hành
	Rò rỉ khí CH4 từ quá trình xử lý nước thải sinh hoạt và các quá trình xử lý nước thải
	Sử dụng khí gas lạnh để bảo trì, bảo dưỡng thiết bị
	Sử dụng hóa chất và bình chữa cháy trong hoạt động thường ngày
2	Phát thải từ sử dụng điện năng

CHỨNG NHẬN PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH (2023 - 2025)

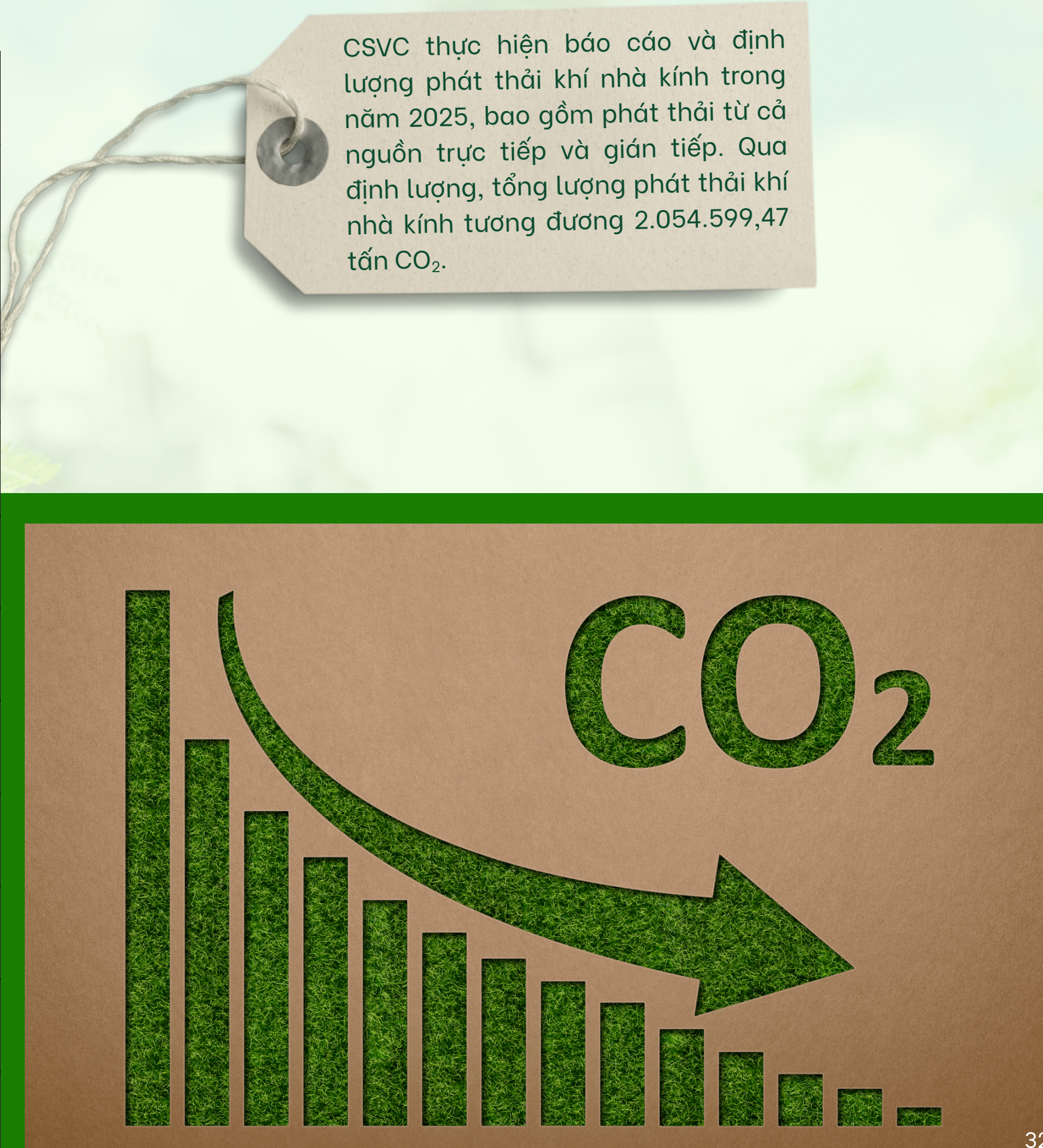


BẢNG THEO DÕI LƯỢNG PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH QUA CÁC NĂM

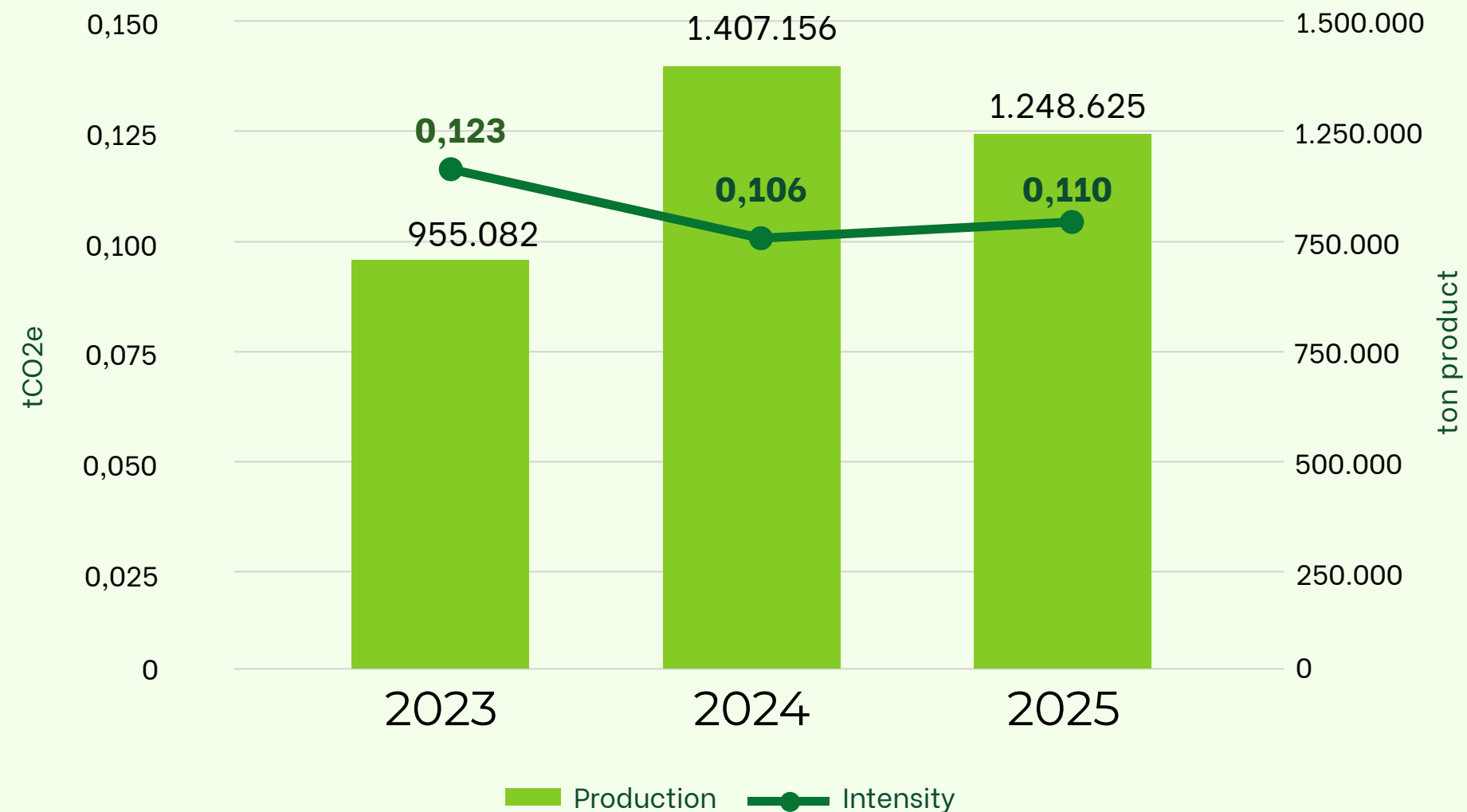
KIỂM KÊ KHÍ NHÀ KÍNH				
Mô tả	Đơn vị	2023	2024	2025
Kiểm kê KNK (Phạm vi 1)	Tấn CO2e	40.458,52	54.867,37	48.498,58
Kiểm kê KNK (Phạm vi 2)	Tấn CO2e	77.163,10	93.831,45	89.134,32
Kiểm kê KNK (Phạm vi 3)	Tấn CO2e	1.316.645,57	2.027.359,73	1.916.966,56

Bảng theo dõi nồng độ phát thải đối với từng scope trong năm 2025

Đơn vị báo cáo	CSVC	
Giai đoạn báo cáo	01/01/2025 - 31/12/2025	
Khí thải	Đơn vị	Tổng lượng khí thải
Phạm vi 1	Tấn CO2e	48.498,58
Carbon dioxide (CO2)	Tấn CO2e	47.648,27
Methane (CH4)	Tấn CO2e	484,12
Nitrous oxide (N2O)	Tấn CO2e	95,97
R-22	Tấn CO2e	186,87
R-134a	Tấn CO2e	83,35
Phạm vi 2	Tấn CO2e	89.134,32
Phạm vi 3	Tấn CO2e	1.916.966,56
Tổng cộng	Tấn CO2e	2.054.599,47



Cường độ phát thải khí nhà kính (Phạm vi 1&2)



Biểu đồ cho thấy sản lượng sản xuất của công ty tăng từ khoảng **955 nghìn tấn** năm 2023 lên **1,407 triệu tấn** năm 2024, sau đó giảm nhẹ còn khoảng **1,249 triệu tấn** vào năm 2025. Trong khi đó, cường độ phát thải khí nhà kính trực tiếp (Phạm vi 1 & 2) giảm từ 0,123 tCO₂e/tấn năm 2023 xuống 0,106 tCO₂e/tấn năm 2024, trước khi tăng nhẹ lên 0,110 tCO₂e/tấn vào năm 2025.

Xu hướng này cho thấy khi sản lượng sản xuất tăng, CSVC có khả năng tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng, nhiên liệu và nguyên vật liệu hiệu quả hơn, từ đó làm giảm mức phát thải trên mỗi đơn vị sản phẩm. Ngược lại, khi sản lượng giảm trong năm 2025, hiệu quả tối ưu hóa vận hành cũng giảm theo, dẫn đến cường độ phát thải tăng nhẹ.

Trong thời gian tới, CSVC sẽ tiếp tục duy trì các biện pháp tối ưu hóa sản xuất đã thực hiện, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và cải tiến công nghệ nhằm kiểm soát và giảm cường độ phát thải khí nhà kính một cách bền vững.



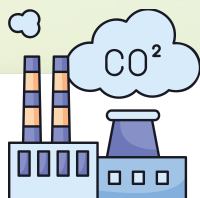
Phát thải chất phá hủy tầng ô-zôn (ODS)

STT	Khu vực sử dụng	Thông tin về thiết bị có chứa dung môi làm lạnh			Năng suất lạnh (kW)	Năm bắt đầu sử dụng	Tần suất nạp mới dung môi làm lạnh vào thiết bị trong năm 2025 (lần/năm)	Lượng chất được nạp vào thiết bị năm 2025 (kg/lần)
		Loại thiết bị (số hiệu, hãng sản xuất)	Số lượng thiết bị	Dung môi làm lạnh				
A. Hệ thống điều hòa								
Máy điều hòa không khí có năng suất lạnh danh định từ 26,5 kW (90.000 BTU/h) trở lên								
1	Văn phòng TCM	TATUNG	3	R22	52	2013	0	0
2	PLTCM, ARP, RS ER	TC10ES/TATUNG	13	R22	35	2013	0	0
3	PLTCM, ARP, RS ER	TC15ES/TATUNG	8	R22	52	2013	0	0
4	PLTCM, ARP, RS ER	TC20ES/TATUNG	7	R22	70	2013	0	0
5	PLTCM, ARP, RS ER	TC20ES/TATUNG	1	R22	70	2013	2	6,4
6	Pulpit, ER of ACL, INL, RCL	Tatung 10RT	2	R22	35,17	2013	1	3
7	Pulpit, ER of ACL, INL, RCL	Tatung 15RT	1	R22	52,75	2013	1	3
8	Pulpit, ER of ACL, INL, RCL	Tatung 20RT	1	R22	70,37	2013	1	3
9	UA1: Main Substation	TATUNG TC-10NSF	2	R410A	35,2	2013	0	0
10	UA1: Main Substation	TATUNG TC-25NSF	2	R410A	87,3	2013	1	12,4
B. Thiết bị lạnh công nghiệp								
Thiết bị lạnh công nghiệp có công suất điện từ 40 kW trở lên								
1	UA1	Máy sấy khí AD204	1	R407	41,5	2023	1	22,7
2	No.1 Office	Chiller KUEN LING: KLSW-120D	1	R134A	92,6	2013	0	0

Định kỳ hàng năm, CSVN đều định kỳ báo cáo tình hình sử dụng các chất làm giảm tầng ozon. Lần gần nhất được cập nhật và gửi cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường vào ngày 14/1/2026

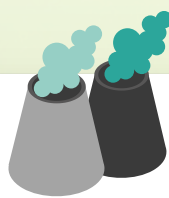


Nguồn phát sinh khí thải



- Khí thải từ lò gia nhiệt: CSVC sử dụng Khí thiên nhiên (NG) để làm nóng lò cho hoạt động sản xuất. Khí thải từ mỗi dây chuyền sản xuất được quạt hút thu gom về hệ thống xử lý và xả ra môi trường xung quanh thông qua các ống khói.
- Hơi axit từ bể tẩy gỉ: Quá trình tẩy gỉ thép được thực hiện trong bể dung dịch axit HCl ở nhiệt độ khoảng 70 độ. Ở nhiệt độ này, một lượng nhỏ HCl được bay hơi và thải ra môi trường xung quanh thông qua các ống khói.

Danh sách các ống khói tại CSVC



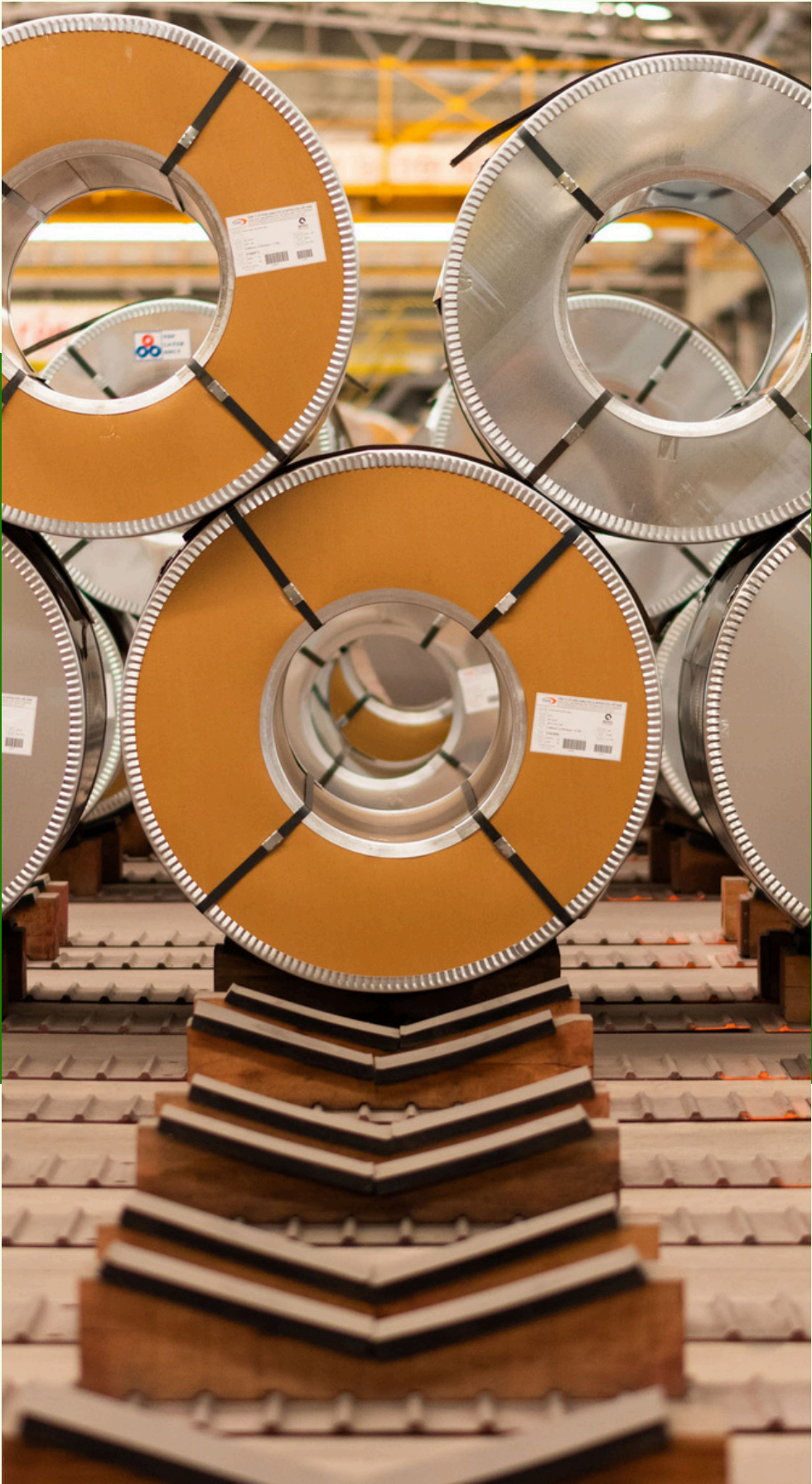
- CVC sử dụng Khí thiên nhiên (NG) để làm nóng lò cho hoạt động sản xuất, khí NG đã được chứng minh là nguồn không tái tạo sạch nhất so với các nguồn khác như nhiên liệu hóa thạch, than đá, v.v. Và lượng khí thải carbon của nó thấp hơn nhiều so với các nhiên liệu khác.
- Sau khi gia nhiệt hoặc tạo phản ứng sơ bộ trong dây chuyền sản xuất, khí thải được thải qua các ống khói có chiều cao khác nhau. Để đảm bảo an toàn và giảm thiểu tác động đến môi trường, một số ống khói đã được lắp đặt hệ thống lọc hoặc hấp thụ bụi dạng ống. Ngoài ra, khí tự nhiên cung cấp cho dây chuyền sản xuất sẽ được tính toán phù hợp để đảm bảo các phản ứng oxy hóa xảy ra hoàn toàn mà không tạo ra khí CO (chất ô nhiễm trong không khí).
- Tổng cộng 16 ống khói tại CSVC, nhưng ống khói BOI-01 không hoạt động trong giai đoạn sản xuất.

STT	Chuyển SX	Vị trí ống khói	Ống khói số	Chất ô nhiễm có	QCVN	Tần suất đo kiểm
1	PLTCM	Khu vực tẩy gỉ	PL-01	HCL	* Lưu lượng ≤ 20.000: - TSP: 200 mg/Nm3 - NOx: 850 mg/Nm3 - SO2: 500 mg/Nm3 - CO: 1.000 mg/Nm3 * Lưu lượng ≤ 100.000: - TSP: 180 mg/Nm3 - NOx: 765 mg/Nm3 - SO2: 450 mg/Nm3 - CO: 900 mg/Nm3 * Lưu lượng > 100.000: - TSP: 160 mg/Nm3 - NOx: 680 mg/Nm3 - SO2: 400 mg/Nm3 - CO: 800 mg/Nm3	Hàng quý
2	PLTCM	Khu vực bể gỉ	PL-02	Bụi		
3	PLTCM	Dàn cán	PL-03	Bụi		
4	ARP	Dây chuyền tái	ARP-01	HCL		
5	ARP	Dây chuyền loại	ARP-02	HCL		
6	ACL	Tẩy rửa	ACL-01	NaOH		
7	ACL	Lò đốt	ACL-02	Đốt NG		
8	ACL	Lò gia nhiệt	ACL-03	Đốt NG		
9	Tiện ích	Lò hơi	BOI-01	Đốt NG		
10	Tiện ích	Lò hơi	BOI-02	Đốt NG		
11	QA/QC	Phòng thí nghiệm	QA-01	Hơi hóa chất		
12	CAL	Lò đốt	CAL-01	Đốt NG		
13	CAL	Tẩy rửa	CAL-02	NaOH		
14	CGL	Lò đốt	CGL-01	Đốt NG		
15	CGL	Lò gia nhiệt	CGL-02	Đốt NG		
16	CGL	Tẩy rửa	CGL-03	NaOH, bụi		



Kết quả giám sát môi trường khí thải

STT	Ống khói	Lưu lượng (m3/h)	NOx (mg/Nm3)	SO2 (mg/Nm3)	CO (mg/Nm3)	TSP (mg/Nm3)	HCl (mg/Nm3)	Cl2 (mg/Nm3)
1	ACL-01	4.623	1,89	9,39	99,49	17,40	-	-
2	ACL-02	19.831	75,39	39,50	76,22	18,33	-	-
3	ARP-01	18.310	39,63	1,96	6,28	78,58	3,31	0,05
4	ARP-02	16.483	3,99	51,14	70,73	9,40	2,28	0,15
5	BOI-02	15.843	56,37	1,96	33,30	18,33	-	-
6	CAL-02	14.014	6,52	1,96	19,11	13,70	-	-
7	CGL-03	14.280	1,42	1,96	0,85	16,05	-	-
8	PL-01	11.190	1,42	14,84	7,96	9,58	6,50	2,32
9	QA-01	4.629	1,46	1,96	0,85	10,30	-	-
QCVN 51:2017/BTNMT Kp=1,0; Kv=1,0; (QCVN 19:2009/BTNMT)		≤20.000	850	500	1.000	200	50	-
10	ACL-03	29.847	57,53	36,89	127,09	26,03	-	-
11	CAL-01	35.743	19,55	3,49	51,78	25,28	-	-
12	CGL-01	43.214	30,72	12,68	12,71	25,35	-	-
13	CGL-02	21.271	26,59	1,96	205,02	15,23	-	-
14	PL-02	25.433	1,51	1,96	2,36	13,98	3,15	0,43
QCVN 51:2017/BTNMT (Kp=0,9; Kv=1,0) ; (QCVN 19:2009/BTNMT)		≤100.000	765	450	900	180	45	-
15	PL-03	168.242	6,35	1,96	4,46	14,93	1,17	0,05
QCVN 51:2017/BTNMT (Kp=0,8; Kv=1,0) ; (QCVN 19:2009/BTNMT)		>100.000	680	400	800	160	40	
Kết luận		Tất cả các thông số đều đạt so với tiêu chuẩn luật định						



Lộ trình hướng tới Net Zero 2050

CSVC đã chính thức có những bước đi đầu tiên theo lộ trình “trung hòa carbon”, nhằm hướng ứng cam kết của Việt Nam đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 (Net Zero 2050), theo tuyên bố của Thủ tướng Chính phủ tại hội nghị biến đổi khí hậu COP26 diễn ra tại Anh năm 2021. Theo đó, CSVC sẽ giảm 7% lượng phát thải khí nhà kính nội bộ vào năm 2025, cắt giảm và trung hòa phát thải khí nhà kính 25% vào năm 2030 và đạt mục tiêu trung hòa carbon vào năm 2050.

Hơn một thập kỷ phấn đấu trở thành nhà sản xuất thép hàng đầu Việt Nam, với hệ thống công nghệ cao, CSVC đã xây dựng chương trình hướng tới “phát thải ròng bằng 0” tập trung vào 3 nhiệm vụ trọng tâm: Tối ưu hóa hoạt động sản xuất, thay thế công nghệ cũ và ứng dụng công nghệ mới. Để thực hiện đúng cam kết, từ năm 2022, CSVC nghiêm túc thực hiện báo cáo, định lượng phát thải khí nhà kính (KNK), trong đó có phát thải từ cả nguồn trực tiếp và gián tiếp. Ngoài ra, do lượng sản phẩm vẫn được bán tới thị trường châu Âu, các yêu cầu về chính sách Biên giới Carbon (CBAM) được CSVC cực kỳ quan tâm, theo dõi cũng như tuân thủ.

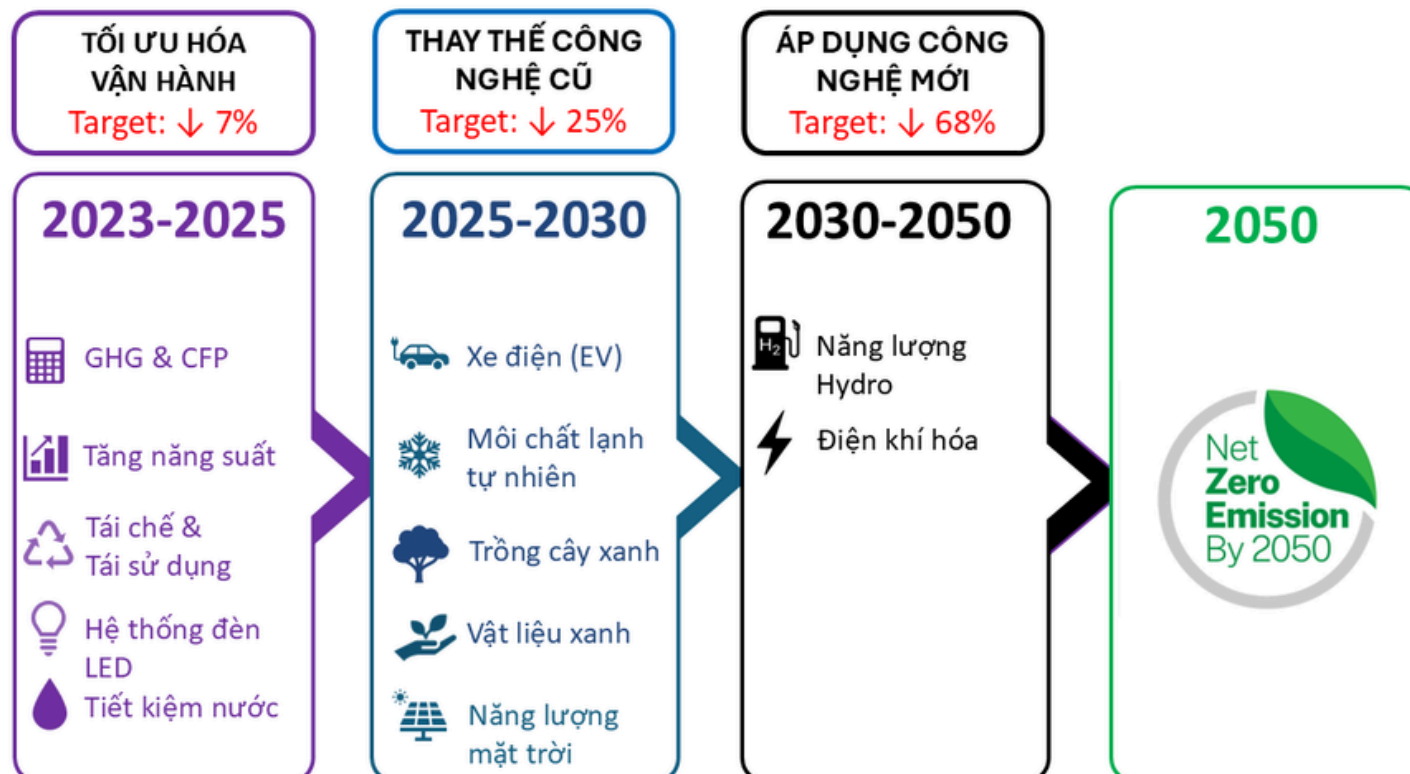
Đặc biệt, trong giai đoạn chuyển tiếp 2024-2025, 100% các báo cáo định kỳ CBAM được gửi tới khách hàng mà không bị chậm trễ nào. Ngoài ra, định kỳ hàng năm, CSVC sẽ mời bên thứ 3 thẩm định báo cáo CBAM, nhằm đảm bảo cách lập luận, công thức tính theo sát yêu cầu của chính sách CBAM.

KẾ HOẠCH GIẢM PHÁT THẢI CARBON TRONG NĂM 2026

Theo nội dung cuộc họp phát triển bền vững 2026 đã được phê duyệt bởi tổng giám đốc, CSVC sẽ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động giảm phát thải carbon trong năm 2026, bao gồm:

- Tiếp tục thực hiện chuyển đổi xanh, đẩy mạnh thông qua việc chuyển đổi sang đèn LED.
- Tiếp tục tối ưu hóa quy trình sản xuất, nhằm giảm năng lượng tiêu thụ trong quá trình sản xuất.
- Đề xuất đầu tư các hệ thống tuần hoàn khí thải, tận dụng nhiệt dư.
- Nghiên cứu các công nghệ mới, các công nghệ sử dụng năng lượng tái tạo đặc biệt hệ thống năng lượng mặt trời.

LỘ TRÌNH NET ZERO 2050 CỦA CSVC



Phương pháp quản trị vấn đề trọng yếu

Công tác quản lý chất thải tại CSVC được thực hiện dựa trên nguyên tắc kiểm soát chặt chẽ rủi ro từ chuỗi cung ứng dịch vụ xử lý. Công ty thiết lập các tiêu chuẩn giám sát đối tác bao gồm: yêu cầu phương tiện vận chuyển lắp đặt hệ thống định vị GPS, thực hiện thanh tra đột xuất tại cơ sở xử lý và áp dụng các điều khoản phòng chống hối lộ trong hợp đồng dịch vụ. Việc hợp tác chuyên biệt với các nhà thầu có đầy đủ giấy phép môi trường và công nghệ xử lý đạt chuẩn giúp CSVC đảm bảo tuân thủ pháp luật và ngăn ngừa rủi ro sự cố môi trường.

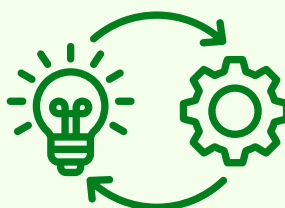
CAM KẾT CHIẾN LƯỢC

- Nhận diện, phân loại và chuẩn hóa quy trình quản lý chất thải phát sinh theo tiêu chuẩn hệ thống môi trường quốc tế
- Kiểm soát nghiêm ngặt năng lực pháp lý của bên thứ ba, đảm bảo minh bạch tài chính và phòng chống hối lộ trong đấu thầu.
- Tối đa hóa thu hồi tài nguyên, tái sinh hóa chất lõi, biến chất thải thành nguồn thu tài chính thay vì chôn lấp.



HÀNH ĐỘNG THỰC THI

- Ban hành hệ thống quy định nội bộ về chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp và chất thải sinh hoạt.
- Thẩm định giấy phép môi trường và ký kết hợp đồng minh bạch với các đối tác xử lý chất thải đạt chuẩn.
- Giám sát 100% xe thu gom qua GPS, thanh tra đột xuất 15 tiêu chí an toàn và áp dụng phụ lục “Cam kết không nhận hoa hồng”.
- Vận hành hệ thống tái sinh axit HCl (ARP).



KẾT QUẢ ĐO LƯỜNG (2025)

- Duy trì thành công chứng nhận ISO 14001:2015.
- 0 sự cố tràn đổ hóa chất hay rò rỉ chất thải nguy hại ra môi trường.
- Hơn 10,48 TỶ VNĐ được hạch toán và chi trả minh bạch cho các nhà thầu xử lý chất thải hợp pháp.
- 35.987 tấn chất thải được xử lý an toàn qua mạng lưới nhà thầu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp phép.
- Hơn 32 triệu kg axit HCl được tái sinh thành công, tạo ra sản phẩm phụ mang lại giá trị kinh tế lớn.



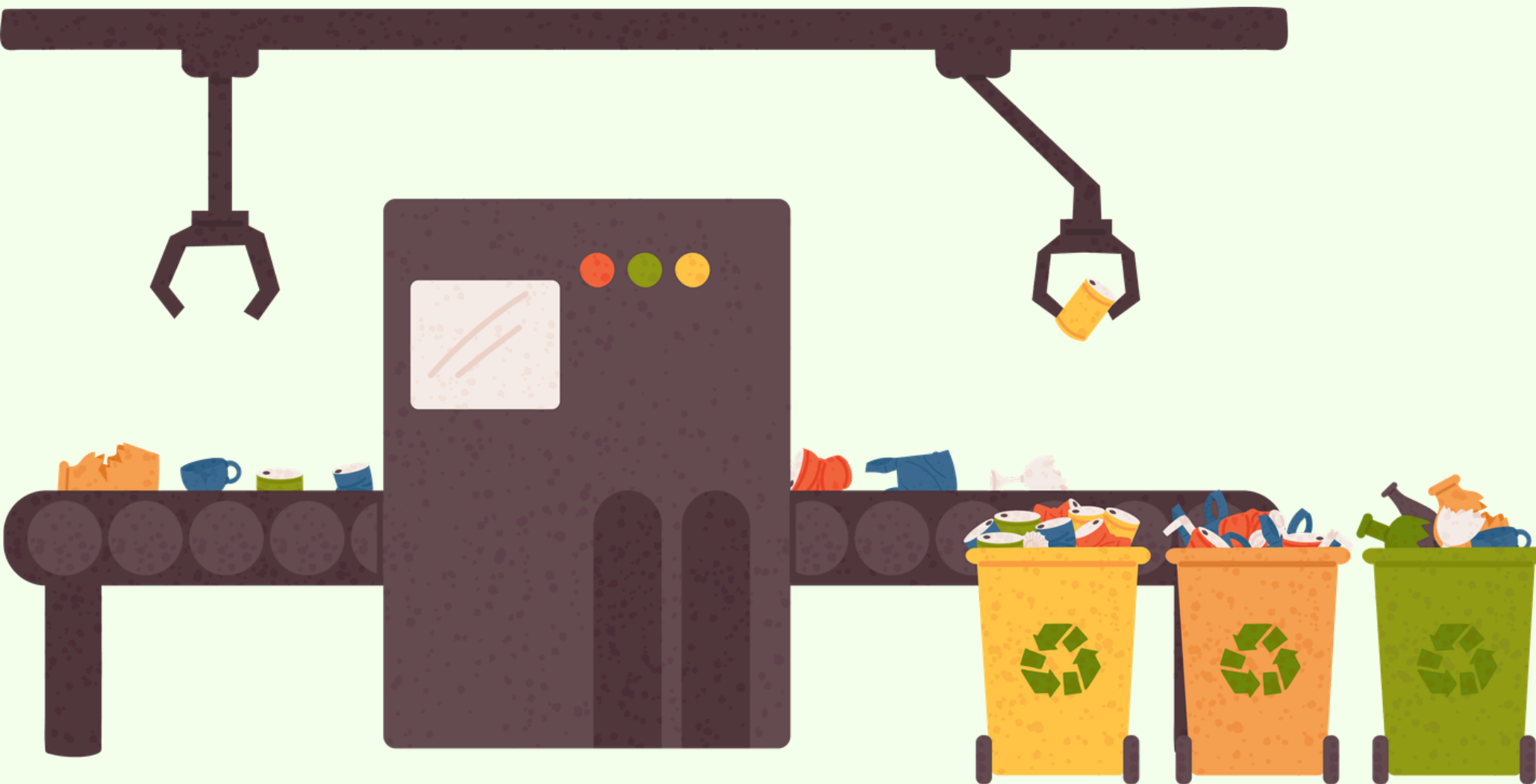
Hệ thống quản lý chất thải

Tiêu chuẩn ISO và hệ thống quy định nội bộ

Hệ thống quản lý môi trường tại CSVC được vận hành, tuân thủ và duy trì đánh giá định kỳ hằng năm theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001:2015 do tổ chức SGS cấp chứng nhận. Bên cạnh đó, nhằm cụ thể hóa tiêu chuẩn này vào thực tiễn và kiểm soát, phân loại rác triệt để ngay tại nguồn, CSVC đã ban hành và thực thi 03 quy định nội bộ cốt lõi, bao gồm:

- Quy định quản lý chất thải công nghiệp.
- Quy định quản lý chất thải nguy hại.
- Quy định quản lý chất thải sinh hoạt.

Việc phân loại được bộ phận chuyên trách giám sát vi mô thông qua các thông số kỹ thuật lưu trữ bắt buộc: rác sinh hoạt phải được phân tách thành 3 luồng riêng biệt; khu vực lưu trữ chất thải nguy hại được nhận diện bằng vạch kẻ vàng cách ly bề rộng 8cm; đặc biệt, bao bì chứa chất lỏng nguy hại phải luôn cách giới hạn trên 10cm và không được lưu chứa quá 90% thể tích nhằm tạo không gian an toàn, chống sự cố tràn đổ do giãn nở.



Hệ thống quản lý chất thải

Trong giai đoạn 2021-2025, sản lượng sản xuất giảm từ gần 1.566.800 tấn năm 2021 xuống 955.100 tấn năm 2023, sau đó phục hồi lên 1.248.600 tấn vào năm 2025 nhưng vẫn thấp hơn so với năm 2021. Tương tự, lượng chất thải phát sinh giảm từ 4.147 tấn năm 2021 xuống 2.590 tấn năm 2023, sau đó tăng trở lại lên 4.127 tấn vào năm 2025. Trong khi đó, tỷ lệ chất thải trên sản lượng tăng từ 2,647 năm 2021 lên 3,305 vào năm 2025.

Xu hướng này cho thấy mặc dù lượng chất thải phát sinh biến động theo sản lượng sản xuất, hiệu quả kiểm soát chất thải trên đơn vị sản phẩm chưa được cải thiện ổn định. Khi sản lượng giảm hoặc chưa đạt mức tối ưu, hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu và kiểm soát hao hụt trong sản xuất có xu hướng giảm, dẫn đến tỷ lệ chất thải tăng lên. Ngoài ra, do CSVC đã hoạt động trên 13 năm, nhiều hệ thống, thiết bị cần được bảo trì và vệ sinh thường xuyên hơn, làm phát sinh thêm lượng chất thải trong quá trình vận hành. Bên cạnh đó, để đáp ứng các yêu cầu ngày càng nghiêm ngặt từ khách hàng về chất lượng sản phẩm, CSVC cũng tăng cường các hoạt động làm sạch sản phẩm, dẫn đến lượng chất thải phát sinh gia tăng.

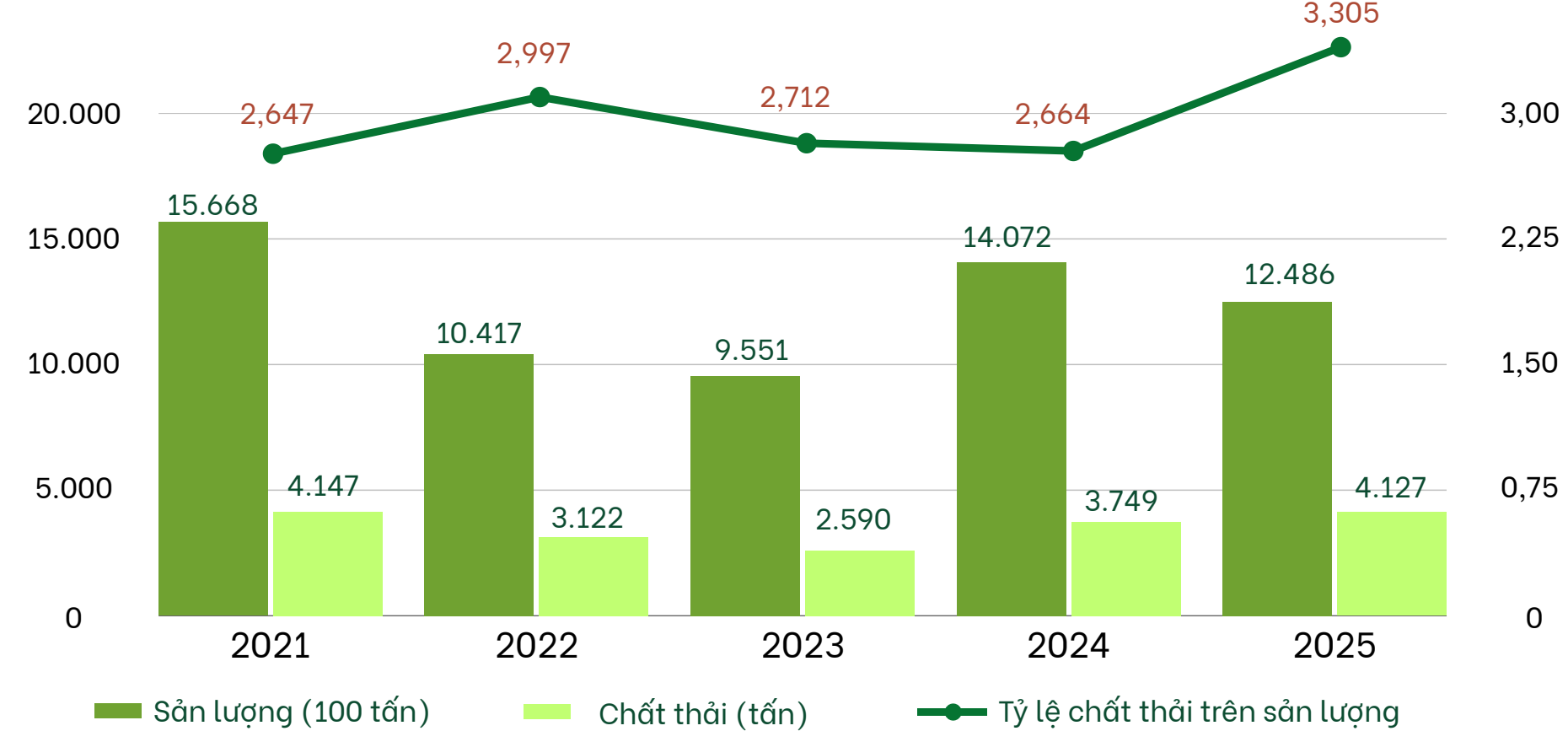
Trong thời gian tới, CSVC sẽ tiếp tục tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu và tăng cường các hoạt động tái sử dụng, tái chế nhằm giảm tỷ lệ phát sinh chất thải trên đơn vị sản phẩm.

SỐ LƯỢNG CHẤT THẢI XỬ LÝ GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

THÔNG TIN CHẤT THẢI				
Mô tả	Đơn vị	2023	2024	2025
Chất thải rắn sinh hoạt	Tấn	58,26	57,35	61,43
Chất thải công nghiệp (bao gồm phế liệu)	Tấn	20.906	33.151	31.909
Chất thải nguy hại	Tấn	2.528	3.625	4.078



KẾT QUẢ THEO DÕI CHỈ SỐ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2021-2025



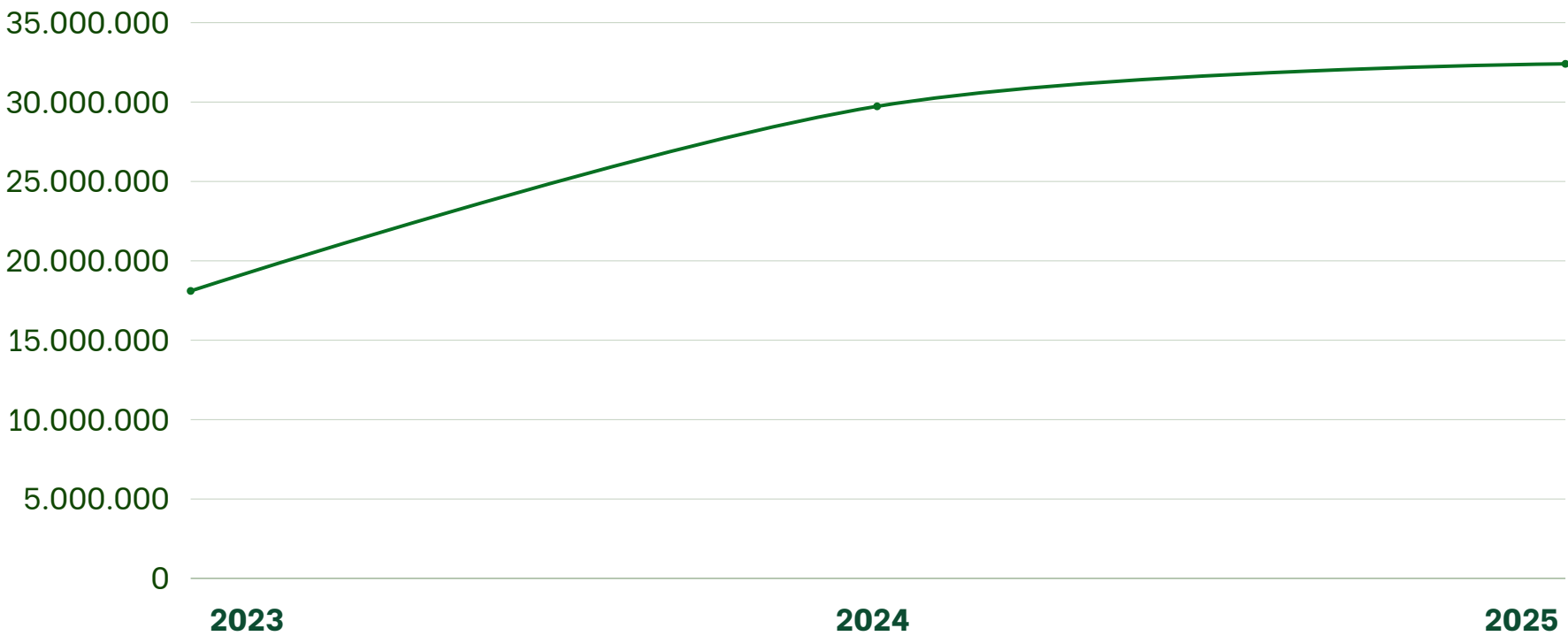
Chất thải được thu hồi

Nhằm hướng đến mô hình kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững, CSVC đã đầu tư hệ thống tái sinh acid HCl ngay từ khi bắt đầu hoạt động từ năm 2013 với định hướng lâu dài về bảo vệ môi trường và tối ưu hóa tài nguyên trong sản xuất. Đây là một trong những bước đi thể hiện tầm nhìn chiến lược của doanh nghiệp trong việc giảm thiểu chất thải và thúc đẩy tái sử dụng/thu hồi hóa chất sau quá trình sản xuất.

Hệ thống tái sinh acid HCl cho phép thu hồi và tái sử dụng acid sau quá trình tẩy rỉ thép thay vì thải bỏ như chất thải nguy hại. Trong 3 năm gần nhất, công ty đã thực hiện tái sinh lượng acid thải như sau:



Thông tin acid HCl thải được thu hồi



Việc duy trì hoạt động thu hồi acid thải mang lại nhiều lợi ích như giảm phát sinh chất thải nguy hại, tiết kiệm hóa chất đầu vào, giảm chi phí xử lý chất thải và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên. Đồng thời, hoạt động này cũng góp phần giảm tác động môi trường và thúc đẩy mô hình sản xuất tuần hoàn.

Thông qua hệ thống tái sinh acid HCl, CSVC không chỉ nâng cao hiệu quả sản xuất mà còn thể hiện cam kết mạnh mẽ đối với định hướng phát triển bền vững và bảo vệ môi trường lâu dài.



Xử lý chất thải



Chất thải không được thu hồi

Chất thải không được thu hồi bao gồm các loại chất thải không thể tái sử dụng hoặc tái chế, được xử lý bằng các hình thức chôn lấp hoặc thiêu đốt theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng khối lượng chất thải nguy hại và công nghiệp **đã xử lý** trong năm 2025 là khoảng **4.197.030,4** kg, trong đó đều được CSVC thuê đơn vị bên ngoài có đầy đủ giấy phép để xử lý.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2025

Quản lý tác động và giám sát bên thứ 3

CSVC thiết lập nguyên tắc không ủy thác hoàn toàn trách nhiệm môi trường cho bên thứ ba. Đối với các loại chất thải không thể thu hồi hoặc xử lý nội bộ, công ty chỉ chuyển giao cho danh sách các đơn vị sở hữu năng lực và công nghệ xử lý lõi công suất lớn và có đầy đủ Giấy phép môi trường hợp lệ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp. Đồng thời, nhằm đảm bảo đơn vị thứ ba xử lý rác đúng cam kết pháp luật, CSVC áp dụng quy trình kiểm tra và giám sát định kỳ thông qua 3 lớp phòng vệ khắt khe:

Giám sát lộ trình số hóa

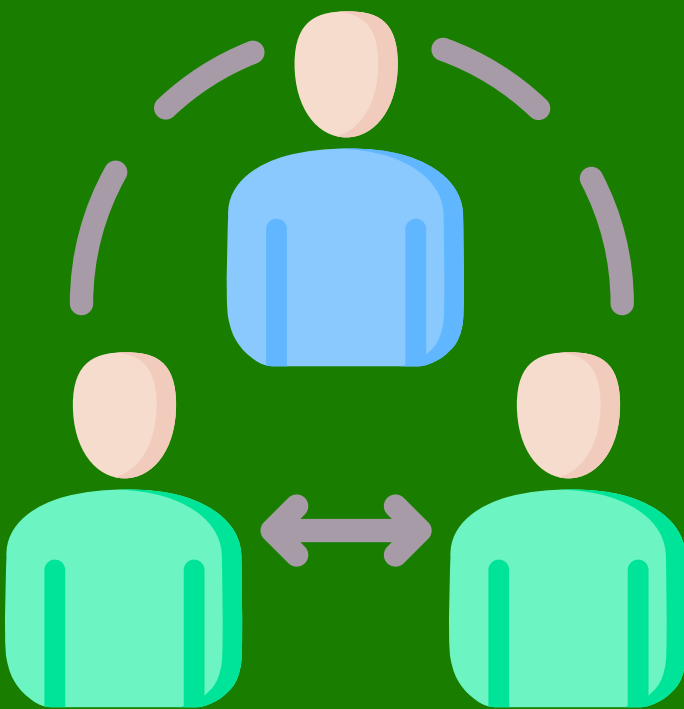
Yêu cầu 100% phương tiện vận chuyển chuyên dụng của nhà thầu phải lắp đặt hệ thống định vị toàn cầu (GPS). Nhật ký hành trình di chuyển phải được trích xuất và báo cáo về CSVC trước ngày 10 hằng tháng nhằm triệt tiêu hoàn toàn rủi ro thất thoát hoặc đổ trộm rác thải.

Thanh tra cơ sở thực địa

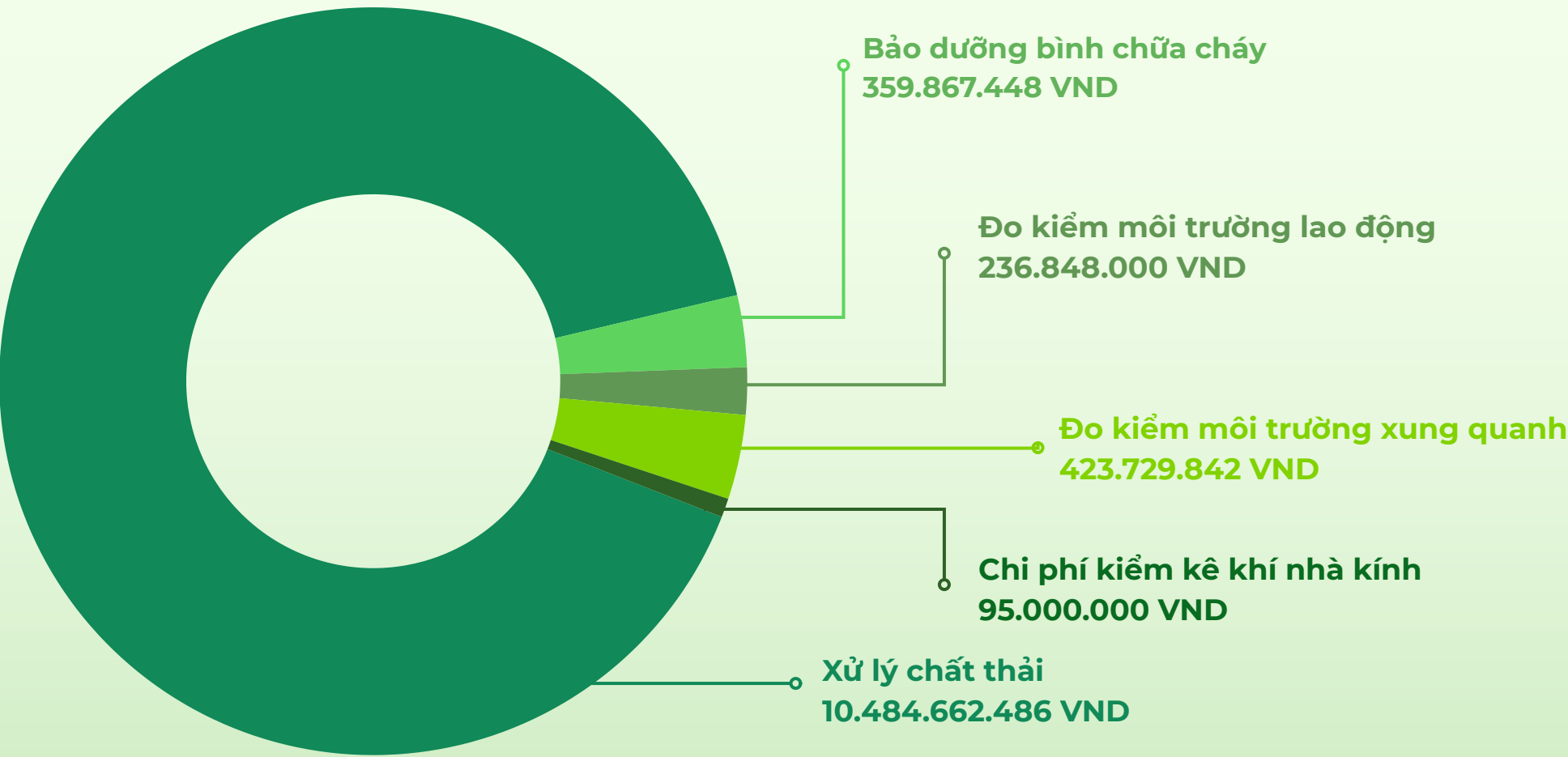
CSVC thực hiện quyền thanh tra đột xuất không báo trước tại các nhà máy xử lý của đối tác, đánh giá tuân thủ dựa trên bộ 15 tiêu chí.

Chế tài hợp đồng và liên chính

Áp dụng điều khoản tài chính giữ lại 10% giá trị hợp đồng thanh toán để dự phòng làm bảo chứng rủi ro sự cố. Đồng thời, toàn bộ hợp đồng bắt buộc đính kèm Phụ lục Cam kết không nhận hoa hồng, quy định rõ quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu đối tác vi phạm việc tặng quà/hoa hồng trị giá trên 2 triệu đồng.



Quản trị môi trường bền vững



Chi phí môi trường trong năm 2025

Trong năm 2025, công ty tiếp tục duy trì và tối ưu hóa các khoản đầu tư, chi phí dành cho hoạt động quản lý hệ thống môi trường và an toàn lao động.

11.600.107.776 VND là tổng chi phí ghi nhận cho các hoạt động này, được phân bổ cụ thể theo các hạng mục kiểm soát ô nhiễm, tuân thủ pháp lý và giảm thiểu rủi ro

Trong năm vừa qua, chi phí xử lý chất thải của CSVC vẫn chiếm tỷ lệ cao. Điều này phản ánh được cam kết nghiêm túc về bảo vệ môi trường trong việc kiểm soát nguồn ô nhiễm, ngăn ngừa tràn đổ ra ngoài môi trường, đặc biệt là đối với các cơ sở phát sinh mức phát thải lớn như CSVC.

Ngoài ra, các chi phí phục vụ cho mục đích tuân thủ pháp luật như đo kiểm môi trường định kỳ, bảo dưỡng bình chữa cháy vẫn được duy trì như một cam kết cốt lõi mang tính tiên quyết trong hoạt động vận hành của công ty. Việc đầu tư nghiêm túc và đều đặn vào các hạng mục này không chỉ giúp doanh nghiệp đảm bảo tính tuân thủ tuyệt đối trước các quy định pháp lý hiện hành của nhà nước, mà còn là nền tảng để chủ động nhận diện, phòng ngừa các rủi ro về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và sự cố môi trường tiềm ẩn.

Đồng thời, năm 2025, CSVC cũng đẩy mạnh các hoạt động liên quan đến phát triển bền vững, đặc biệt là phần phát thải khí nhà kính khi ghi nhận chi phí phục vụ mục đích kiểm kê khí nhà kính. Hạng mục này không chỉ đơn thuần là việc hoàn thành nghĩa vụ báo cáo theo quy định pháp lý, mà còn là cơ sở dữ liệu nền tảng để CSVC chuẩn hóa hệ thống quản lý dữ liệu phát thải (Scope 1, Scope 2 và hướng tới Scope 3). Đây chính là cốt lõi để CSVC nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế trước các rào cản về thuế carbon trong năm 2026.

Mặc dù phải đối mặt với nhiều thách thức, CSVC cũng đánh giá đây là khó khăn chung mà tất cả doanh nghiệp cần phải vượt qua trong giai đoạn này. Các yêu cầu mới giúp thúc đẩy doanh nghiệp chuyển động nhanh hơn quá trình chuyển đổi xanh và nâng cao năng lực cạnh tranh trong trung và dài hạn. Việc triển khai các công nghệ tiết kiệm năng lượng, tối ưu hóa quy trình sản xuất và sử dụng thiết bị hiệu suất cao có thể giúp doanh nghiệp giảm tiêu hao nhiên liệu, giảm phát thải và tiết kiệm chi phí vận hành trong tương lai từ đó quay vòng vốn để có thể tiếp tục nghiên cứu, đầu tư các công nghệ mới trong tương lai. Đồng thời, việc chủ động đáp ứng các yêu cầu về phát thải carbon sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao uy tín với khách hàng quốc tế, duy trì khả năng tiếp cận thị trường khó tính như EU và gia tăng lợi thế cạnh tranh trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Đây cũng là cơ hội tiếp cận các nguồn tài chính xanh, chương trình hỗ trợ kỹ thuật và các chính sách ưu đãi liên quan đến phát triển bền vững từ các tổ chức quốc tế và đối tác thương mại.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

Trong bối cảnh rủi ro khan hiếm tài nguyên nước và các yêu cầu tuân thủ môi trường nghiêm ngặt, CSVC thực hiện phương pháp tiếp cận cân bằng: tối ưu hóa khối lượng sử dụng, tuần hoàn tái sử dụng và số hóa dữ liệu. Để kiểm soát rủi ro từ nguồn, hệ thống thu gom được phân luồng thành 4 tuyến độc lập (nước mưa, nước làm mát, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất). Chất lượng nước xả thải được giám sát qua quy trình kiểm tra định kỳ hàng ngày bởi phòng Quản lý chất lượng và tích hợp dữ liệu lên hệ thống ERP. Chính sách quản lý tài nguyên nước tập trung duy trì việc không khai thác nước ngầm, nước mặt tự nhiên và nâng cao tỷ lệ tuần hoàn nước làm mát, nhằm hạn chế tác động đến nguồn nước và hệ sinh thái tự nhiên địa phương, đồng thời đảm bảo tuân thủ các chuẩn mực phát triển bền vững.



HÀNH ĐỘNG THỰC THI

- Duy trì việc không khai thác nước dưới đất và nước mặt.
- Sử dụng 100% nước từ mạng lưới cấp nước đô thị.
- Vận hành hạ tầng thu hồi và bơm tuần hoàn khép kín nước làm mát thiết bị.
- Phân tách dòng nước thải sản xuất (chứa axit, kiềm, dầu) qua Trạm xử lý nội khu 260 m³/h.
- Phân tích chất lượng hàng ngày, lưu vết trên ERP trước khi xả thải vào hệ thống xử lý của KCN Mỹ Xuân A2.



CAM KẾT CHIẾN LƯỢC

- Không khai thác nước tự nhiên tại địa phương.
- Tuần hoàn lượng nước làm mát sử dụng.
- Kiểm soát chất lượng nước thải tại nguồn.



KẾT QUẢ
ĐO LƯỜNG (2025)

0 m³

nước tự nhiên được khai thác.

838.508 m³

nước tiêu thụ năm 2025,
giảm 26,7% so với 2024.

Hơn 46.1 triệu m³

nước làm mát được thu hồi và tái sử dụng.

299.172 m³

khối lượng nước tiêu thụ thực tế.

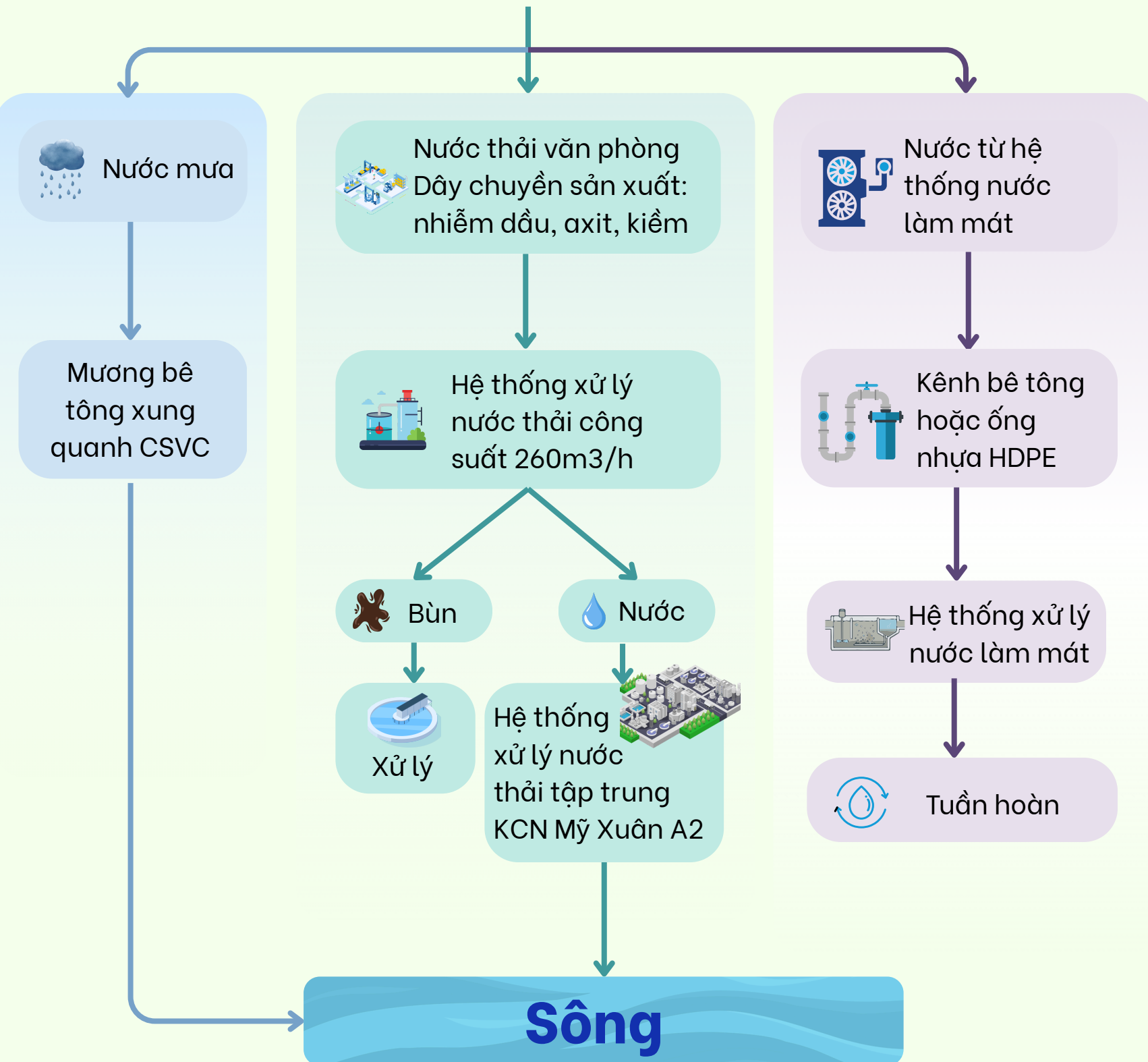
100% ~ 539.336 m³

nước xả thải đạt Cột B QCVN 40.

102.554 USD

Chi phí đã thanh toán cho hệ thống xử lý tập
trung của KCN Mỹ Xuân A2.

Tương tác với tài nguyên nước

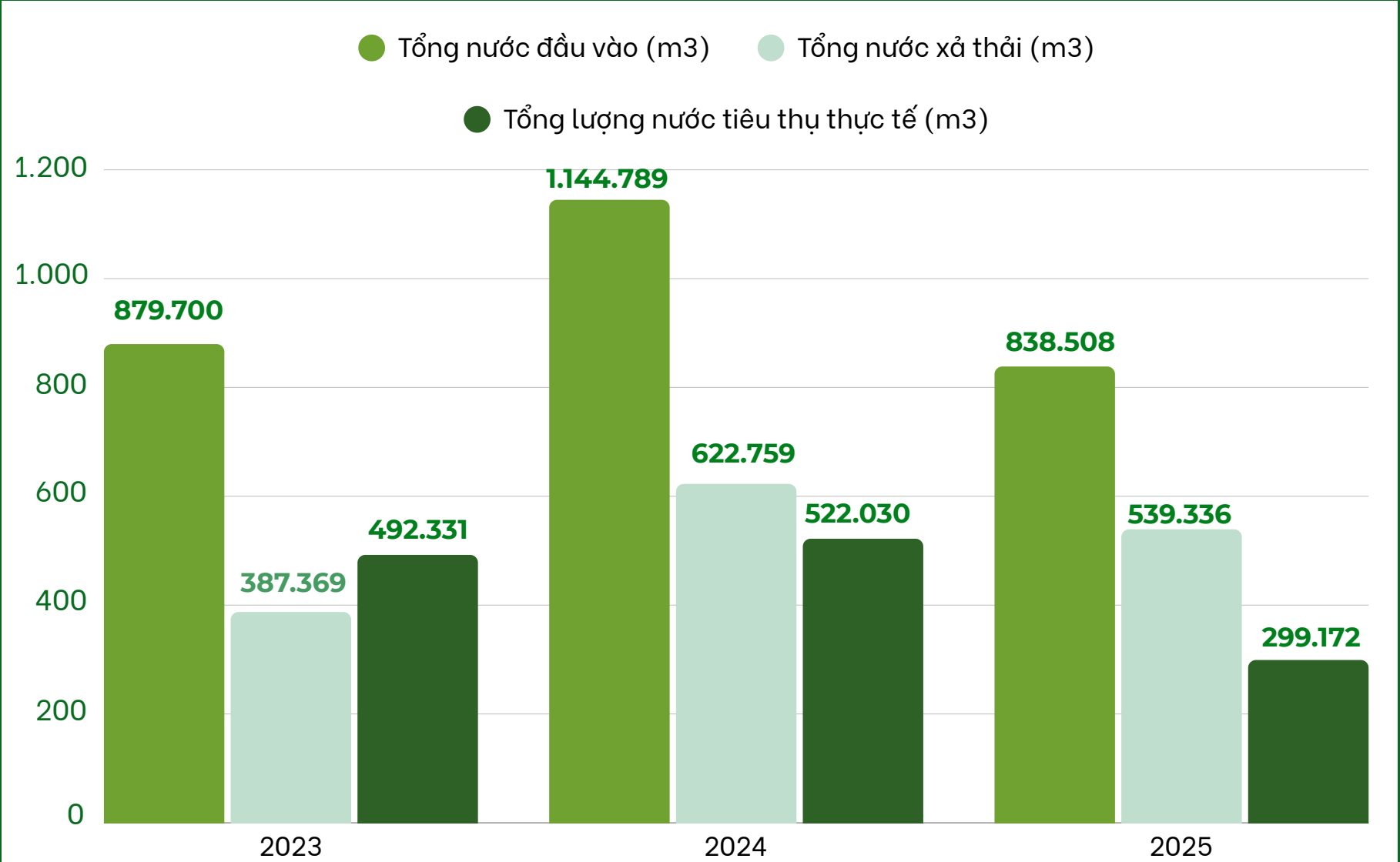


Tương tác với tài nguyên nước

TỔNG KHỐI LƯỢNG NƯỚC SẠCH THỰC TẾ ĐÃ MUA TỪ CÔNG TY CẤP NƯỚC

STT	Thời gian	2023	2024	2025
1	Tháng 1	58.386	101.482	80.702
2	Tháng 2	68.758	90.951	58.060
3	Tháng 3	66.984	113.866	72.557
4	Tháng 4	95.430	106.212	78.433
5	Tháng 5	83.598	104.466	82.009
6	Tháng 6	76.454	98.491	62.184
7	Tháng 7	42.006	103.729	49.564
8	Tháng 8	69.418	93.481	69.839
9	Tháng 9	84.103	99.299	62.606
10	Tháng 10	67.926	79.215	90.615
11	Tháng 11	82.978	98.567	69.139
12	Tháng 12	83.659	55.030	62.800
Tổng		879.700	1.144.789	838.508

TỔNG LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ THỰC TẾ



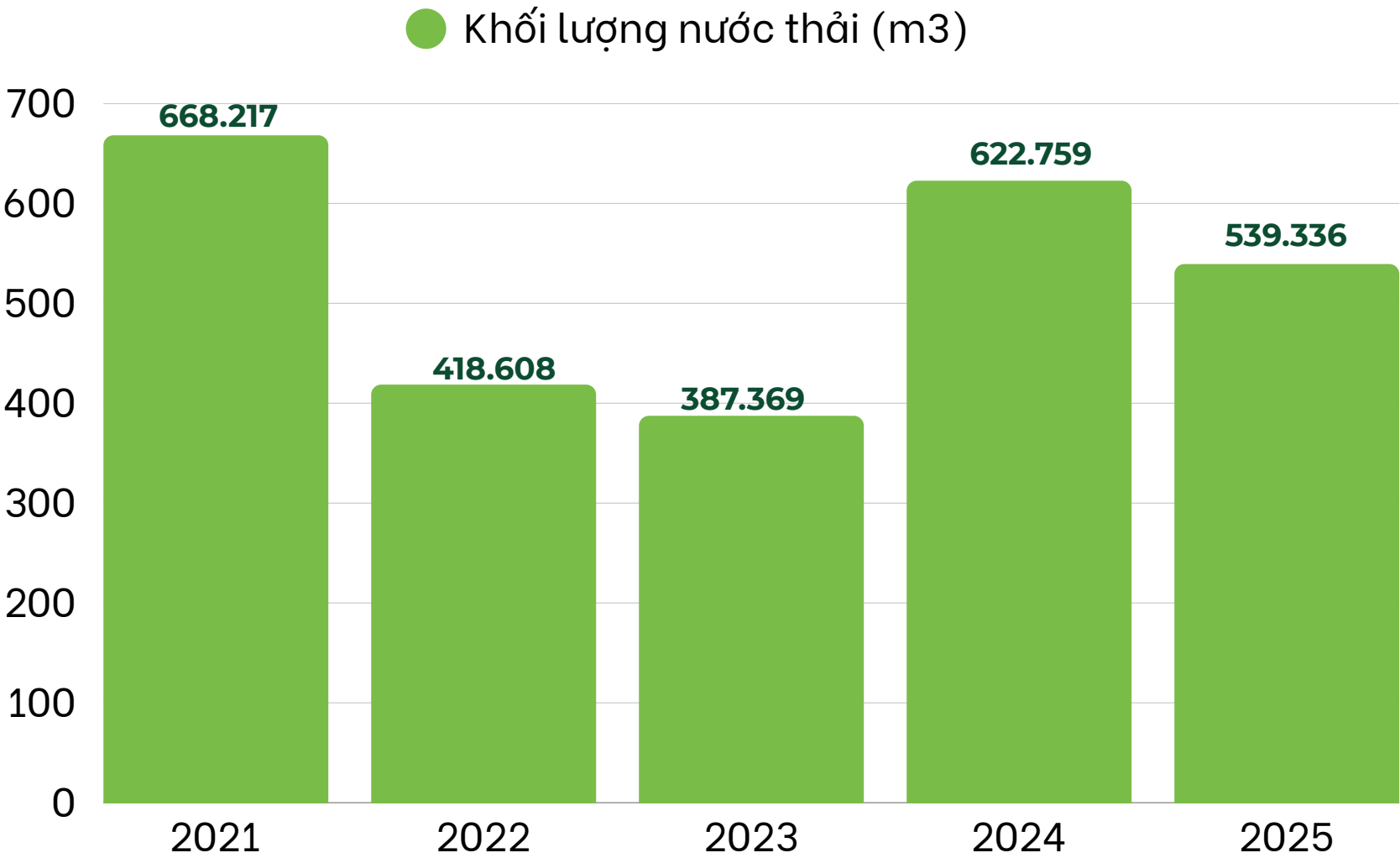
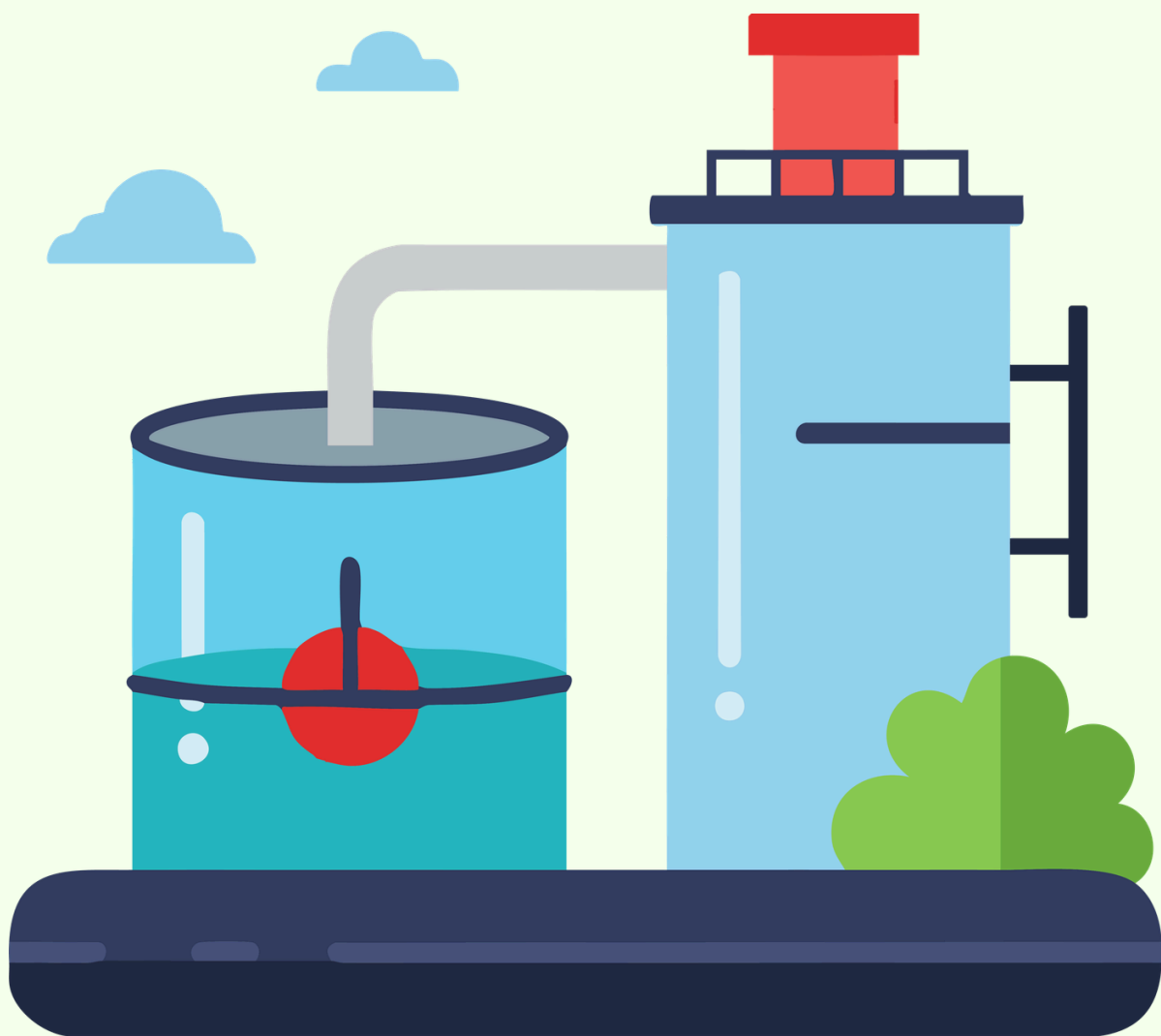
Trong hoạt động sản xuất, CSVC không can thiệp vào cấu trúc thủy văn tự nhiên tại khu vực. Năm 2025, tổng khối lượng nước sạch đầu vào của nhà máy là 838.508 m³, được mua 100% từ mạng lưới cấp nước đô thị. Công ty duy trì tỷ lệ khai thác nước ngầm và nước mặt ở mức 0 m³, hạn chế rủi ro gây sụt lún hay cạn kiệt mạch nước tự nhiên của cộng đồng.

Trong định hướng sử dụng tài nguyên hiệu quả và giảm áp lực lên môi trường tự nhiên, công tác quản trị nguồn nước giai đoạn 2023 – 2025 ghi nhận sự cải thiện rõ rệt qua các chỉ số tiêu thụ. Năm 2023 ghi nhận tổng lượng nước đầu vào khoảng 880 nghìn m³, lượng xả thải 390 nghìn m³, tương ứng lượng nước tiêu thụ thực tế là 490 nghìn m³. Năm 2024 đánh dấu lượng nước đầu vào tăng lên 1.150 triệu m³, kéo theo lượng tiêu thụ thực tế chạm mốc khoảng 530 nghìn m³. Sang năm 2025, xu hướng đảo chiều với sự sụt giảm đồng loạt so với năm trước. Nước đầu vào thu hẹp gần 27% về mức 840 nghìn m³, xả thải giảm 13% còn 540 nghìn m³. Đáng chú ý, tổng lượng nước tiêu thụ thực tế giảm 43,4% xuống mốc khoảng 300 nghìn m³.

Tổng lượng nước thải đầu ra

QUY TRÌNH & TIÊU CHUẨN XẢ THẢI

Nhằm tuân thủ nghiêm ngặt quy định của nhà nước về xả thải, Công ty áp dụng bộ quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT với 100% nước thải đầu ra. Hàng ngày, bộ phận quản lý hệ thống xử lý nước thải sẽ gửi mẫu nước qua bộ phận chất lượng để kiểm tra chất lượng nước thải trước khi xả ra hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu Công Nghiệp Mỹ Xuân A2. Tất cả dữ liệu kiểm tra mẫu sẽ được tải lên hệ thống quản lý ERP để kiểm tra hàng ngày, qua đó minh bạch hóa thông tin, đảm bảo khả năng truy vết và tối ưu năng lực giám sát vận hành.

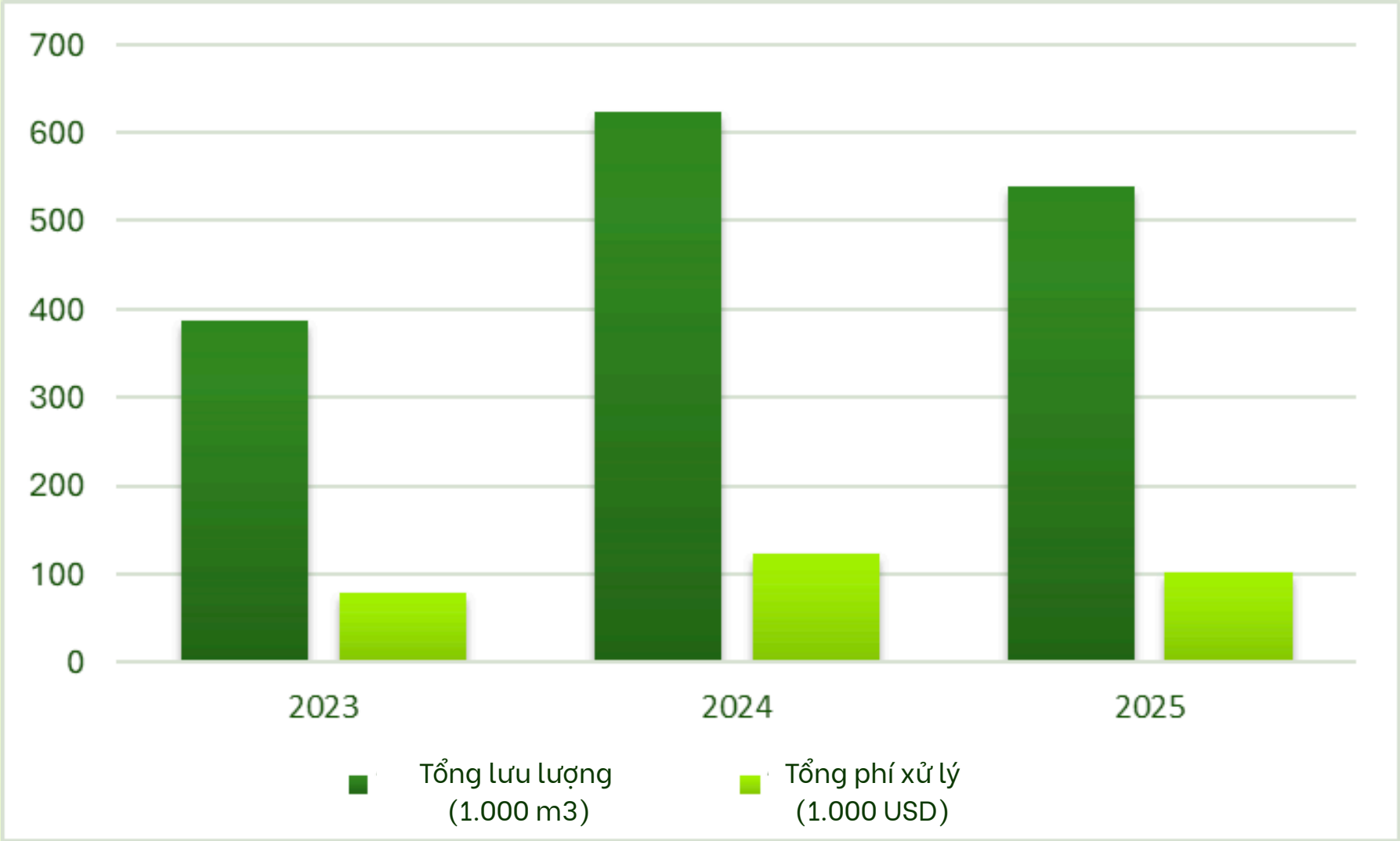


TỶ LỆ PHẦN TRĂM NƯỚC THẢI ĐƯỢC THU GOM VÀ XỬ LÝ ĐẠT CHUẨN QUA CÁC NĂM (2021 - 2025)

Trong năm 2021 - 2025, CSVN duy trì tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải đạt mức 100% trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công Nghiệp Mỹ Xuân A2. Số liệu này cho thấy hệ thống xử lý nước thải nội bộ vận hành ổn định và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về luật môi trường.

Tổng lượng nước thải đầu ra

TỔNG KHỐI LƯỢNG NƯỚC VÀ SỐ TIỀN ĐÃ THANH TOÁN KHI XẢ RA HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN MỸ XUÂN A2

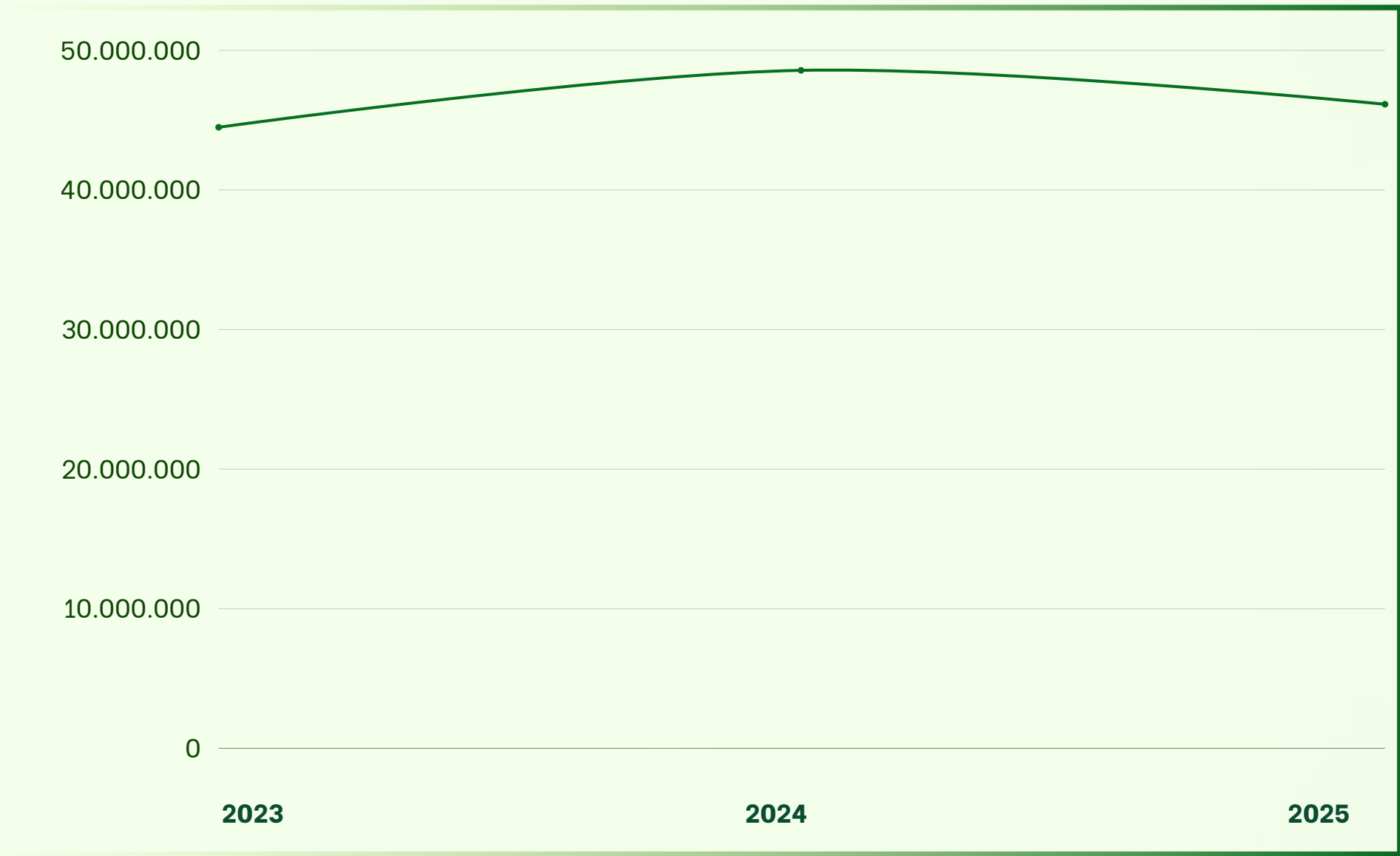


Trong giai đoạn 2023-2025, tổng lưu lượng và chi phí xử lý nước thải tại KCN Mỹ Xuân A2 biến động tỷ lệ thuận, đạt mức cao nhất vào năm 2024 (vượt 600.000 m3, tương đương hơn 120.000 USD). Năm 2025 ghi nhận sự sụt giảm tích cực khi lưu lượng xả thải giảm xuống mức khoảng 540.000 m3 (chi phí khoảng 100.000 USD).

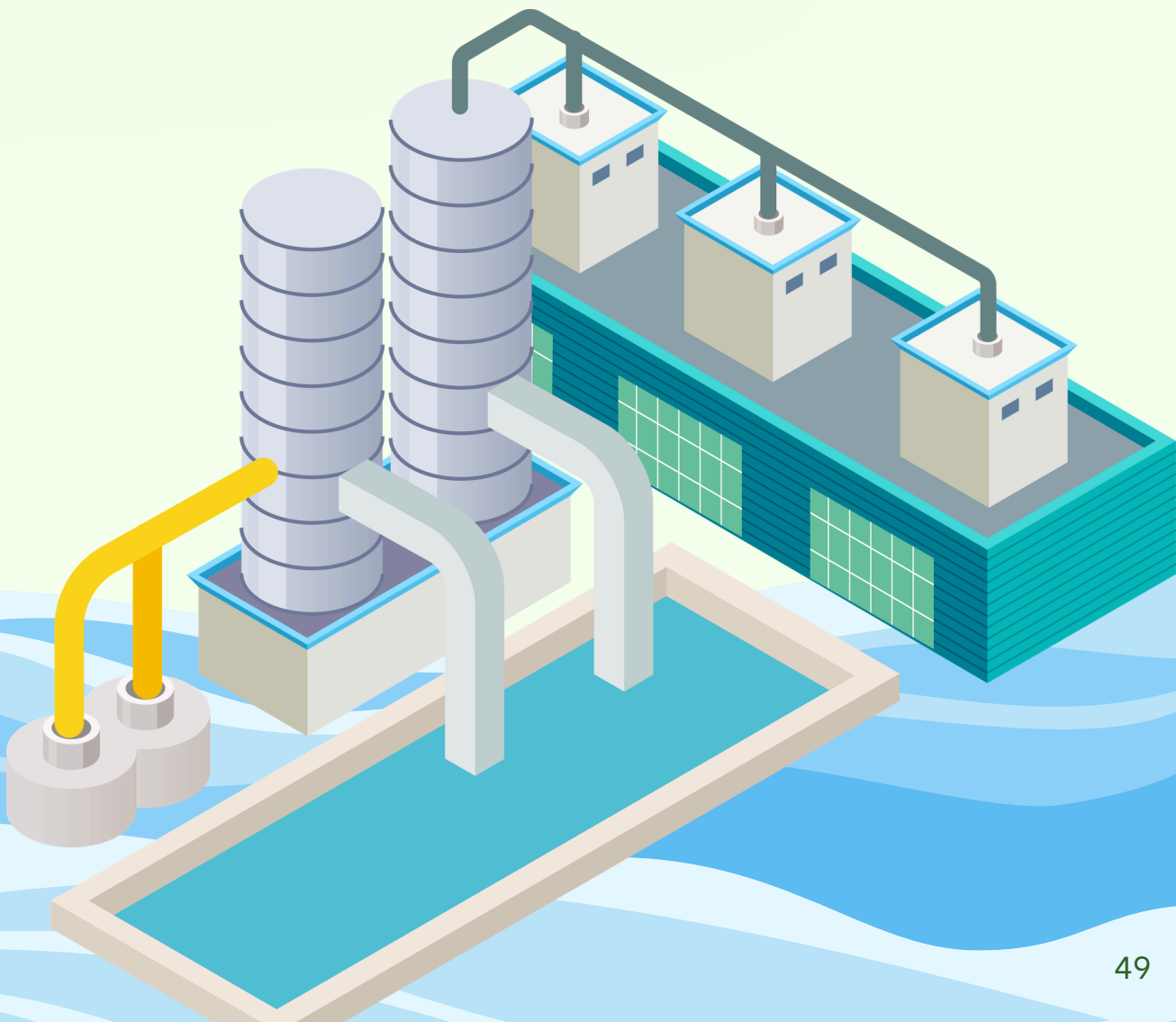
CHỈ SỐ QUAN TRẮC NƯỚC XẢ THẢI MỖI THÁNG NĂM 2025

STT	Thời gian	COD (mg/l)	pH	Fe (mg/l)	TSS (mg/l)
1	Tháng 1	37,3	7,3	0,32	2,4
2	Tháng 2	44,0	7,2	0,27	1,7
3	Tháng 3	43,3	7,2	0,27	1,7
4	Tháng 4	41,9	7,2	0,18	1,7
5	Tháng 5	36,4	7,1	0,19	1,2
6	Tháng 6	37,7	7,1	0,11	1,3
7	Tháng 7	33,5	6,9	0,18	1,1
8	Tháng 8	32,2	7,0	0,17	1,0
9	Tháng 9	29,7	6,9	0,17	0,6
10	Tháng 10	18,9	7,0	0,16	1,3
11	Tháng 11	26,6	6,9	0,30	1,7
12	Tháng 12	30,7	6,9	0,21	2,0
QCVN 40:2011/BTNMT Cột B		150	5.5 – 9	5	100
Kết luận		Tất cả các chỉ số đều thỏa mãn yêu cầu của quy định			

TỔNG KHỐI LƯỢNG NƯỚC LÀM MÁT ĐƯỢC THU HỒI VÀ ĐƯA TRỞ LẠI TÁI SỬ DỤNG



Giai đoạn 2023-2025, lượng nước làm mát được thu hồi và tái sử dụng tại CSVC liên tục duy trì ở mức cao, đạt đỉnh **48.568.871 m³** vào năm 2024. Sang năm 2025, khối lượng thu hồi đạt **46.139.807 m³**, duy trì mức tăng **3,7%** so với năm 2023. Sự vận hành liên tục của hệ thống tuần hoàn này đóng vai trò trọng yếu trong việc bù đắp lượng nước tiêu thụ, trực tiếp giảm thiểu sự phụ thuộc vào nguồn nước ngọt cấp mới. Biến động số liệu giữa các năm hoàn toàn tương đồng và phản ánh khách quan quy mô vận hành sản xuất thực tế tại nhà máy.



CHƯƠNG 4

XÃ HỘI GẮN KẾT

Việc làm

Mối quan hệ lao động hài hòa

Đa dạng và cơ hội bình đẳng

Trách nhiệm với cộng đồng

Phát triển nguồn nhân lực

An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

Sức khỏe và an toàn của khách hàng



Quy mô, cơ cấu nhân sự

TỔNG SỐ NHÂN SỰ

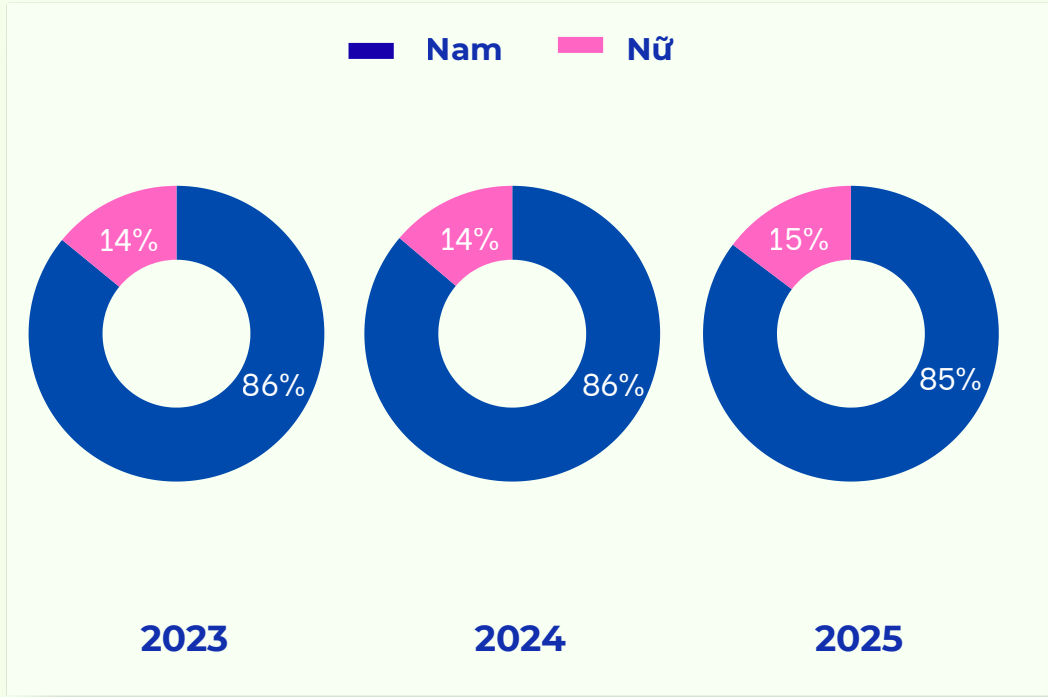


Tổng số nhân sự năm 2025 đạt 788 người. Trong đó, tỷ lệ lao động nam chiếm 85% và lao động trên 30 tuổi chiếm 79% (624 nhân sự), phù hợp với yêu cầu về thể lực và kỹ năng chuyên môn đặc thù trong ngành công nghiệp thép. Liên quan đến thay đổi cơ cấu quản lý hành chính, từ năm 2025, khu vực Bà Rịa – Vũng Tàu được sáp nhập vào quy mô quản lý tại TP.HCM. Cụ thể, phân bổ nhân sự theo địa điểm làm việc ghi nhận 86% tại TP.HCM và 14% tại Đồng Nai, so với tỷ trọng 75% lao động tại TP.HCM (Bà Rịa – Vũng Tàu cũ) trong giai đoạn 2023–2024.

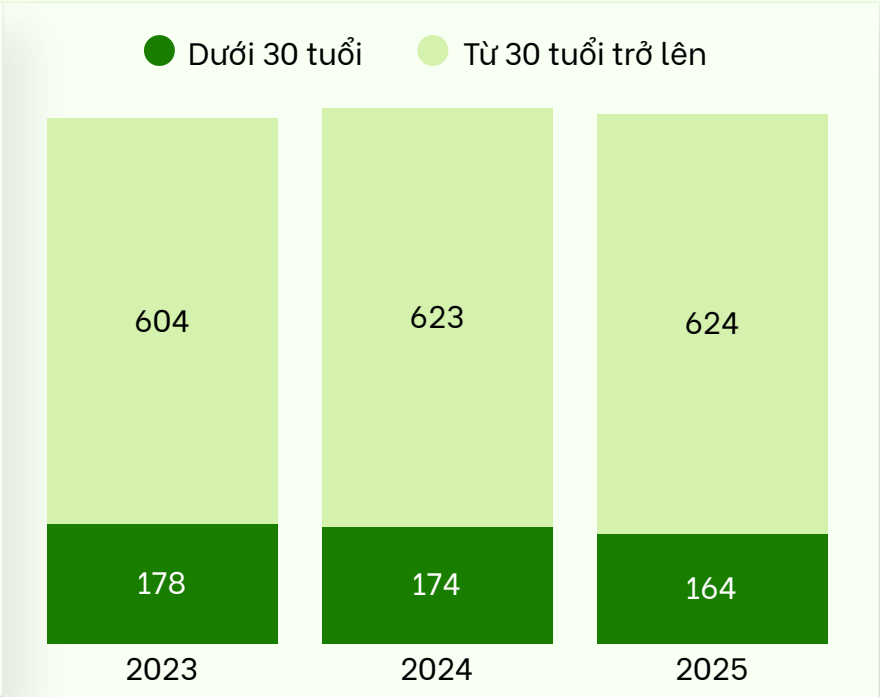
Về hoạt động tuyển dụng, công ty ghi nhận 74 nhân sự mới, tăng 15,6% so với năm 2024. Chiến lược trẻ hóa lực lượng lao động được ưu tiên với 78% nhân sự mới (58 người) thuộc nhóm dưới 30 tuổi.



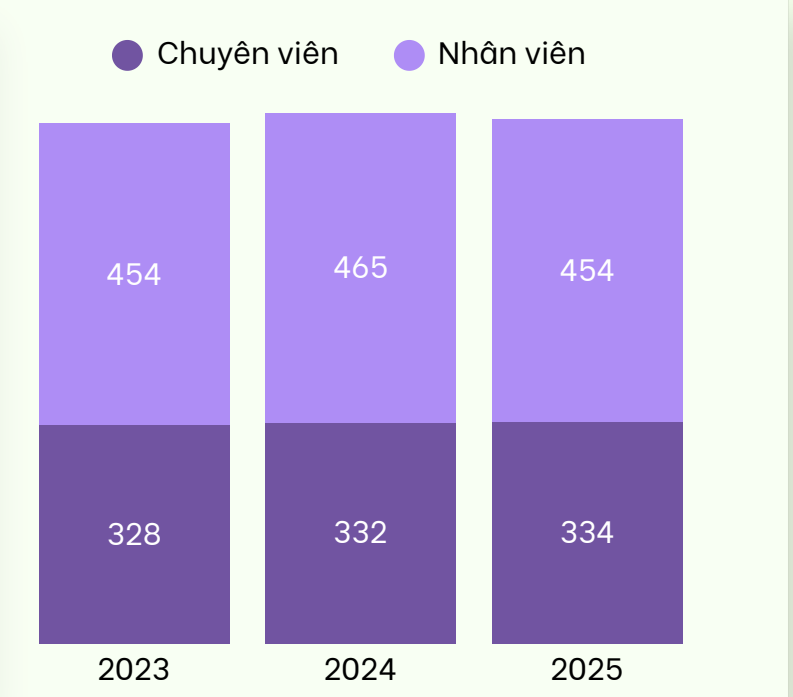
GIỚI TÍNH



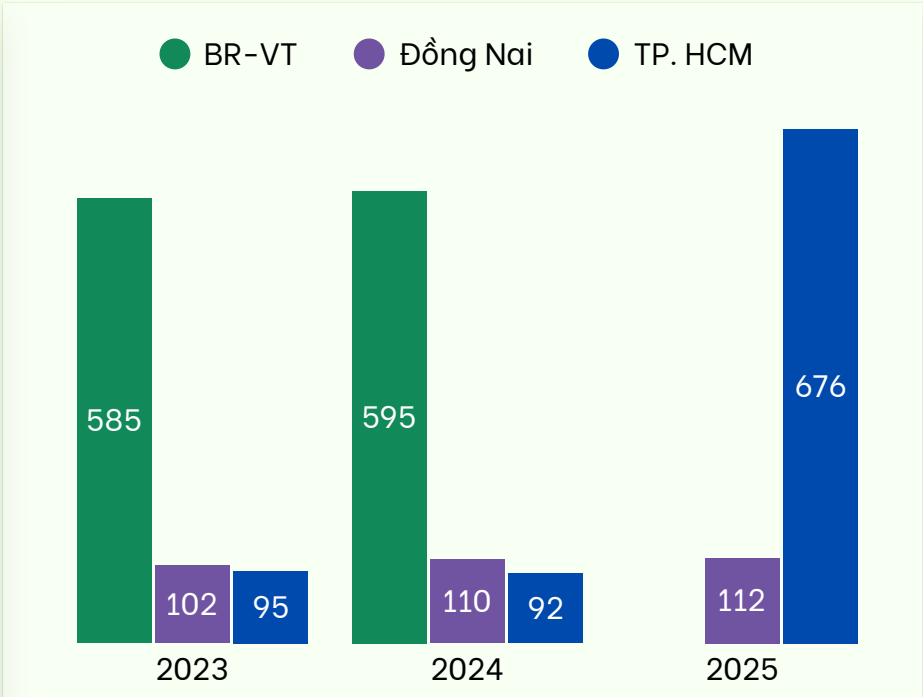
ĐỘ TUỔI



CẤP BẬC

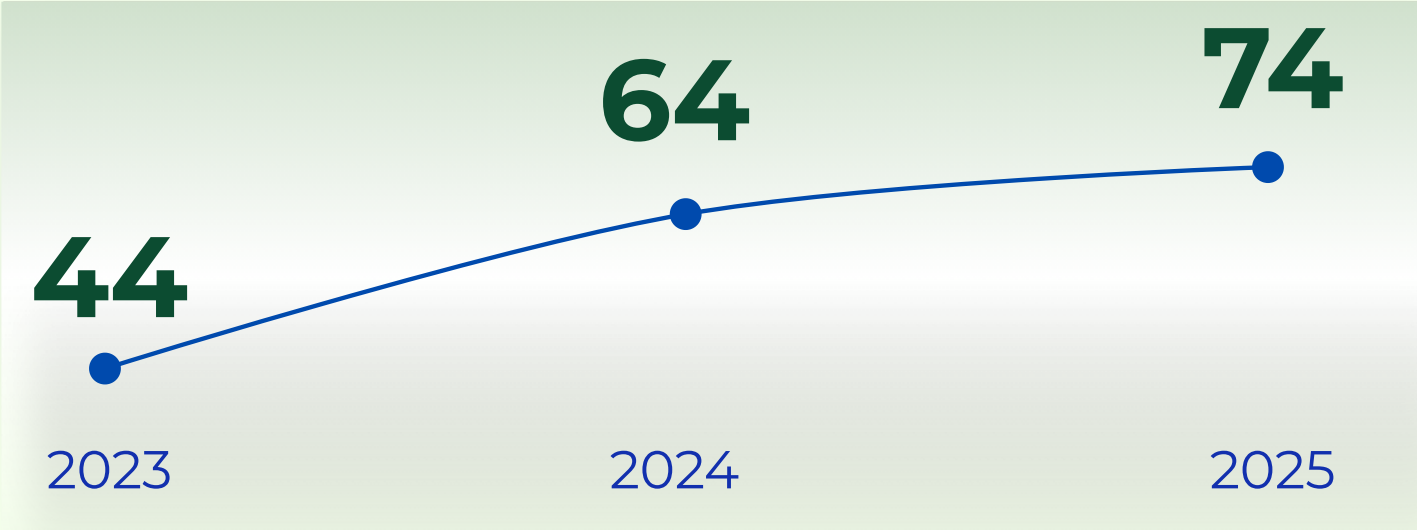


KHU VỰC

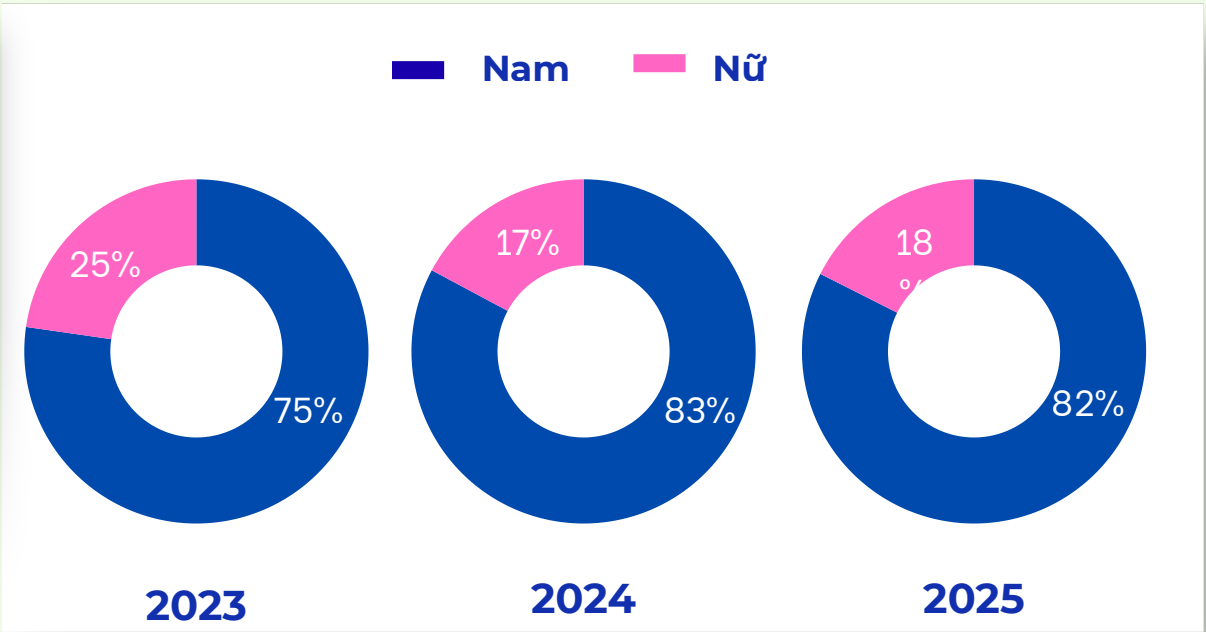


Tuyển dụng mới

TỔNG SỐ NHÂN VIÊN MỚI

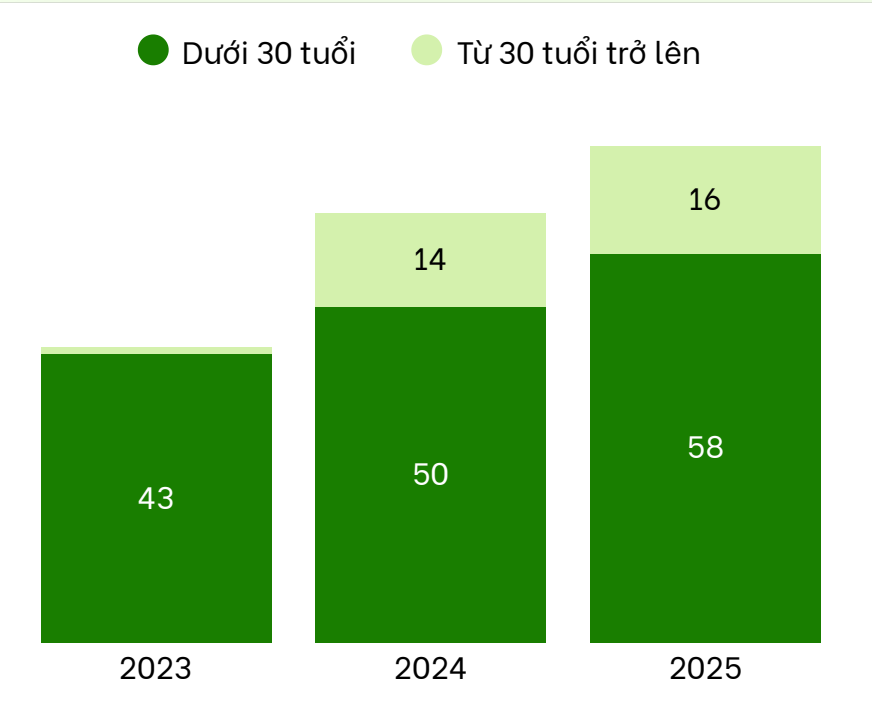


GIỚI TÍNH

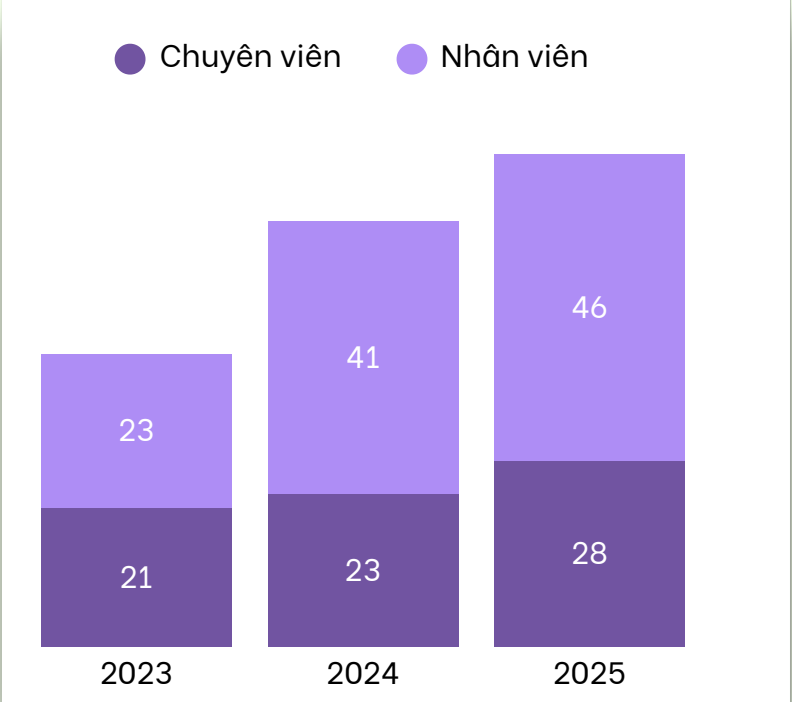


Năm 2025, CSVC ghi nhận 69 trường hợp nghỉ việc, tương ứng với mức tăng 76,9% so với năm 2024. Biến động này tập trung tại nhóm nam giới (chiếm 93%) và cấp bậc nhân viên (chiếm 68%), phản ánh những thách thức nhất định trước áp lực cạnh tranh của thị trường. Đồng thời, Công ty đã tuyển dụng mới 74 nhân sự, trong đó 78% là nhân sự dưới 30 tuổi và 78% tập trung tại khu vực TP.HCM.

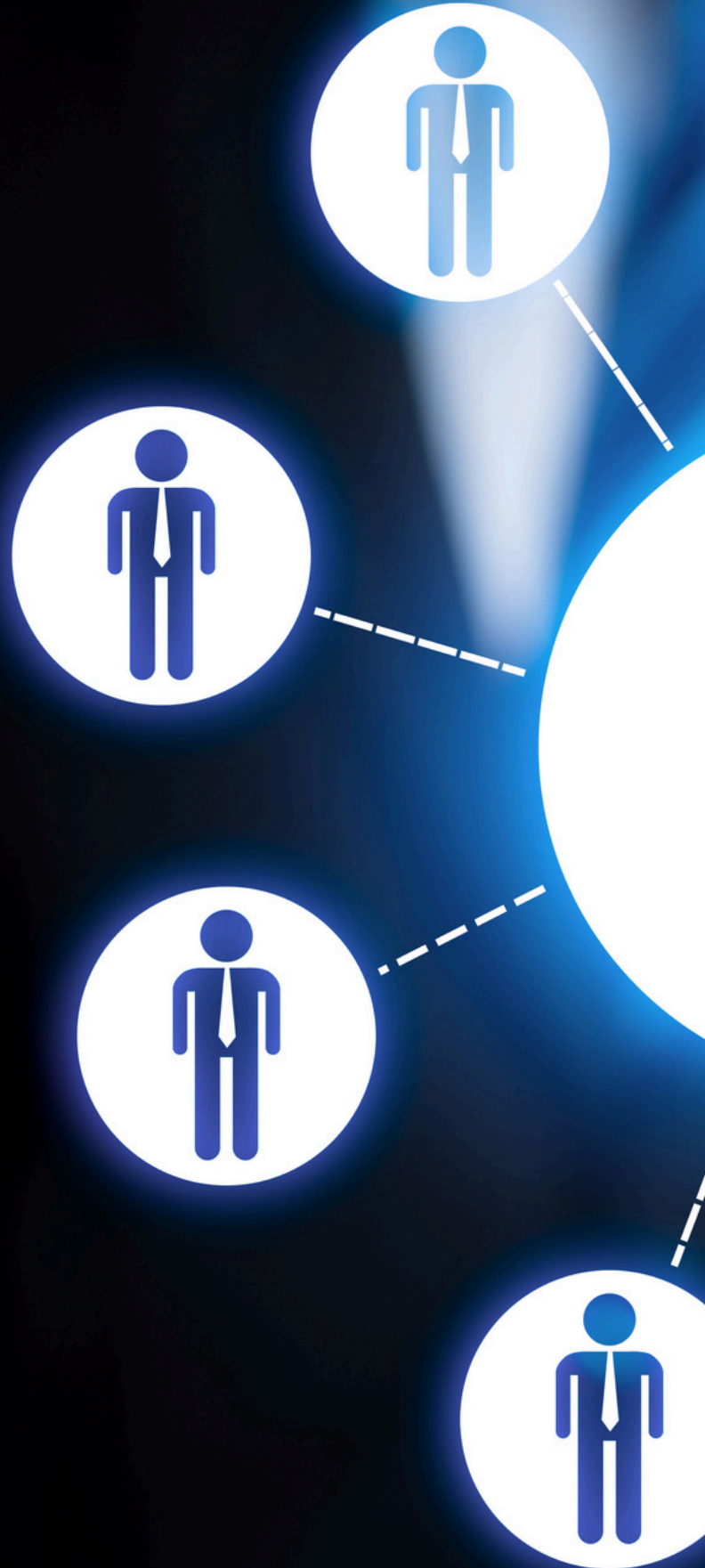
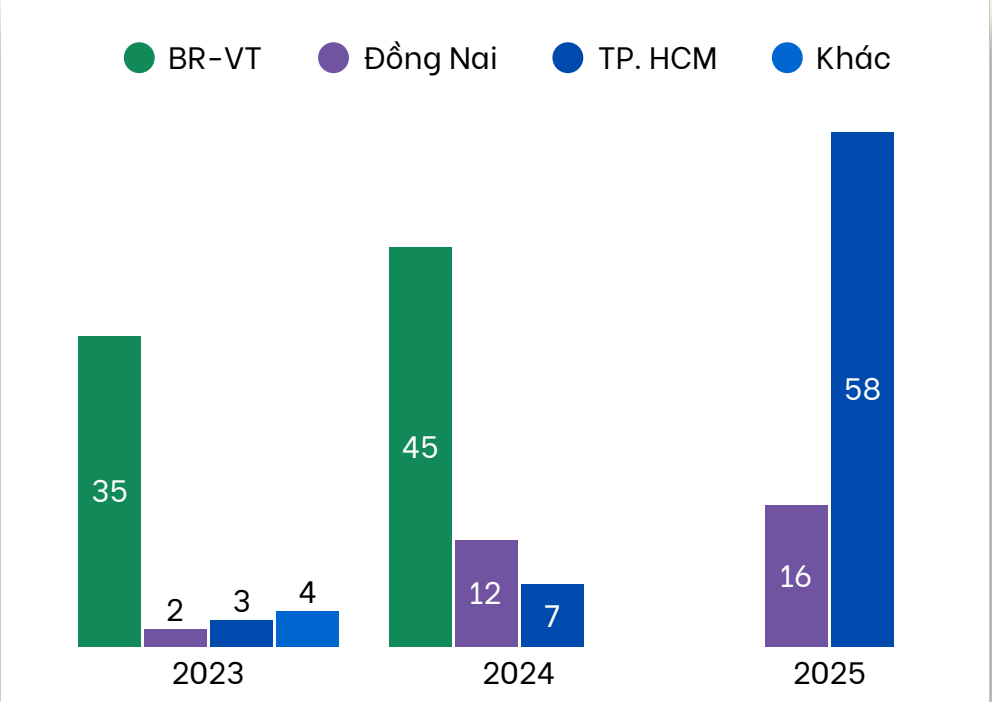
ĐỘ TUỔI



CẤP BẬC



KHU VỰC



HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG



CSVC thực hiện kí HĐLĐ với 100% người lao động của Công ty với thời hạn hợp đồng khác nhau (1 năm, 3 năm, không xác định thời hạn...), tuân thủ quy định của pháp luật. Mô tả công việc của từng vị trí, chức danh cũng như mức lương, thời gian làm việc và các điều khoản khác đều được Công ty xây dựng rõ ràng, cụ thể và được trao đổi, thống nhất với người lao động khi tiến hành kí hợp đồng lao động.

THỜI GIAN LÀM VIỆC, NGHỈ NGƠI



Từ tháng 01/2019, với mục đích giúp người lao động có thêm thời gian nghỉ ngơi để tái tạo sức lao động sau những ngày làm việc căng thẳng, có thêm thời gian dành cho gia đình, sở thích cá nhân và cân bằng cuộc sống, CSVC đã thực hiện chế độ nghỉ tất cả các thứ 7 và chủ nhật cho CBCNV khối gián tiếp, Nghỉ xoay ca đối với CBCNV khối trực tiếp sản xuất.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG THƯỞNG



Nhằm khuyến khích, truyền cảm hứng, động viên những đóng góp và thành tích của nhân viên mang lại lợi ích cho CSVC, công ty đã thiết lập quy định khen thưởng, chế độ tiền lương và phụ cấp cho nhân viên:

- Mức lương cơ bản thấp nhất **cao hơn khoảng 16,8%** so với mức lương tối thiểu vùng, với chính sách đánh giá tăng lương **6 tháng 1 lần**.
- Các khoản phụ cấp như phụ phí nhà ở, đi lại, trợ cấp ngôn ngữ, phụ cấp quản lý Thuởng ngày lễ, Tết Thuởng thâm niên Thuởng sáng kiến, phát triển hệ thống, mở rộng khách hàng, nâng cao danh tiếng và hình ảnh cho Công ty, vấn đề an toàn,... Mọi sự đóng góp sẽ được công bố toàn công ty cũng như được chi trả bằng tiền hoặc bằng khen (nếu có).

CHÍNH SÁCH LUÂN CHUYỂN



Đối với nhân sự luân chuyển, CSVC chủ động triển khai các chương trình nâng cao năng lực và xây dựng lộ trình chuyển tiếp phù hợp nhằm đảm bảo khả năng thích ứng tối ưu tại vị trí công việc mới.

CHẾ ĐỘ THAI SẢN



100% người lao động tại Công ty được nghỉ và thanh toán các chế độ nghỉ thai sản theo quy định của Luật Lao động

Đối với lao động nữ làm việc tại CSVC, thời gian nghỉ thai sản cơ bản đối với tất cả nữ lao động là 06 tháng, thời gian này được tăng thêm nếu lao động nữ sinh đôi, sinh ba đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật lao động. Đối với lao động nam, thời gian nghỉ thai sản khi vợ sinh con là 05 ngày (đối với vợ sinh thường), 07 ngày nếu vợ phẫu thuật hoặc sinh con dưới 32 tuần tuổi, 10 ngày nếu vợ sinh đôi và cứ sinh con thứ ba trở lên thì mỗi con được nghỉ thêm 03 ngày, trường hợp sinh đôi trở lên mà phải phẫu thuật thì được nghỉ 14 ngày làm việc.

Tại CSVC trong thời gian nghỉ thai sản không những được thanh toán đầy đủ theo chế độ của Bảo hiểm xã hội mà còn được nhận tất cả các khoản phúc lợi, tiền thưởng các dịp lễ, tết trong năm. Công ty luôn đảm bảo việc làm đầy đủ cho số lao động nghỉ thai sản được trở lại làm việc tại vị trí cũ sau khi kết thúc thời gian nghỉ; Bên cạnh đó, để tạo điều kiện tối đa cho lao động nữ có thời gian chăm sóc con cái, sau khi kết thúc thời gian nghỉ thai sản và đi làm lại.

Nghỉ **60 phút /ngày** đối với lao động nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi.

100% nhân sự đã quay trở lại làm việc ngay sau khi kết thúc kỳ thai sản.

58 nhân sự hưởng chế độ thai sản trong năm 2025

POLICY

Phúc lợi toàn diện

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2025



Tiệc Tất Niên

91% người lao động tham gia

Trong tháng 1/2026, CSVC tổ chức Tiệc Tất Niên năm 2025 như một hoạt động thường niên nhằm tri ân tập thể người lao động và các đối tác đã đồng hành trong năm qua.

Tết Trung Thu

100% người lao động được trao tặng bánh Trung Thu

Nhân dịp Tết Trung Thu, Công ty đã trao tặng những phần quà ý nghĩa đến toàn thể người lao động thay cho lời chúc vẹn tròn mùa đoàn viên.

Ngày Quốc tế Phụ nữ

100% nhân viên nữ được trao tặng món quà sức khỏe

Vào Quốc tế Phụ nữ 8/3, CSVC trân trọng gửi lời chúc tốt đẹp nhất đến toàn thể nữ cán bộ nhân viên – những bông hoa rực rỡ góp phần quan trọng vào sự phát triển của Công ty.

Ngày Phụ nữ Việt Nam

100% nhân viên nữ được trao tặng hoa và quà tặng

Chào mừng ngày Phụ Nữ Việt Nam 20/10, Ban chấp hành CĐCS CSVC phối hợp cùng Công ty tổ chức chương trình kỷ niệm bằng hoạt động tặng hoa và quà cho nhân viên nữ.

Gói bảo hiểm chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ y tế

- Bảo hiểm tai nạn 24/24 MSIG
- Bảo hiểm xã hội
- Bảo hiểm thất nghiệp
- Bảo hiểm y tế
- Khám sức khỏe định kỳ
- Bảo hiểm sức khỏe BIC



Mối quan hệ lao động hài hòa

Tại CSVN, việc thiết lập và duy trì mối quan hệ lao động hài hòa được xác định là nền tảng chiến lược nhằm ổn định lực lượng lao động và tối ưu hóa vận hành. Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc minh bạch, bảo đảm quyền lợi hợp pháp và thúc đẩy văn hóa đối thoại hai chiều liên tục. Cấu trúc quan hệ lao động bền vững này được minh chứng cụ thể qua các chỉ số thực thi trong năm 2025 như sau:



100%

người lao động được bảo vệ bởi Thỏa ước lao động tập thể.

95%

người lao động tham gia tổ chức Công đoàn.

0 vụ

khiếu nại liên quan đến quyền lao động. Hệ thống báo cáo vi phạm được vận hành độc lập theo cơ chế ẩn danh nhằm bảo vệ tối đa người lao động.

100%

các quyết định thay đổi vận hành trọng yếu được thông báo ngay lập tức đến người lao động sau khi có quyết định phê duyệt.

99%

nhân viên tham gia khảo sát mức độ hài lòng với chính sách phúc lợi.

72%

nhân viên hài lòng với chính sách phúc lợi từ thang điểm 03 trở lên.

2 lần/ năm

tần suất đối thoại định kỳ

Tôn trọng sự khác biệt, đa dạng

CSVC cam kết xây dựng một môi trường làm việc đa dạng, bình đẳng và hòa nhập, nơi mọi nhân viên đều có cơ hội phát triển công bằng, được tôn trọng và được công nhận dựa trên năng lực và đóng góp.

Đa dạng trong lực lượng lao động

- Giới tính:** Khuyến khích sự cân bằng giới tính trong các vị trí quản lý và toàn bộ lực lượng lao động.
- Tôn giáo:** Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và đảm bảo môi trường làm việc không có sự phân biệt đối xử.
- Hoàn cảnh gia đình và kinh tế:** Mở rộng cơ hội nghề nghiệp cho mọi người, có chuyên môn và năng lực phù hợp.
- Chủng tộc và văn hóa:** Khuyến khích sự hòa nhập và trao đổi văn hóa đa quốc gia.
- Kinh nghiệm và kỹ năng:** Lựa chọn ứng viên dựa trên năng lực và hiệu quả công việc
- Thế hệ:** Kết hợp lực lượng lao động từ nhiều nhóm tuổi khác nhau để phát huy tối đa sức mạnh đội ngũ.
- Trình độ và vị trí:** Tạo điều kiện thăng tiến minh bạch cho tất cả người lao động
- Tính cách:** Xây dựng văn hóa doanh nghiệp hòa nhập, tôn trọng sự khác biệt trong phong cách làm việc.

TỶ LỆ NỮ GIỚI TRONG THÀNH PHẦN LÃNH ĐẠO

18% vị trí ban lãnh đạo cấp cao là nhân viên nữ

25% trưởng/ phó phòng tại CSVC là nhân viên nữ

ĐÀO TẠO VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TẠI NƠI LÀM VIỆC

Tổ chức hội thảo về nhận thức giới, giúp nhân viên hiểu và áp dụng các nguyên tắc bình đẳng giới vào công việc. Hỗ trợ đào tạo kỹ năng lãnh đạo dành cho nữ nhằm tăng cơ hội thăng tiến.

CHÍNH SÁCH PHÒNG CHỐNG QUẤY RỐI TÌNH DỤC & BẢO VỆ NHÂN VIÊN

Áp dụng quy trình báo cáo minh bạch, đảm bảo nhân viên có thể phản ánh mà không lo ngại bị trả đũa. Ban hành sổ tay chống quấy rối và bảo vệ nhân viên.

TUYỂN DỤNG & QUẢN LÝ NHÂN TÀI

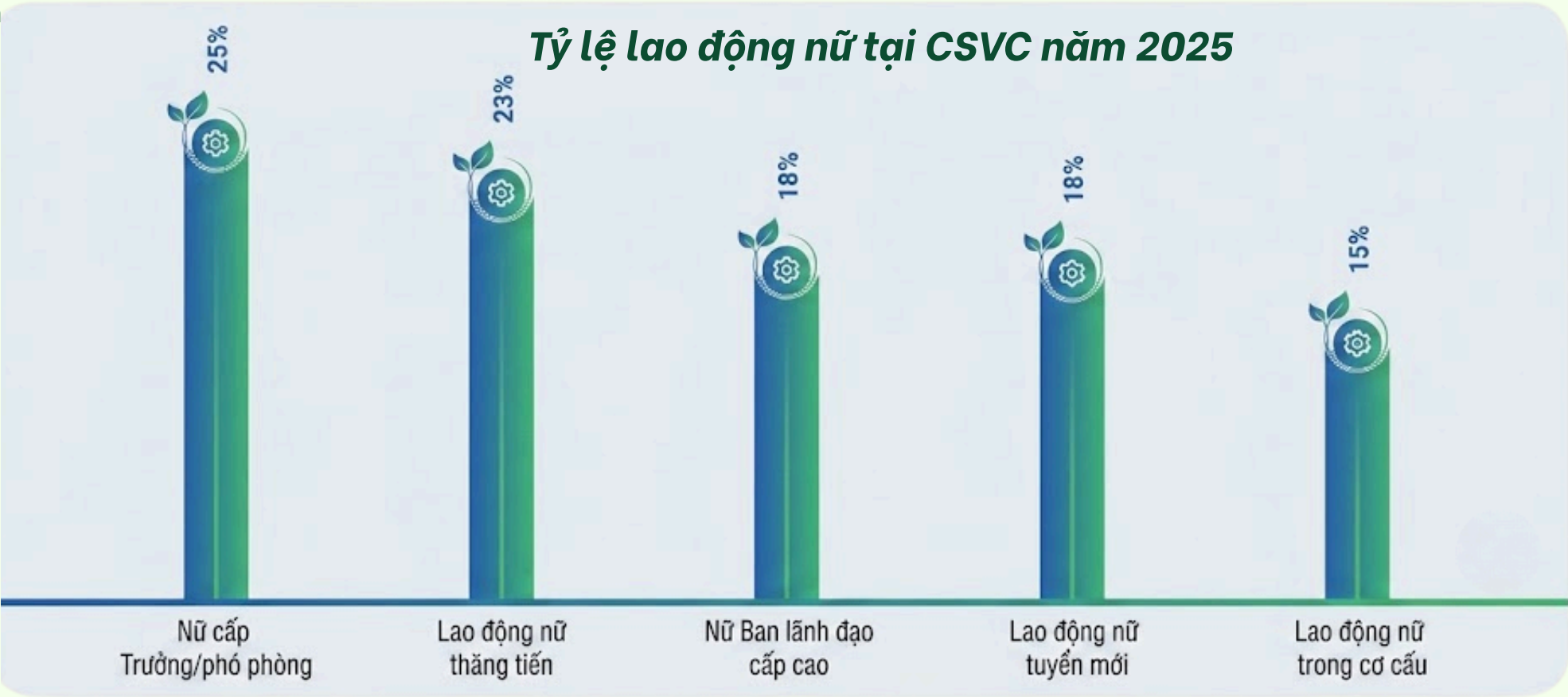
Áp dụng nguyên tắc bình đẳng trong tuyển dụng, đánh giá ứng viên dựa trên năng lực. Đảm bảo quy trình thăng tiến minh bạch, không có rào cản vô hình cho nữ giới.

CƠ CẤU GIỚI TRONG LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

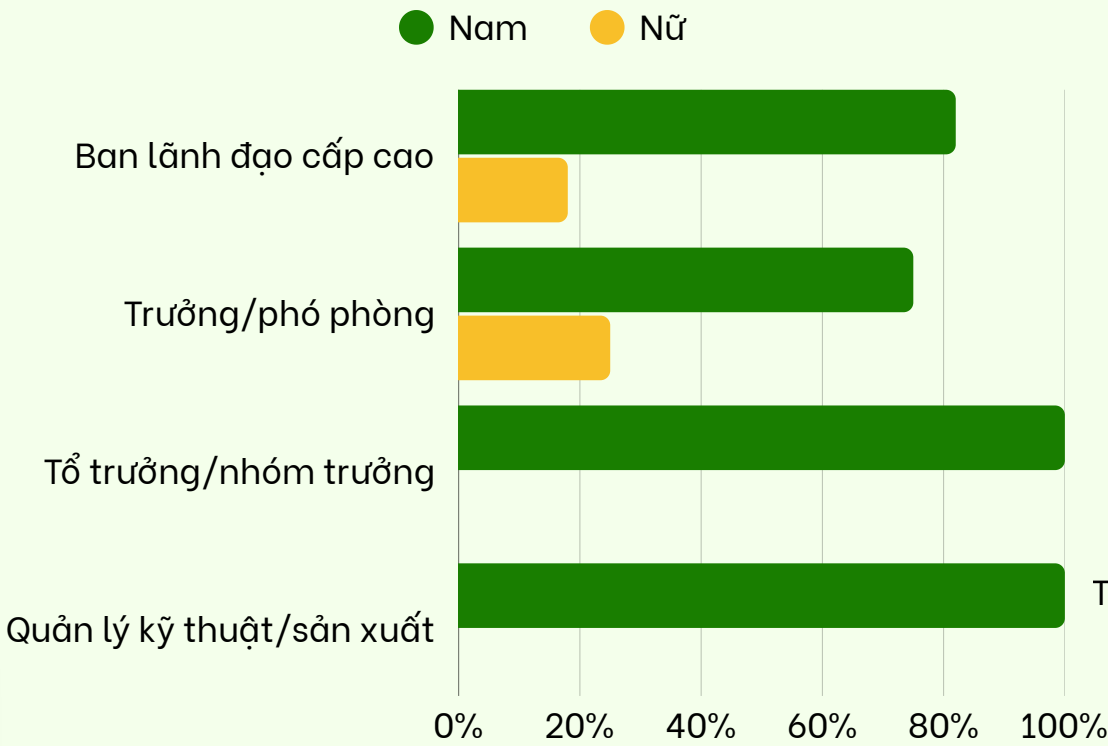
Đảm bảo quy trình tuyển dụng minh bạch: Lựa chọn ứng viên hoàn toàn dựa trên năng lực chuyên môn và nguyên tắc bình đẳng cơ hội

CƠ HỘI THĂNG TIẾN BÌNH ĐẲNG

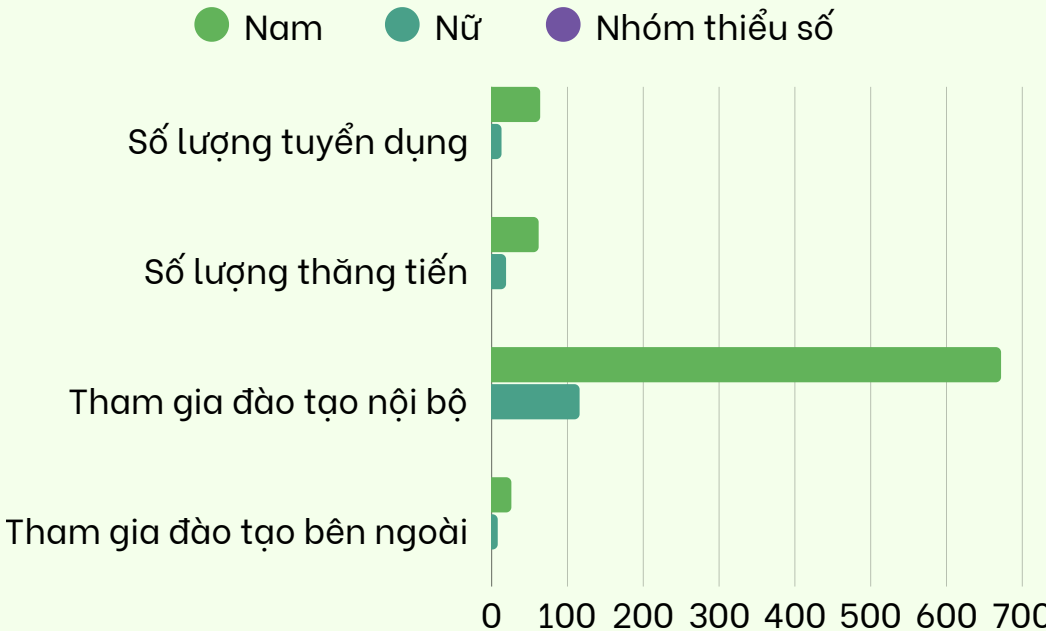
CSVC quan tâm đến vấn đề bình đẳng giới và luôn sẵn sàng trao quyền cho phụ nữ, tạo điều kiện để phụ nữ phát huy năng lực, tham gia vào các vị trí quản lý và ra quyết định. Đồng thời công ty luôn nỗ lực duy trì và không ngừng gia tăng tỷ lệ lao động nữ trong cơ cấu nhân sự, hướng tới xây dựng môi trường làm việc đa dạng, công bằng và hòa nhập.



TỶ LỆ NAM - NỮ Ở CẤP QUẢN LÝ VÀ LÃNH ĐẠO



SỐ LƯỢNG TUYỂN DỤNG, THĂNG TIẾN, ĐÀO TẠO THEO GIỚI TÍNH VÀ NHÓM THIỂU SỐ



Cơ hội thăng tiến bình đẳng

Đánh giá hiệu suất

100%

Người lao động được đánh giá hiệu quả công việc

2 lần/năm

Tần suất đánh giá hiệu quả công việc của người lao động

HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ TOÀN DIỆN, KHÁCH QUAN VÀ MINH BẠCH

Tại CSVC, công tác đánh giá hiệu quả công việc được thực hiện theo quy định nội bộ, dựa trên các tiêu chí cốt lõi bao gồm: kết quả làm việc, thời gian làm việc thực tế, tình hình nghỉ phép và mức độ tuân thủ kỷ luật. Để đảm bảo tính công bằng, quy trình này không áp dụng đối với các trường hợp chưa đủ điều kiện, cụ thể như: nhân viên đang trong thời gian thử việc, nghỉ không lương vượt mức quy định, vi phạm kỷ luật lao động, hoặc chấm dứt hợp đồng trước kỳ điều chỉnh lương.



Quy trình đánh giá 05 bước



Xác định danh sách nhân viên đủ điều kiện và trình phê duyệt kế hoạch đánh giá.



Thiết lập biểu mẫu, quy trình phê duyệt và triển khai đánh giá trên ERP.



Các bộ phận thực hiện đánh giá nhân viên theo quy định.



Phòng Nhân sự theo dõi, tổng hợp và kiểm tra kết quả đánh giá.



Báo cáo kết quả tới Tổng Giám Đốc.

Chênh lệch lương theo giới tính

CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH THU NHẬP

Vị trí công việc đảm nhận



Năng lực cá nhân & hiệu suất làm việc



Đánh giá mức lương thực tế so với mức lương đủ sống tại Việt Nam



Kết quả thực hiện công việc của cá nhân gắn với kết quả kinh doanh của công ty



TỶ LỆ LƯƠNG CƠ BẢN NAM VÀ NỮ THEO CẤP BẬC NĂM 2025

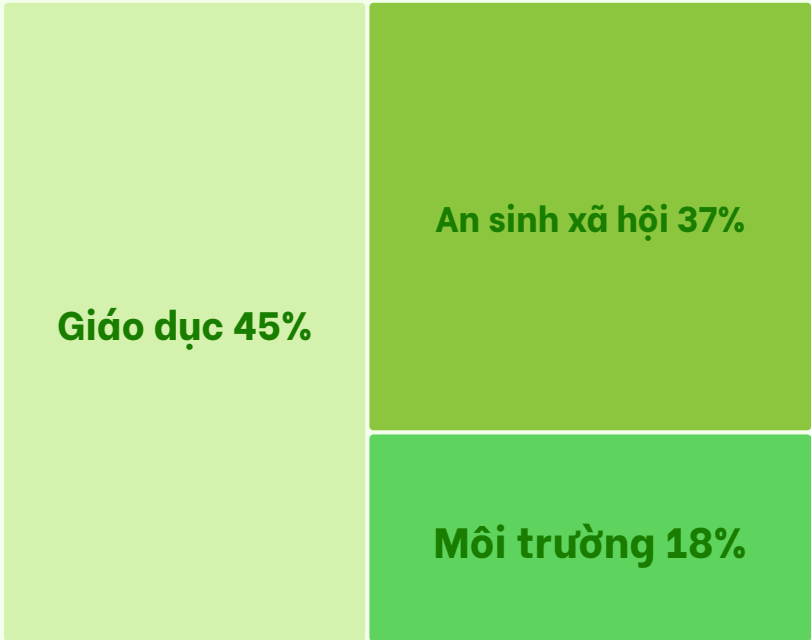


Chính sách đãi ngộ và cơ cấu lương được thực hiện theo nguyên tắc bình đẳng, đa dạng, dựa trên các tiêu chí cốt lõi về năng lực và chuyên môn thực tế của người lao động. Năm 2025 ghi nhận tỷ lệ thù lao bình quân của lao động nữ so với nam giới trên toàn cơ cấu hiện đạt mức 90%; trong đó phân bổ chi tiết tại cấp Quản lý là 93%, nhóm Phổ thông/Khác là 86% và ngạch Chuyên viên là 84%. Để đảm bảo tính công bằng xuyên suốt quá trình vận hành, hệ thống đãi ngộ được áp dụng nhất quán với các quy định nội bộ, đảm bảo quy trình tuyển dụng minh bạch, đánh giá và trả lương hoàn toàn dựa vào năng lực, không phân biệt giới tính.

Tích cực tham gia các chương trình vì cộng đồng là hoạt động thường niên trong chiến lược phát triển bền vững của CSVC. Năm 2025, Công ty đã thực hiện và đồng hành cùng các sở ban ngành tại địa phương triển khai các chương trình hỗ trợ, phát triển cộng đồng xã hội trên nền tảng Văn hóa kinh doanh có ý thức, trong đó tập trung vào các trọng tâm chính. Công ty tin rằng, doanh nghiệp chỉ có thể phát triển trong một cộng đồng bền vững, vì vậy, CSVC luôn sẵn sàng chia sẻ giá trị, hành động trên tinh thần nhân văn, cho đi nhiều hơn vì một Việt Nam hạnh phúc, tươi đẹp hơn mỗi ngày.

TỶ LỆ NGÂN SÁCH PHÂN BỐ CHO CÁC TRỤ CỘT CSR NĂM 2025

Cơ cấu phân bổ ngân sách CSR năm 2025 thể hiện rõ định hướng chiến lược của tổ chức trong việc ưu tiên phát triển vốn nhân lực và nâng cao chất lượng an sinh cộng đồng. Trụ cột Giáo dục đóng vai trò trọng tâm với tỷ trọng ngân sách chiếm hơn 45%, kế tiếp là các chương trình An sinh xã hội với 37%. Song song với các nỗ lực phát triển xã hội, mức phân bổ 17% cho trụ cột Môi trường đảm bảo tính toàn diện trong thực thi chiến lược phát triển bền vững. Tỷ lệ cơ cấu nguồn lực này phản ánh cam kết dài hạn trong việc kiến tạo giá trị thực tiễn, bám sát các vấn đề trọng yếu của địa phương, đồng thời cân bằng giữa trách nhiệm xã hội và trách nhiệm sinh thái.



DẤU ẤN ĐỒNG HÀNH CÙNG CỘNG ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

1.67 tỷ đồng

Tổng ngân sách đầu tư cho hoạt động cộng đồng giai đoạn 2023-2025

31 hoạt động

Chương trình trách nhiệm xã hội đã triển khai

2.582 người

Tổng số người thụ hưởng trực tiếp có ghi nhận trong 03 năm liên tiếp

Tăng 27%

Ngân sách chi cho hoạt động cộng đồng năm 2025 so với năm 2024

LAN TỎA YÊU THƯƠNG DỊP TẾT NGUYÊN ĐÁN 2025

90

hộ nghèo

1 triệu đồng

mỗi suất quà tặng

CHUNG TAY ỦNG HỘ ĐỒNG BÀO BÃO LŨ NĂM 2025

100 triệu đồng

ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi bão Yagi

TRAO QUÀ CHO 30 TRẺ EM ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ TẠI BỆNH VIỆN BÀ RỊA DỊP TRUNG THU

30

trẻ em

1 triệu đồng

mỗi suất quà tặng

KHÁM BỆNH, PHÁT THUỐC MIỄN PHÍ VÀ TẶNG QUÀ CHO NGƯỜI DÂN CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN, NGƯỜI GIÀ NEO ĐƠN PHƯỜNG MỸ XUÂN

200

người già neo đơn

50 triệu đồng

tổng kinh phí cho hoạt động

TRAO TẶNG 40 BỘ MÁY TÍNH CHO TRƯỜNG THCS TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

40

máy tính bàn



TRAO HỌC BỔNG CHO 120 HỌC SINH CÓ KẾT QUẢ HỌC TẬP TỐT

120

học sinh

4

trường Trung Học Cơ Sở

“TIẾP SỨC ĐẾN TRƯỜNG” CHO 30 HỌC SINH NGHÈO HIẾU HỌC

30

học sinh

60

tổng kinh phí triệu đồng

CHẠY VÌ TRẺ EM 2025



239

suất học bổng

23

trường học

HÀNH TRÌNH TƯƠNG LAI XANH 2025



3.013

cây xanh



144

tình nguyện viên



122.768.554

VND

TÁC ĐỘNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG

CSVC tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải, nguồn nước và an toàn hóa chất. Trong suốt chu kỳ báo cáo, Công ty vận hành hệ thống kiểm soát rủi ro chặt chẽ, đánh giá an toàn sản phẩm và không để xảy ra bất kỳ sự cố rò rỉ hóa chất hay ô nhiễm nào.

Do đó, CSVC đánh giá không có bất kỳ hoạt động nào của nhà máy gây ra tác động tiêu cực đáng kể đối với cộng đồng địa phương.

100%

tuân thủ quy định môi trường

0

vụ tác động tiêu cực

Phát triển nguồn nhân lực

DẤU ẤN NỔI BẬT NĂM 2025

CSVC xem nguồn nhân lực là tài nguyên quý giá và luôn chú trọng đào tạo và phát triển nhân sự, giúp đội ngũ không ngừng nâng cao năng lực, thích ứng với xu hướng mới và sẵn sàng cho các thách thức trong tương lai.

269

Tổng số khóa đào tạo

3.241

Tổng số giờ đào tạo tăng
32,3% so với 2024

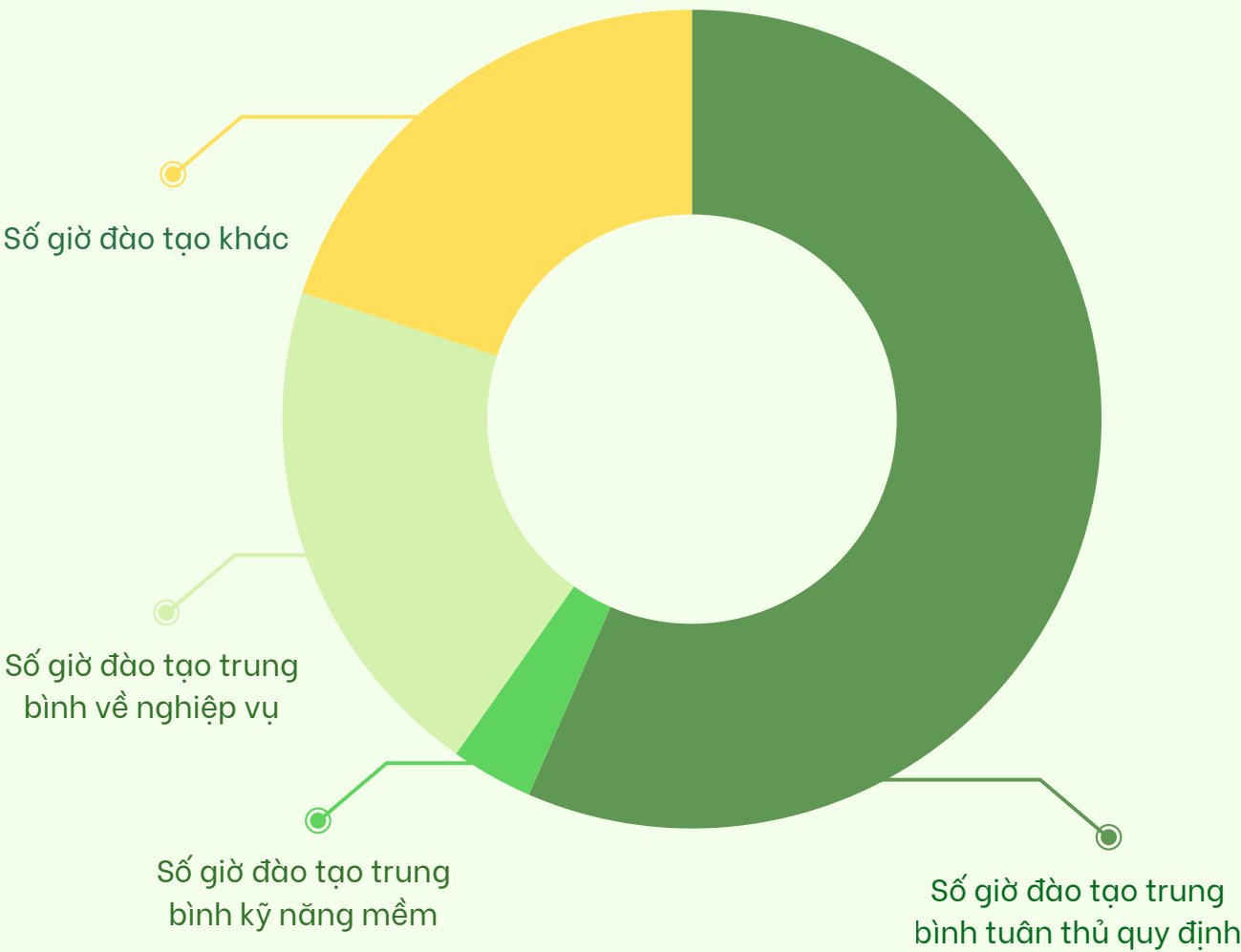
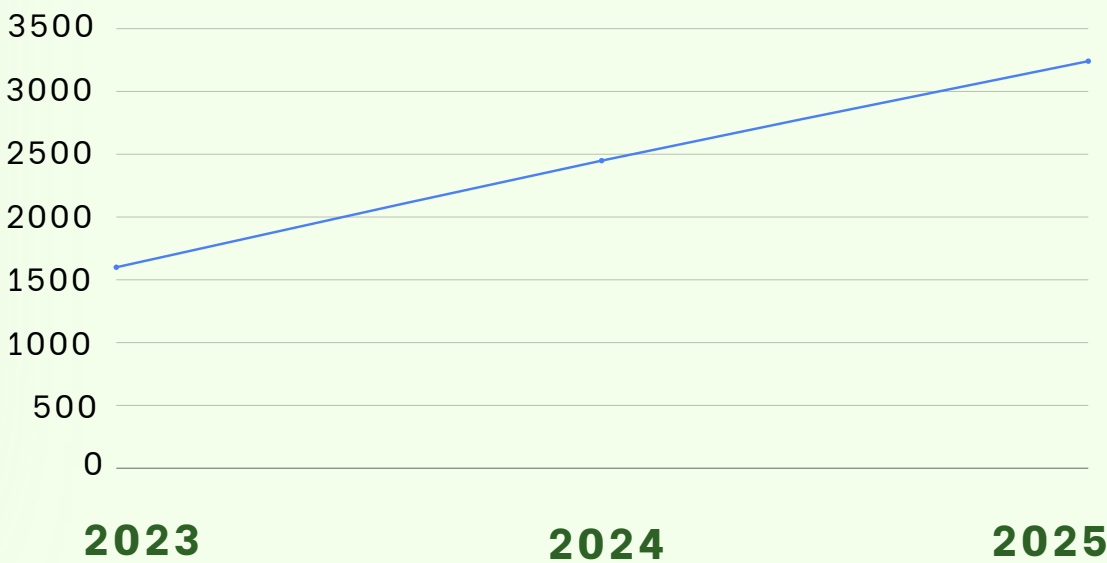
56

Giờ đào tạo bình quân
trên mỗi nhân viên

GIỜ ĐÀO TẠO BÌNH QUÂN



TỔNG SỐ GIỜ ĐÀO TẠO



TỔNG QUAN CHỈ SỐ ĐÀO TẠO TRONG 3 NĂM (2023 - 2025)

Trong giai đoạn 2023 - 2025, CSVC đã gia tăng đầu tư cho công tác đào tạo với tổng số giờ học tăng lên đến 3.200 giờ. Đồng thời, số giờ đào tạo trung bình trên mỗi nhân viên vẫn giữ đà tăng ổn định, tăng 7,6%. Công ty không chỉ mở rộng chương trình học cho số lượng lớn nhân sự mới, mà còn đảm bảo mỗi cán bộ nhân viên đều nhận được thời lượng đào tạo chất lượng.

Phát triển nguồn nhân lực

CÁC NHÓM CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHO NHÂN VIÊN

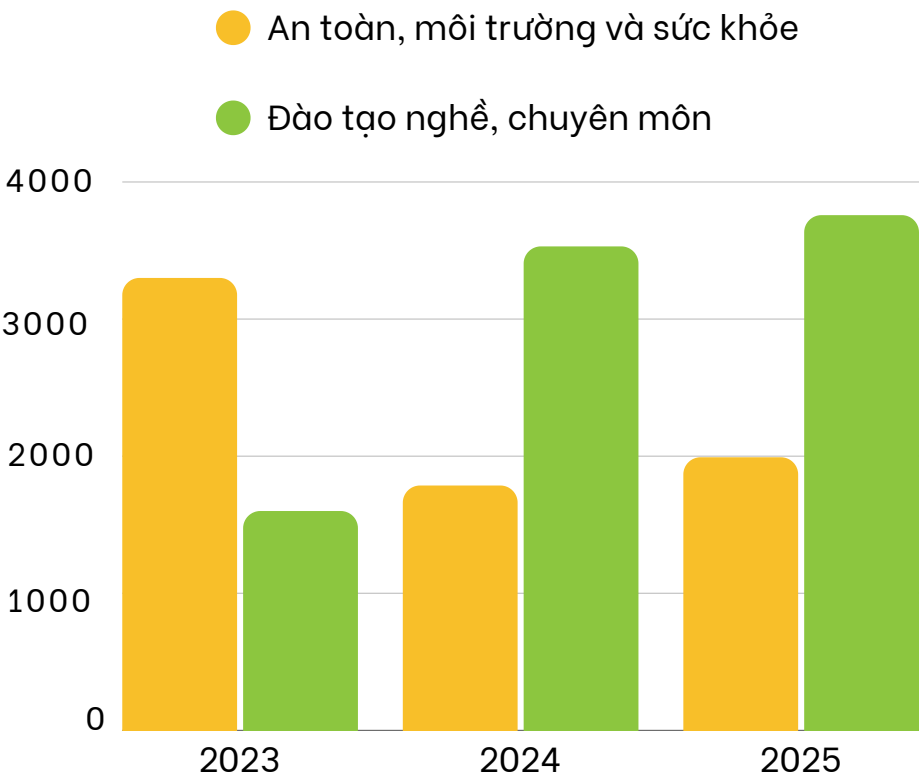
Nhóm chương trình đào tạo	Số lượng khóa đào tạo
Các chương trình đào tạo theo pháp luật	6
Đào tạo nội bộ	285
Đào tạo liên quan đến tổ chức huấn luyện PCCC	4

CÁC KHÓA ĐÀO TẠO NỔI BẬT NĂM 2025

Nội dung	Chi tiết
Khóa học khối quản lý	- Các vấn đề liên quan đến đe dọa an ninh thông tin. - Kỹ năng trình bày thiết kế thuyết trình.
Khóa học về ISO	- ISO 14068 & SBTi. - Nhận thức và đánh giá viên nội bộ (ISO 45001).
Khóa học về công nghệ thông tin	- Kỹ năng phát hiện lỗ hổng bảo mật (CEH). - Bảo vệ hệ thống khỏi các mối đe dọa ngày càng tinh vi (OT Security).
Khóa đào tạo bên ngoài liên quan đến ISO, pháp lý	- Nhận thức và đánh giá viên nội bộ IATF 16949:2016. - Quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. - Phòng ngừa rủi ro và giải quyết tranh chấp hợp đồng.

SỐ NGÀY DÀNH CHO HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO AN TOÀN, MÔI TRƯỜNG SỨC KHỎE VÀ ĐÀO TẠO NGHỀ, CHUYÊN MÔN

Trong năm 2025, CSVC đã khởi động lại các khóa đào tạo. Trong đó, các khóa đào tạo an toàn, môi trường và sức khỏe luôn được ưu tiên hàng đầu với hơn 1.992 ngày đào tạo; Các khóa đào tạo nghề, chuyên môn tại nơi làm việc luôn được tổ chức kịp thời nhằm đảm bảo hiệu suất công việc với gần 3.758 ngày đào tạo.



An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2025

Trong bối cảnh đặc thù của ngành công nghiệp nặng với các rủi ro vận hành tiềm ẩn, ưu tiên hàng đầu của CSVN là bảo vệ an toàn cho tính mạng và sức khỏe người lao động. Để ngăn ngừa sự cố, Công ty tập trung ngân sách vào việc nâng cấp hạ tầng thiết bị, cải thiện điều kiện làm việc và huấn luyện chuyên sâu thay vì chỉ quản lý thụ động. Các chính sách an toàn được xây dựng dựa trên tiêu chí kiểm soát rủi ro tại nguồn, đảm bảo môi trường làm việc không tai nạn và duy trì hoạt động sản xuất xuyên suốt.

DẤU ẤN NỔI BẬT CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP NĂM 2025

100%

Người lao động được bao phủ bởi hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

636 TRIỆU

Chi phí khám sức khỏe định kỳ

0%

Tỷ lệ tai nạn lao động (LTIFR)

0 vụ

Tai nạn lao động gây tử vong và di chứng nặng

0 CA

Bệnh nghề nghiệp được ghi nhận



Hệ thống quản lý An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp là một hệ thống quản lý xác định những yêu cầu nhằm tăng cường sức khỏe và đảm bảo an toàn lao động, giảm thiểu các mối nguy cơ tại nơi làm việc, thúc đẩy hiệu quả công việc của nhân viên. Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp cung cấp cấu trúc rõ ràng cho tất cả các tổ chức muốn cải thiện hiệu quả vấn đề an toàn và sức khỏe nghề nghiệp. Chính vì vậy, việc xây dựng hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp là một trong những hành động quan trọng đối với bất cứ doanh nghiệp nào. Là một doanh nghiệp sản xuất, CSVC hiểu rõ an toàn sức khỏe nghề nghiệp đóng vai trò quan trọng, không chỉ giúp bảo vệ tính mạng, sức khỏe của người lao động trong quá trình làm việc mà còn giúp doanh nghiệp hạn chế những thiệt hại về tài sản do tai nạn lao động gây ra.

CSVC tạo dựng một môi trường làm việc an toàn, nơi người lao động được cung cấp đầy đủ kiến thức, kỹ năng về an toàn sức khỏe, các trang thiết bị bảo hộ các loại phù hợp. Không chỉ đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động, CSVC còn đảm bảo một môi trường an toàn cho nhà thầu, nhà cung cấp, đối tác, khách hàng khi đến thăm Công ty bằng cách tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, các tiêu chuẩn về an toàn. Với mục tiêu đảm bảo an toàn, sức khỏe cho người lao động, bảo vệ môi trường bền vững. CSVC triển khai và duy trì các hệ thống Quản lý sức khỏe và an toàn nghề nghiệp bao gồm:

TUÂN THỦ CHẶT CHẼ PHÁP LUẬT VIỆT NAM

- Luật An toàn vệ sinh lao động.
- Bộ luật Lao động.
- Cùng các luật, nghị định hoặc quy định của quốc gia liên quan như: Luật PCCC; Luật Hóa chất...

TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

- Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp ISO 45001:2018

MỨC ĐỘ BAO PHỦ CỦA HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Tiêu chí đo lường	Mức độ bao phủ	
	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Nhóm người lao động được bao phủ bởi hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	788	100%
Nhóm nhà thầu được bao phủ bởi hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.	1.135	100%
Nhóm người lao động được bao phủ bởi hệ thống đã được đánh giá và kiểm toán nội bộ.	788	100%
Nhóm người lao động thuộc hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp được chứng nhận/ và kiểm toán bởi bên thứ ba.	760	96%

**Hệ thống Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp của CSVC được xây dựng và áp dụng theo chuẩn ISO 45001:2018. Phạm vi áp dụng giới hạn tại nhà máy CSVC, không bao gồm nhóm người lao động làm việc tại Văn phòng TP.HCM.*

YẾU TỐ CỐT LÕI CỦA HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN LAO ĐỘNG TẠI CSVC

- ✓ Lãnh đạo và cam kết.
 - ✓ Tuân thủ các yêu cầu pháp lý.
 - ✓ Đào tạo và nâng cao nhận thức.
 - ✓ Kiểm soát rủi ro và phòng ngừa tai nạn.
 - ✓ Giám sát, đánh giá và cải tiến liên tục.
 - ✓ Chăm sóc sức khỏe & kiểm soát bệnh nghề nghiệp.
- ✓ Tham gia, tham vấn & cải thiện điều kiện làm việc.
 - ✓ Ứng phó khẩn cấp & phòng ngừa sự cố.
 - ✓ Trang bị bảo hộ cá nhân và tuân thủ nội quy.
 - ✓ Rà soát và tổ chức kiểm định an toàn cho thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt.
 - ✓ Quan trắc môi trường lao động định kỳ.

MÔ TẢ CÁC NHÓM ĐỐI TƯỢNG, CÁC HOẠT ĐỘNG VÀ KHU VỰC THUỘC HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

VỀ NHÓM NGƯỜI LAO ĐỘNG

VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, BẢO TRÌ

TOÀN BỘ DIỆN TÍCH BAO PHỦ

Nhân viên CSVC: thực hiện các công việc chính theo mô tả công việc, quy trình làm việc được ban hành và dựa trên hướng dẫn của cấp quản lý. Các công việc chủ yếu như hành chính văn phòng, vận hành dây chuyền, bảo trì dây chuyền, vận hành hệ thống, an ninh và vệ sinh.

Nhân viên nhà thầu: thực hiện các dịch vụ được giao theo hợp đồng dịch vụ được ký kết. Thực hiện cùng nhân viên công ty hoặc thực hiện theo gói dịch vụ. Các công việc chủ yếu như vận hành cầu trục, đóng gói, vận tải hàng hóa – hành khách, vệ sinh, cây xanh,...

Khu vực được bao phủ toàn bộ diện tích của nhà máy CSVC tại Phú Mỹ:

- Các dây chuyền vận hành, phòng điều khiển.
- Các tòa nhà phụ trợ như nhà điện, kho chứa.
- Các tòa nhà văn phòng.
- Các trạm, bãi chứa thiết bị, hệ thống đường ống cấp/xả.
- Các con đường nội bộ, mặt bằng cây xanh, thoát nước,...

Được phân chia và phân bổ theo đặc trưng của dây chuyền và mục đích vận hành, nhưng chủ yếu phân loại theo:

- Các công việc vận hành dây chuyền, vận hành hệ thống.
- Các công việc bảo trì bảo dưỡng cơ khí, hệ thống điện, hệ thống cầu trục.
- Các công việc quản lý kho bãi.
- Các công việc kiểm soát chất lượng.
- Các công việc quản trị, hành chính, mua hàng, nhân sự,...

Nhận diện mối nguy, đánh giá rủi ro và điều tra sự cố

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG ATVSLĐ HÀNG THÁNG

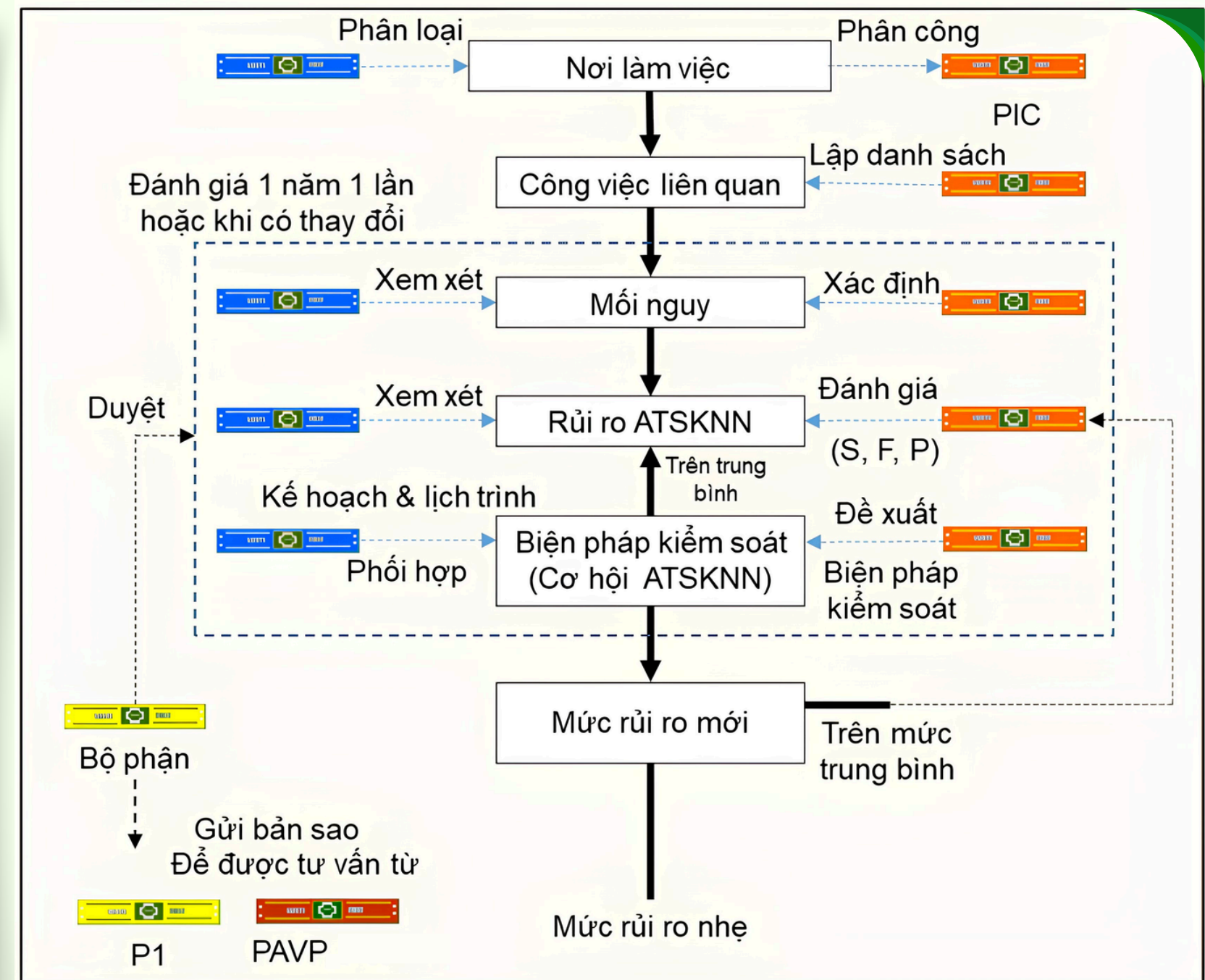
Hàng tháng, các Quản lý cấp cao (Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Tổng quản lý khối & Phó tổng quản lý khối), Giám đốc của mỗi bộ phận và Đại diện các thành viên của từng Bộ phận tham gia cuộc họp Hội đồng ATVSLĐ bao gồm cả việc tuần tra an toàn trên toàn nhà máy để kiểm tra tình trạng công trường, thảo luận về nội dung trong ATVSLĐ, báo cáo các nội dung đang theo dõi và xem xét tình hình cũng như các khó khăn của từng hạng mục, sau đó Quản lý cấp cao có đề xuất và hướng dẫn cải thiện các vấn đề phát hiện và truyền tải các thông tin đến từng Bộ phận. Đại diện Người lao động trong cuộc họp cũng đã nêu ra những ý kiến, đề xuất liên quan đến các vấn đề ATVSLĐ với Cấp trên và các Bộ phận liên quan để cùng nhau thảo luận và thống nhất hướng giải quyết.

KIỂM SOÁT RỦI RO

CSVC nhận thấy rằng rủi ro phát sinh trong quá trình làm việc phải được kiểm soát và quản lý triệt để. Cơ chế, quy trình cần được xác định rõ ràng, dễ hiểu để hướng dẫn các thành viên liên quan thực hiện đúng, chính xác nhằm đảm bảo rủi ro được phát hiện và xử lý trong thời gian sớm nhất. Cụ thể, các hoạt động phát hiện mối nguy và đánh giá rủi ro (HIRA) được thực hiện trực tiếp tại các khu vực làm việc bởi người lao động và quản đốc, với dữ liệu được khảo sát và tổng hợp thành văn bản theo đúng hướng dẫn tại quy định nội bộ.

Đầu ra của công tác kiểm soát rủi ro cũng được kiểm soát chất lượng thông qua việc xem xét và phê duyệt bởi nhiều cấp từ người lao động trực tiếp đến người quản lý cấp trên nhằm đảm bảo tính khách quan, toàn diện. Thông qua các kỳ đánh giá định kỳ và hoạt động tuần tra, kết quả HIRA tiếp tục được đưa vào quy trình để Ban Giám đốc, bộ phận Quản Lý Môi Trường và An Toàn và các bộ phận khác đánh giá chéo. Việc này nhằm chia sẻ, so sánh và thống nhất các biện pháp phòng ngừa hợp lý cho từng điều kiện môi trường làm việc trên toàn nhà máy chứ không chỉ áp dụng riêng một khu vực nào. Trong quá trình vận hành, các biện pháp phòng ngừa này được rà soát và thử nghiệm liên tục để đánh giá tính hiệu quả. Đặc biệt, nếu xuất hiện sự thay đổi về máy móc, nhân sự, môi trường làm việc hoặc khi xảy ra tai nạn lao động, sự cố suýt xảy ra, HIRA sẽ được đánh giá lại và theo dõi để điều chỉnh kịp thời biện pháp phòng ngừa. Do đó, việc cải tiến liên tục hệ thống luôn được áp dụng với hiệu quả cao.

Mặt khác, thông tin liên quan đến phát hiện và kiểm soát rủi ro từ thành viên, đặc biệt là người lao động trực tiếp cung cấp, rất quan trọng đối với một hệ thống quản lý ATVSLĐ, vì vậy việc bảo mật thông tin của người cung cấp cũng được đặt trong một cơ chế bảo vệ người cung cấp nhằm ngăn ngừa xung đột trong công ty và sau giờ làm việc.



QUY TRÌNH PHÁT HIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO

Nhận diện mối nguy, đánh giá rủi ro và điều tra sự cố

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT THỨ BẬC

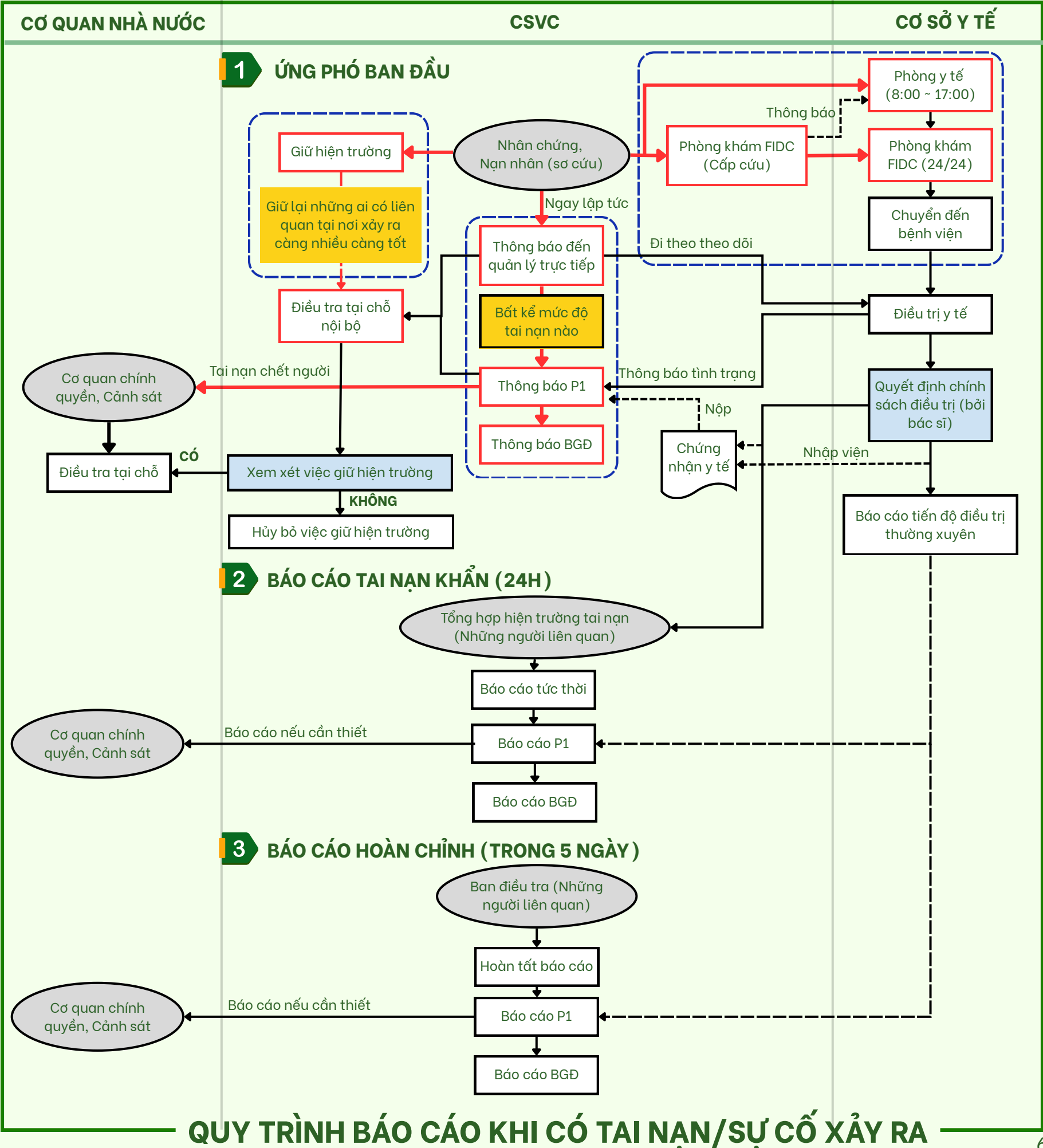
Hệ thống kiểm soát thứ bậc tại CSVC được áp dụng theo hướng dẫn của Quy định nội bộ về nhận diện mối nguy, đánh giá rủi ro và kiểm soát rủi ro và Hướng dẫn quản lý An toàn vệ sinh lao động. Hệ thống này được kết hợp cùng với cơ chế tham gia tham vấn của ISO 45001:2018 để đảm bảo quy biện pháp cải tiến phải được xem xét theo thứ tự ưu tiên. Thông qua hệ thống này, các bậc kiểm soát rủi ro sẽ được đánh giá bởi nhiều cá nhân và cấp bậc, đảm bảo việc lựa chọn bậc kiểm soát phù hợp, từ đó biện pháp phòng ngừa tương ứng cũng được lựa chọn và áp dụng hiệu quả.

NGUYÊN TẮC KIỂM SOÁT

Dựa trên kết quả đánh giá rủi ro và cơ hội ATVSLĐ, công tác loại bỏ mối nguy và giảm thiểu rủi ro tại các bộ phận phải được thực hiện theo một quy trình chuẩn hóa. Cụ thể, việc lựa chọn phương pháp kiểm soát và biện pháp phòng ngừa được yêu cầu tuân thủ nghiêm ngặt theo nguyên tắc “phân cấp kiểm soát”, với thứ tự ưu tiên như sau:

- Mức 1: Loại bỏ mối nguy;
- Mức 2: Thay thế bằng các vật liệu, quy trình, hoạt động hoặc thiết bị ít nguy hiểm hơn;
- Mức 3: Sử dụng các điều khiển kỹ thuật và tổ chức lại công việc;
- Mức 4: Sử dụng các biện pháp kiểm soát hành chính, bao gồm đào tạo;
- Mức 5: Sử dụng đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân (BHLĐ).

Để đảm bảo hiệu quả kiểm soát rủi ro, các biện pháp phòng ngừa phải được xem xét và áp dụng theo đúng trình tự ưu tiên từ Mức 1 đến Mức 5, tuyệt đối không thực hiện theo chiều ngược lại. Đồng thời, toàn bộ quá trình xem xét và áp dụng phân cấp kiểm soát này đều phải được lưu trữ hồ sơ, biên bản đầy đủ, làm minh chứng cho sự minh bạch và tuân thủ trong công tác quản lý an toàn tại hiện trường.



Chăm sóc sức khỏe người lao động

ĐO KIỂM MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC ĐỊNH KỲ

Để nâng cao chất lượng môi trường làm việc, CSVC phối hợp với Công ty Cổ phần LDT để quan trắc các yếu tố (vi khí hậu, bụi, ồn, rung, hơi VOCs, ...) trong môi trường lao động, từ đó xây dựng kế hoạch bổ sung, nâng cấp hạ tầng thiết bị, nhà xưởng để cải thiện môi trường làm việc. Đo kiểm môi trường lao động là cũng là một trong các thông số cơ bản để xác định các hạng mục khám sức khỏe phù hợp nhằm quản lý triệt để tình trạng lao động tại nơi làm việc và đảm bảo sức khỏe cho các thành viên CSVC cũng như kịp thời phát hiện các bệnh nghề nghiệp và xử lý kịp thời.

1 lần/năm

thực hiện đo kiểm môi trường lao động

638

mẫu được lấy đo kiểm môi trường làm việc

97%

mẫu đạt chuẩn bao gồm: ánh sáng, tiếng ồn, vi khí hậu, bụi, hóa chất,...

TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN DIỆN

◆ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

Nhằm đánh giá môi trường lao động tại nhà máy có đạt tiêu chuẩn hay không và sớm phát hiện nguồn gốc của các yếu tố nguy hại trong nhà xưởng cũng như bệnh nghề nghiệp, kết hợp với kết quả đo kiểm môi trường lao động, CSVC đã phối hợp với đơn vị đủ năng lực theo quy định tổ chức thực hiện khám sức khỏe định kỳ và tầm soát bệnh nghề nghiệp cho người lao động. Cùng với các hạng mục kiểm tra theo tiêu chuẩn đã được hướng dẫn bởi Pháp luật Việt Nam, để nâng cao tiêu chuẩn sức khỏe cho thành viên CSVC, các hạng mục kiểm tra bổ sung đã được đề xuất và phê duyệt thực hiện như chỉ số mỡ máu, kiểm tra nhóm máu,...

100%

người lao động thăm khám sức khỏe định kỳ

↑30%

ngân sách so với 2024

0 ca

bệnh nghề nghiệp

◆ GÓI BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE VÀ HỖ TRỢ Y TẾ

Công ty cũng triển khai gói bảo hiểm chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ y tế nhằm đảm bảo sức khỏe của người lao động được chăm sóc tốt nhất, giảm thiểu mức độ rủi ro về tài chính khi không may gặp rủi ro về sức khỏe; CSVC thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm theo quy định của pháp luật cho tất cả CBCNV bao gồm: Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp và Bảo hiểm tai nạn lao động. Về bảo hiểm tai nạn 24/24, công ty chọn MSIG – Công ty được xếp hạng rất cao về mặt tài chính từ các tổ chức xếp hạng hàng đầu. Về bảo hiểm sức khỏe, công ty chọn bảo hiểm BIC – một trong những công ty bảo hiểm tốt nhất về bảo hiểm sức khỏe dành cho cán bộ công nhân viên ở Việt Nam.

100%

người lao động được tham gia đầy đủ gói bảo hiểm

02

gói bảo hiểm theo mở rộng

60 triệu VNĐ

mức hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh cho gói bảo hiểm

◆ CAM KẾT BẢO MẬT HỒ SƠ BỆNH ÁN

CVC cam kết hồ sơ bệnh án và danh tính y tế của người lao động được bảo mật thông qua quy trình xử lý dữ liệu cá nhân nghiêm ngặt. Mọi thông tin y tế thu thập đều được số hóa và lưu trữ an toàn trên hệ thống máy chủ hoặc đám mây do CSVC, các công ty liên kết, hoặc nhà cung cấp bên thứ ba được ủy quyền vận hành. Hoạt động truy cập và xử lý các dữ liệu nhạy cảm này được kiểm soát hoàn toàn bằng phương thức điện tử an toàn, tuân thủ giới hạn mục đích trong Thông báo về Quyền riêng tư. Đồng thời, công tác lưu trữ dữ liệu phòng luôn được duy trì chặt chẽ nhằm đáp ứng các quy định bảo vệ dữ liệu tại các khu vực pháp lý liên quan.



Chăm sóc sức khỏe người lao động



CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH

Công ty chủ động triển khai các chương trình y tế phòng chống dịch bệnh như:

- Phòng chống sốt xuất huyết.
- Ngăn ngừa cúm mùa và cúm H5N1.
- Phòng chống dịch bệnh do virus Nipah.
- Phun khử trùng nhà xưởng văn phòng.
- Diệt côn trùng định kỳ tại các khu vực làm việc.

HOẠT ĐỘNG TỰ NGUYỆN NHẪM NÂNG CAO THỂ CHẤT VÀ KIẾN THỨC Y TẾ

Cùng với các chương trình y tế cốt lõi, công tác chăm sóc sức khỏe người lao động tại CSVC còn được mở rộng thông qua các hoạt động tự nguyện nhằm nâng cao thể chất và kiến thức y tế. Trong năm 2025, CSVC đã triển khai hội thảo chuyên đề về nhóm bệnh chuyển hóa. Nhằm tối ưu hóa khả năng tiếp cận, người lao động được tạo điều kiện tham gia linh hoạt dưới hình thức trực tiếp tại Công ty hoặc trực tuyến thông qua liên kết nội bộ. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức chương trình đào tạo và thi đua về kỹ năng sơ cấp cứu kéo dài liên tục trong 3 tháng. Thông qua chương trình này, người lao động được huấn luyện thực tế về quy trình xử lý khẩn cấp, trọng tâm là kỹ năng hồi sức tim phổi (CPR) được thực hành trực tiếp trên mô hình cảm biến ngay tại khuôn viên công ty.



Chăm sóc sức khỏe người lao động

QUY TRÌNH XỬ LÝ SƠ CẤP CỨU TAI NẠN LAO ĐỘNG

Nhận thấy môi trường làm việc an toàn và phòng ngừa rủi ro là nền tảng cho sự phát triển bền vững, CSVN tập trung tối ưu hóa chất lượng chăm sóc y tế thông qua việc hợp tác chuyên môn với Phòng khám thay vì duy trì Phòng Y tế nội bộ. Đồng thời, mạng lưới sơ cấp cứu tai nạn lao động tại chỗ được vận hành bài bản theo hệ thống quy trình chuẩn hóa.



TẠI XƯỞNG

1. Trường hợp xảy ra tai nạn lao động tại xưởng

Nhân viên y tế thuộc phòng khám thực hiện các bước sau:

- Nhận thông tin: Hỏi rõ vị trí, tình trạng sơ bộ (tỉnh, bất tỉnh, chảy máu, kẹt trong thiết bị,...)
- Xác định loại sự cố: Chấn thương cơ học, bỏng, điện giật, ngã cao, ngạt khí
- Báo ngay cho phòng An toàn.
- Chuẩn bị PPE, túi sơ cấp cứu và các vật dụng cần thiết trước khi đến hiện trường.
- Đánh giá hiện trường Quan sát nhanh khu vực xung quanh. Đánh giá nguy hiểm cho bản thân và nạn nhân: Hóa chất, điện giật, nguy cơ rơi, cháy nổ...

Các nguyên tắc cần tuân thủ:

Nếu còn nguy hiểm: KHÔNG tiếp cận, loại bỏ nguy hiểm trước.

Nếu an toàn: Tiếp cận nạn nhân và tiếp tục thực hiện các bước sau:

- Đánh giá nạn nhân và sơ cấp cứu
 - Đánh giá tình trạng người bị nạn.
 - Thực hiện sơ cấp cứu theo chuyên môn.
 - Tư vấn cho phòng An toàn phương án xử lý:
- Tiếp tục xử lý tại xưởng.
- Đưa về phòng y tế.
- Chuyển đến phòng khám.
- Chuyển viện.



BÁC SĨ

2. Quy trình xử lý tại phòng y tế

Nhân viên y tế thuộc phòng khám của đơn vị đối tác thực hiện các bước sau:

- Đánh giá lại tình trạng nạn nhân.
- Theo dõi dấu hiệu sinh tồn.
- Thực hiện sơ cấp cứu và chăm sóc ban đầu theo chuyên môn.
- Đánh giá khả năng xử lý tại chỗ.
- Sau đánh giá:
 - Trường hợp ổn định, có thể theo dõi thêm tại phòng y tế.
 - Hướng dẫn nghỉ ngơi hoặc tái khám nếu cần.
 - Báo cáo phòng An toàn và quản lý bộ phận.
 - Có thể quay lại làm việc nếu đủ điều kiện.
- Trường hợp vượt khả năng xử lý của phòng y tế
- Liên hệ và chuyển đến phòng khám.
- Chuẩn bị hồ sơ và thông tin sơ bộ cho bác sĩ.



BÁC SĨ BỆNH VIỆN

3. Quy trình xử lý tại phòng khám

- Bác sĩ thực hiện các bước:
- Đánh giá chuyên sâu tình trạng người bị nạn.
- Khám và điều trị theo chuyên môn.
- Thực hiện các chỉ định cần thiết: Sơ cứu nâng cao, khâu vết thương, theo dõi chấn thương, chỉ định thuốc, chỉ định chụp chiếu / xét nghiệm (nếu cần),...
- Đánh giá khả năng quay lại công ty làm việc.
- Sau đánh giá:
 - Trường hợp đủ điều kiện:
 - Cho người lao động quay lại công ty.
 - Theo dõi thêm tại phòng y tế công ty nếu cần.
 - Hướng dẫn tái khám hoặc nghỉ ngơi.
 - Trường hợp không đủ khả năng xử lý
 - Chuyển viện đến bệnh viện chuyên khoa và bệnh viện lớn hơn.
 - Phối hợp xe cấp cứu hoặc phương tiện vận chuyển phù hợp.
 - Thông báo cho phòng An toàn và quản lý liên quan.



CHUYỂN VIỆN

4. Quy trình chuyển viện

Bác sĩ tại phòng khám thực hiện công tác chuyên môn.

Đảm bảo an toàn cho người lao động

KIỂM ĐỊNH AN TOÀN THIẾT BỊ ĐỊNH KỲ

Để đảm bảo các thiết bị, vật tư vận hành tốt, trơn tru, an toàn cho người lao động và sản xuất ổn định, công tác kiểm định an toàn cho thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động luôn được đưa vào kế hoạch hàng năm của từng công đoạn nhằm đáp ứng yêu cầu của Pháp luật Việt Nam cũng như kiểm soát rủi ro liên quan đến thiết bị tại công trường. Năm 2025 ghi nhận sự mở rộng trong công tác kiểm soát rủi ro thiết bị với tổng cộng 209 hạng mục được kiểm định, tăng thêm 29 thiết bị so với mức 180 thiết bị của năm 2024. Trong đó có 75 thiết bị chịu áp lực và 134 thiết bị nâng hạ đã đạt yêu cầu.

209 THIẾT BỊ

trong danh mục được kiểm định

100%

thiết bị đạt yêu cầu kiểm định an toàn theo quy định pháp luật

↑16%

danh mục thiết bị kiểm định so với năm 2024

KIỂM SOÁT CÁC YẾU TỐ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN BỆNH NGHỀ NGHIỆP

CSVN liên tục rà soát và đánh giá các yếu tố rủi ro chính như tiếng ồn, bụi và nhiệt độ cao. Thông qua quá trình đánh giá này, tiếng ồn được xác định là rủi ro cần kiểm soát nghiêm ngặt, hạn chế gây ra bệnh nghề nghiệp. Tại những khu vực chưa thể triệt tiêu hoàn toàn nguồn ồn bằng giải pháp kỹ thuật, công ty chuyển sang áp dụng các biện pháp kiểm soát hành chính và PPE. Cụ thể, thời gian làm việc trực tiếp của người lao động tại khu vực ồn cao được bố trí giảm thiểu, đi kèm với quy định bắt buộc sử dụng trang thiết bị bảo hộ chống ồn phù hợp.



Đào tạo về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp

ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Công tác huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động (ATVSLĐ) được hệ thống hóa và phân loại chi tiết nhằm đảm bảo nội dung đào tạo bám sát rủi ro của từng vị trí. Nhằm đảm bảo quyền lợi tối đa, 100% các chương trình huấn luyện đều được tổ chức hoàn toàn miễn phí trong thời gian làm việc chính thức.

Hệ thống đào tạo được phân định rõ ràng thành đào tạo nhận thức chung và đào tạo chuyên sâu bắt buộc cho các nhóm đối tượng cụ thể như sau:

- Nhóm 1: Người quản lý phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động.
- Nhóm 2: Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.
- Nhóm 3: Người lao động thực hiện các công việc thuộc Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.
- Nhóm 4 (Đào tạo nhận thức chung): Nhóm người lao động phổ thông không thuộc các đối tượng đặc thù tại Khoản 1, 2, 3, 5, 6.
- Nhóm 5: Người làm công tác y tế.
- Nhóm 6: Mạng lưới An toàn, vệ sinh viên.
- Nhóm PCCC và Ứng phó khẩn cấp: Thành viên đội PCCC cơ sở, đội ứng phó sự cố khẩn cấp và những người làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ.

Đặc biệt đối với lực lượng ứng phó khẩn cấp, bên cạnh việc được hưởng nguyên lương trong quá trình huấn luyện, các thành viên đội PCCC cơ sở còn được nhận thêm một khoản phụ cấp tương đương 0,3 ngày lương tối thiểu vùng. Đây là chính sách thiết thực nhằm ghi nhận và khuyến khích sự đóng góp của lực lượng an toàn tại chỗ.



DANH SÁCH KHÓA ĐÀO TẠO AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Theo kế hoạch đào tạo hàng năm để đáp ứng các yêu cầu của pháp luật Việt Nam về an toàn vệ sinh lao động cho người lao động, trong năm 2025, CSVN đã thực hiện được các kết quả như sau:

Nhóm	Số khóa học (Lớp)	Số lượng tham gia
Đào tạo an toàn chung (Nhóm 1 theo Luật)	1	80
Đào tạo an toàn cán bộ quản lý an toàn (Nhóm 2 theo Luật)	1	2
Đào tạo an toàn chung (Nhóm 4 theo Luật)	5	20
Đào tạo Nhóm 5	1	1
Đào tạo an toàn mạng lưới an toàn vệ sinh viên (Nhóm 6 theo Luật)	5	118
Đào tạo PCCC	6	179
Đào tạo an toàn hàn cắt	1	499
Đào tạo an toàn bức xạ	4	
Đào tạo an toàn điện	6	
Đào tạo an toàn khi làm việc trên cao	5	
Đào tạo an toàn làm việc trong không gian hạn chế	8	
Đào tạo an toàn vận hành thiết bị nâng	7	
Đào tạo an toàn hóa chất	10	

Đào tạo về an toàn & sức khỏe nghề nghiệp

PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SAU ĐÀO TẠO

100%

tỷ lệ thành viên tham gia đào tạo an toàn

80Giờ

tổng số giờ đào tạo an toàn trong năm

22%

thời lượng thực hành và kiểm tra

Nhóm	Tổng số giờ đào tạo	Lý thuyết (giờ)	Thực hành (giờ)	Kiểm tra (giờ)
Nhóm 1	8	7	0	1
Nhóm 2	24	20	3	1
Nhóm 3	12	8	2	2
Nhóm 4	8	7	0	1
Nhóm 5	16	15	0	1
Nhóm 6	4	3	0	1
PCCC	8	3	4	1



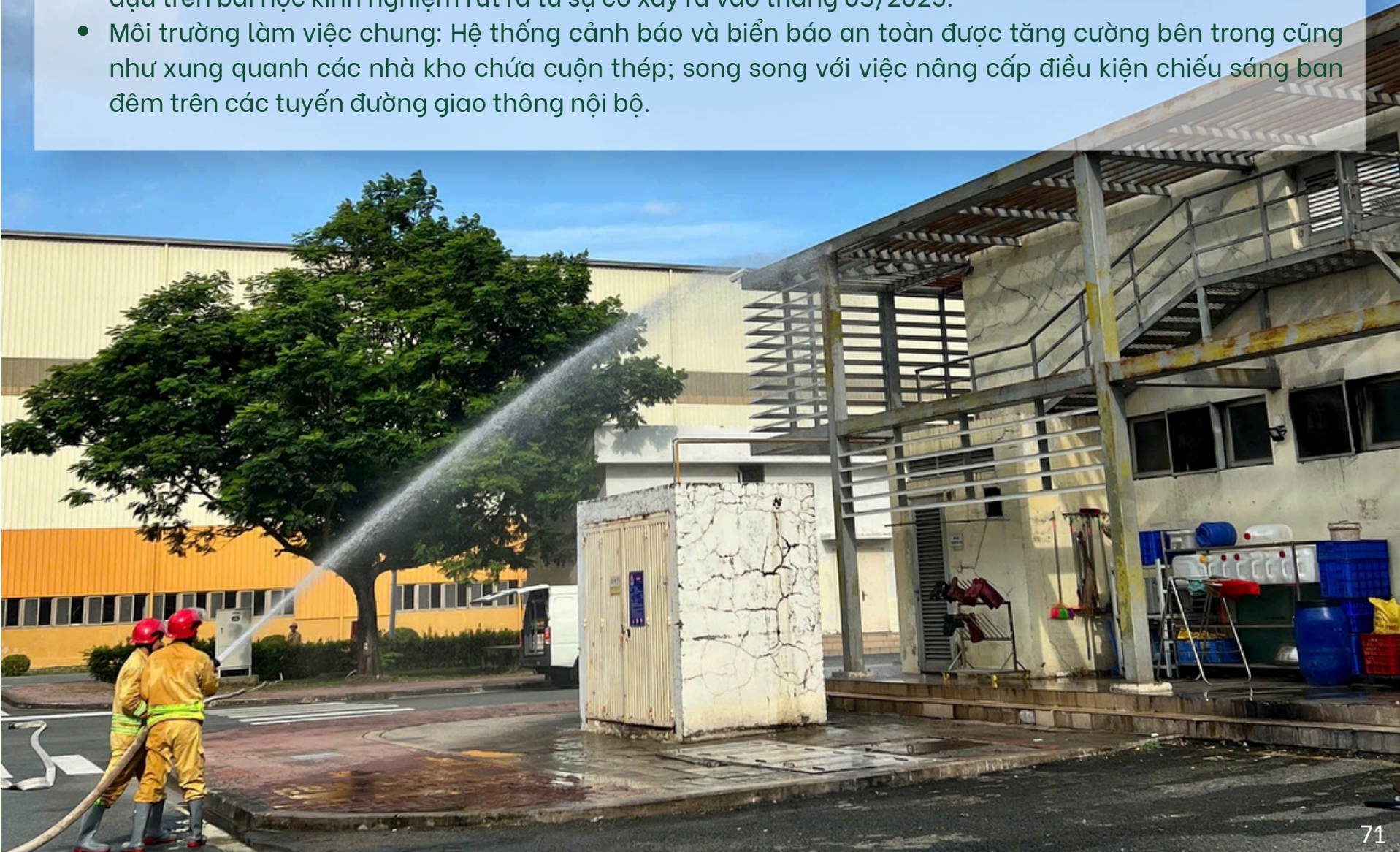
CÁC HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN AN TOÀN

Trong năm 2025, công tác cải tiến an toàn được triển khai đồng bộ, bao trùm từ việc tối ưu hóa hệ thống quản lý đến nâng cấp trực tiếp thiết bị máy móc và điều kiện làm việc tại các bộ phận.

Về hệ thống quản lý, quy trình xét nghiệm và đơn vị tổ chức khám sức khỏe đã được đổi mới nhằm nâng cao chất lượng đánh giá y tế. Năng lực ứng phó sự cố của nhân sự cũng được củng cố thực tiễn thông qua các chương trình như Health Contest 2025 và Fire Contest 2025.

Về hạ tầng kỹ thuật và điều kiện làm việc, các giải pháp kiểm soát rủi ro được áp dụng cụ thể tại từng khu vực trọng yếu:

- An toàn điện và PCCC: Hoàn thành lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động bằng SOL khí (Aerosol) cho 9 hầm điện chính; đồng thời trang bị hệ thống chìa khóa khẩn cấp và camera giám sát (CCTV) tại các khu vực có nguy cơ cao bên trong nhà điện.
- An toàn hóa chất: Tiến hành cải tiến kỹ thuật tại các khu vực xử lý hóa chất ở dây chuyền UA1 và UA2, dựa trên bài học kinh nghiệm rút ra từ sự cố xảy ra vào tháng 03/2025.
- Môi trường làm việc chung: Hệ thống cảnh báo và biển báo an toàn được tăng cường bên trong cũng như xung quanh các nhà kho chứa cuộn thép; song song với việc nâng cấp điều kiện chiếu sáng ban đêm trên các tuyến đường giao thông nội bộ.



KẾT QUẢ THỰC THI CÔNG TÁC AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (2023 - 2025)

- Giờ công an toàn: Trong năm 2025, hệ thống duy trì giám sát tổng cộng 2.328.663 giờ làm việc, trong đó bao gồm 1.614.148 giờ của nhân sự CSVC và 714.515 giờ của nhà thầu.
- Tình hình tai nạn (CVC): Tỷ lệ tai nạn lao động được kiểm soát về mức 0 trong hai năm liên tiếp (2024 - 2025). Kết quả này cho thấy sự khắc phục rõ rệt so với năm 2023 (ghi nhận 2 sự cố với tỷ lệ tần suất 1,02 trong đó có 1 ca nghiêm trọng/tử vong).
- Tình hình tai nạn (Nhà thầu): Ngoại trừ 1 sự cố phát sinh vào năm 2024 (tỷ lệ tần suất 1,42), nhà thầu không ghi nhận tai nạn lao động trong năm 2023 và 2025. Điểm đáng chú ý là không có tai nạn nghiêm trọng nào xảy ra đối với nhóm này trong suốt giai đoạn 3 năm.
- Sự cố suýt soát (Near-miss): Có 2 trường hợp near-miss được báo cáo từ CSVC (1 vụ năm 2023; 1 vụ năm 2025). Các số liệu khai báo này được hệ thống ghi nhận và phân tích nhằm rà soát rủi ro, từ đó thiết lập các biện pháp phòng ngừa trước khi tai nạn thực sự xảy ra.



PHÂN LOẠI PHÁT HIỆN TRONG LÚC TUẦN TRA

471

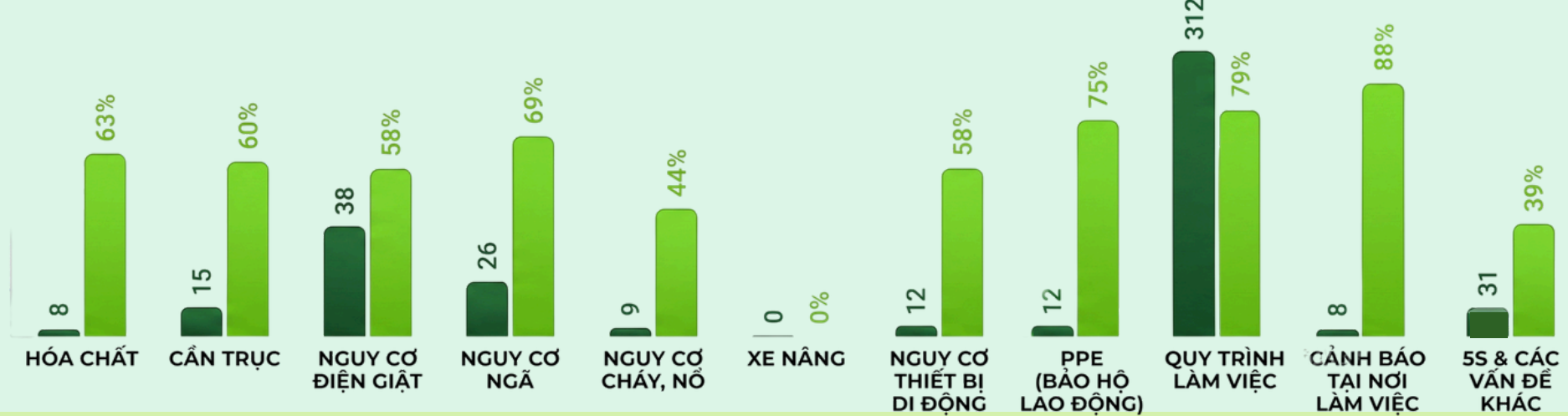
tổng số phát hiện thông qua tuần tra

66%

phát hiện liên quan đến quy trình làm việc

79%

tỷ lệ cải thiện liên quan đến quy trình làm việc



LUÔN NHÌN THẤY RỦI RO

Được bắt đầu từ cuối năm 2022, hoạt động này đã trở thành một kênh kết nối cho các thành viên làm việc trực tiếp thể hiện các cố gắng và nhiệt huyết của họ trong việc cải thiện môi trường làm việc mà ngày qua ngày họ phải tiếp xúc thường xuyên. Hoạt động “Luôn nhìn thấy rủi ro” năm 2025 tiếp tục phát huy hiệu quả:

1.288

tổng số ý tưởng/ giải pháp đóng góp

↑48%

ý tưởng/ giải pháp đóng góp so với năm 2024

383

số ý tưởng/ giải pháp đóng góp cao nhất trong năm

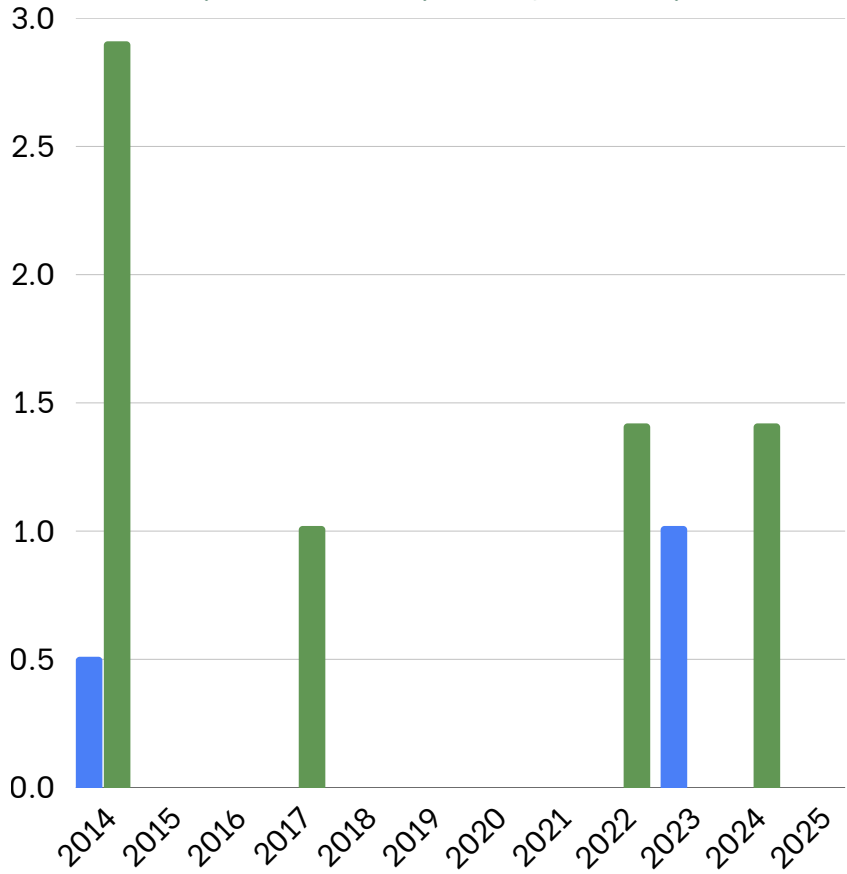


XU HƯỚNG AN TOÀN

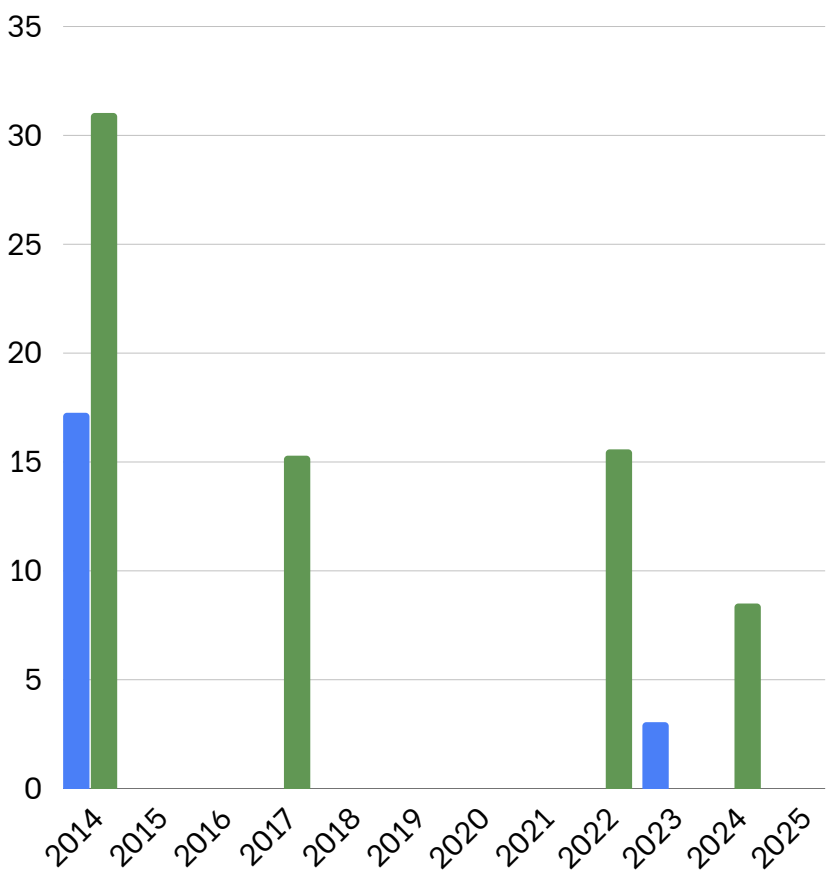


Năm 2025 chứng kiến xu hướng tích cực trong công tác kéo giảm tai nạn lao động. Điểm nổi bật nhất là sự sụt giảm đáng kể về mức độ nghiêm trọng của tai nạn đối với nhà thầu, từ 8,5 (năm 2024) xuống 0 (năm 2025). Đồng thời, tỷ lệ tần suất tai nạn của nhà thầu cũng giảm mạnh từ mức 1,42 xuống 0, cho thấy các biện pháp phòng ngừa đang phát huy hiệu quả. Những cải thiện này phản ánh nỗ lực nâng cao ý thức an toàn và hiệu quả của hệ thống quản lý rủi ro trong môi trường làm việc.

Tỷ lệ tần suất tai nạn mất giờ làm việc



Tỷ lệ mức độ nghiêm trọng tai nạn mất giờ làm việc



Nghiên cứu đổi mới sản phẩm

CAM KẾT ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



CSVC luôn nỗ lực cải tiến quy trình sản xuất để tối ưu hóa hiệu quả, giảm thiểu tác động tiêu cực đến xã hội. Bằng cách đầu tư vào công nghệ hiện đại và sử dụng nguyên liệu tái chế, chúng tôi không chỉ đảm bảo sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao mà còn góp phần bảo vệ môi trường. CSVC cam kết cung cấp các sản phẩm thép chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường. Chúng tôi luôn chú trọng đến việc kiểm soát chất lượng từ khâu sản xuất đến khâu phân phối, đảm bảo sản phẩm đến tay khách hàng luôn đạt chất lượng tốt nhất. Những nỗ lực này không chỉ giúp chúng tôi duy trì vị thế cạnh tranh mà còn tạo ra giá trị lâu dài cho cộng đồng và các bên liên quan.

CÁC DỰ ÁN ĐỔI MỚI SẢN PHẨM



Cùng với việc nâng cao chất lượng sản phẩm, đổi mới và phát triển các dòng vật liệu mới là yêu cầu cấp thiết để nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu thực tế từ khách hàng. Dựa trên các xu hướng chuyển dịch trong năm 2025, một số dự án phát triển nổi bật đã được CSVC triển khai:

KHÁCH HÀNG NGÀNH VỎ THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ (PC/MÁY CHỦ/MÁY CHƠI GAME)

Bên cạnh việc tiếp tục cung ứng dòng sản phẩm thép mạ kẽm (GI) truyền thống (có bề mặt bông kẽm mịn, xử lý chống vân tay, độ dày 0,5mm - 2 mm), CSVC ghi nhận sự gia tăng mạnh mẽ trong nhu cầu sử dụng vật liệu tái chế. Nhằm đáp ứng tiêu chuẩn xanh này, công ty đã mở rộng quy mô sản xuất vật liệu tái chế. Cụ thể trong năm 2025, CSVC đã sản xuất thành công và xuất xưởng 574 tấn thép RC20, 178 tấn thép RC60 và 55 tấn thép RC90.

KHÁCH HÀNG NGÀNH Ô TÔ

Tiếp nối kết quả đạt chuẩn của dòng thép 2 pha CG 590MPa (đáp ứng JFS JAC590Y và EN HCT590X) cùng các dòng thép biến cứng sau sấy và CG 780MPa đã thử nghiệm trong năm 2024; bước sang năm 2025, nhu cầu đối với thép mạ kẽm (GI) cường độ cao tiếp tục tăng tốc. Để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật mới, CSVC đã tiến hành các đợt thử nghiệm bổ sung chuyên sâu đối với dòng thép mạ kẽm pha kép (GI Dual Phase) ở phân khúc độ dày từ 2,3mm đến 2,5mm.

TÁC ĐỘNG CỦA R&D ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Sự phát triển sản phẩm mới liên tục giúp CSVC đáp ứng kịp thời những yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của thị trường, đồng thời tạo ra cơ hội để thu hút khách hàng mới và giữ chân khách hàng hiện tại. Trong dòng xoáy của phát triển công nghệ và yêu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, trong năm qua, chúng tôi đã thử nghiệm, cải tiến và phát triển các dòng sản phẩm chất lượng cao phục vụ cho các lĩnh vực sản xuất ô tô, vỏ thiết bị điện tử với các mác thép đặc thù như thép 2 pha (Dual phase), thép cường độ cao (High strength), thép từ tính cao. Trong năm 2025, chúng tôi tiếp tục kế hoạch nâng cấp thiết bị sản xuất, tăng tỷ lệ sử dụng nguyên liệu tái chế, đồng thời thử nghiệm các dòng sản phẩm mới cho các ứng dụng cao cấp. R&D cung cấp các giải pháp để cải tiến sản phẩm, quy trình sản xuất và chiến lược kinh doanh. Điều này không chỉ giúp chúng tôi duy trì sự cạnh tranh mà còn đảm bảo rằng công ty có thể tiếp tục phát triển và mở rộng trong tương lai.



An toàn sản phẩm

DẤU ẤN NỔI BẬT NĂM 2025 TRONG QUẢN TRỊ AN TOÀN SẢN PHẨM

100%

sản phẩm được đánh giá tuân thủ an toàn

0

vụ

vi phạm các quy định pháp luật về an toàn sản phẩm

07

chứng nhận quốc tế về chất lượng sản phẩm

56

PPM

Tỷ lệ lỗi sản phẩm ghi nhận trong năm

TUÂN THỦ CHẤT NGUY HẠI TRONG SẢN PHẨM

Nhằm tuân thủ các quy định quốc tế hiện hành và yêu cầu chuyên biệt từ khách hàng, CSVC thực thi cơ chế kiểm soát chất nguy hại đồng bộ trên toàn bộ danh mục sản phẩm và mạng lưới cung ứng. Tùy thuộc vào yêu cầu áp dụng, các sản phẩm sẽ được tiến hành thử nghiệm độc lập qua bên thứ ba nhằm đảm bảo đáp ứng đầy đủ Quy định hóa chất REACH, Chỉ thị RoHS về hạn chế chất nguy hại trong thiết bị điện tử, và Đạo luật California Proposition 65. Song song với khâu kiểm định sản phẩm, công tác thẩm định chuỗi cung ứng và công bố thông tin vật liệu cũng được triển khai nghiêm ngặt. Toàn bộ hoạt động truy xuất nguồn gốc được quản lý minh bạch thông qua hệ thống chuẩn mực bao gồm mẫu báo cáo khoáng sản xung đột CMRT, báo cáo khoáng sản mở rộng EMRT và báo cáo khoáng sản bổ sung AMRT.

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM TẠI CSVC

CSVc cam kết đáp ứng các yêu cầu quốc tế về quản lý chất lượng, môi trường và năng lượng thông qua các hệ thống quản lý được chứng nhận và các chứng nhận sản phẩm.

Chứng nhận hệ thống quản lý:

- IATF 16949 – Hệ thống quản lý chất lượng ngành ô tô
- ISO 9001 – Hệ thống quản lý chất lượng
- ISO/IEC 17025

CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM



Ngoài ra, các sản phẩm của CSVc được sản xuất theo các tiêu chuẩn quốc tế chính, bao gồm các yêu cầu của JIS, ASTM, EN, ISO và JFS, tùy thuộc vào yêu cầu kỹ thuật của khách hàng. Các chứng nhận này chứng minh khả năng của CSVc trong việc cung cấp các sản phẩm thép chất lượng cao cho các khách hàng trong ngành ô tô và công nghiệp trên toàn cầu.

DẤU ẤN NỔI BẬT NĂM 2025

56%

Tỷ lệ các vụ khiếu nại giảm so với 2024

4,19 ĐIỂM

Hài lòng khách hàng được ghi nhận trong năm

20,8 NGÀY

Thời gian xử lý khiếu nại trung bình

BẢNG THỐNG KÊ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG

Danh mục	2024	2025	Chênh lệch
Báo giá và hóa đơn	4,22	4,31	0,09
Chất lượng sản phẩm	4,18	4,33	0,16
Khiếu nại của khách hàng	3,85	4,1	0,24
Dịch vụ khách hàng	4,02	4,31	0,29
Sản xuất và Giao hàng	3,83	4,01	0,18
Vận chuyển	3,92	4,21	0,29
Tổng điểm	3,99	4,19	0,2

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng tổng thể đạt 4,19/5, ghi nhận mức tăng 0,20 điểm so với năm trước và minh chứng cho tính hiệu quả của chiến lược tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng. Sự cải thiện diễn ra đồng bộ trên toàn chuỗi giá trị khi cả hai mảng Dịch vụ Khách hàng và Logistics cùng đạt mức tăng 0,29 điểm. Đặc biệt, các chỉ số thành phần có sự bứt phá mạnh mẽ nhất thuộc về thời gian phản hồi của bộ phận Bán hàng với mức tăng 0,41 điểm, song song với mức tăng 0,36 điểm ở tiêu chí hiệu suất giao hàng đúng hạn.

*Thang điểm: 1 Rất không hài lòng / 2 Không hài lòng / 3 Bình thường / 4 Hài lòng / 5 Rất hài lòng

CHÍNH SÁCH, QUY TRÌNH XỬ LÝ KHIẾU NẠI, GÓP Ý CỦA KHÁCH HÀNG

CSVC với công nghệ tiên tiến và dây chuyền sản xuất hiện đại, luôn đáp ứng được các yêu cầu khắc khe của khách hàng và quan trọng hơn hết là có “sự lắng nghe” để ngày càng hoàn thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Thông qua “Quy trình xử lý khiếu nại khách hàng NB C10-001”, CSVC đã triển khai dịch vụ sau bán hàng một cách kịp thời và hiệu quả, nhằm không ngừng cải tiến chất lượng, nâng cao khả năng phục vụ và đáp ứng tốt hơn các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Theo quy trình này, khi hàng hóa phát sinh các vấn đề liên quan đến chất lượng, CSVC sẽ nhanh chóng cung cấp dịch vụ tư vấn kỹ thuật và cử nhân viên kỹ thuật đến kiểm tra thực tế hoặc tiếp nhận, phân tích thông tin và hình ảnh chi tiết do khách hàng cung cấp. Mục tiêu là đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng không bị gián đoạn, qua đó củng cố niềm tin và sự hài lòng của khách hàng đối với CSVC. Bên cạnh đó, “Quy trình khảo sát sự hài lòng khách hàng NC-C10-001” được thiết kế hệ thống và hợp lý để thu thập, phân tích ý kiến phản hồi của khách hàng một cách hiệu quả, Đây là cách CSVC “lắng nghe”, nhận diện điểm mạnh – điểm yếu, và cuối cùng là triển khai các biện pháp cải tiến.



CHƯƠNG 5

QUẢN TRỊ BỀN VỮNG

Mô hình và cơ cấu quản trị

Quản lý và kiểm soát rủi ro

Phòng chống tham nhũng

Hiệu quả kinh tế

Quản lý chuỗi cung ứng

Bảo mật và quyền riêng tư dữ liệu



CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

Nội dung	Thông tin cụ thể
Khung quản lý rủi ro	Áp dụng khung COSO
Các loại rủi ro chính	- Rủi ro sản xuất do ngừng chuyển. - Rủi ro tài chính do biến động tỷ giá và thuế quan. - Rủi ro pháp lý do thay đổi quy định pháp luật. - Các rủi ro hoạt động và môi trường khác.
Bộ phận phụ trách	- Phòng Thư ký và Pháp chế. - Bộ phận quản lý chất lượng.
Cơ chế kiểm soát	- Phân quyền trách nhiệm rõ ràng trên hệ thống ERP. - Cảnh báo bất thường qua phần mềm nội bộ.
Hoạt động kiểm toán nội bộ	- Thực hiện hàng năm bởi Công ty mẹ – China Steel Corporation. - Xây dựng chương trình và kế hoạch tự đánh giá hàng năm bởi từng Bộ phận.



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP MINH BẠCH VÀ HIỆU QUẢ

Nội dung	Thông tin cụ thể
Số lượng thành viên HĐQT	07 thành viên.
Số lượng thành viên BKS	03 thành viên.
Số lượng thành viên Ban Tổng Giám đốc	02 thành viên, gồm 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc
Số lượng cuộc họp HĐQT trong năm	04 cuộc họp (định kỳ hàng quý).
Tỷ lệ tham dự họp của các thành viên	100% đối với các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc
Chính sách bầu/ bổ nhiệm	- Đối với thành viên HĐQT: Bầu dựa trên đề cử từ các cổ đông thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ; - Đối với Ban Tổng Giám đốc: Bổ nhiệm trong số các thành viên HĐQT dựa trên sự tín nhiệm của HĐQT. - Tiểu sử và hồ sơ năng lực của các ứng viên đều được công khai cho ĐHĐCĐ và HĐQT trước khi bầu/ bổ nhiệm.
Ủy ban trực thuộc Ban Tổng Giám đốc	- Ủy ban Phát triển bền vững. - Hội đồng An toàn Vệ sinh Lao động.

QUẢN LÝ RỦI RO VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ

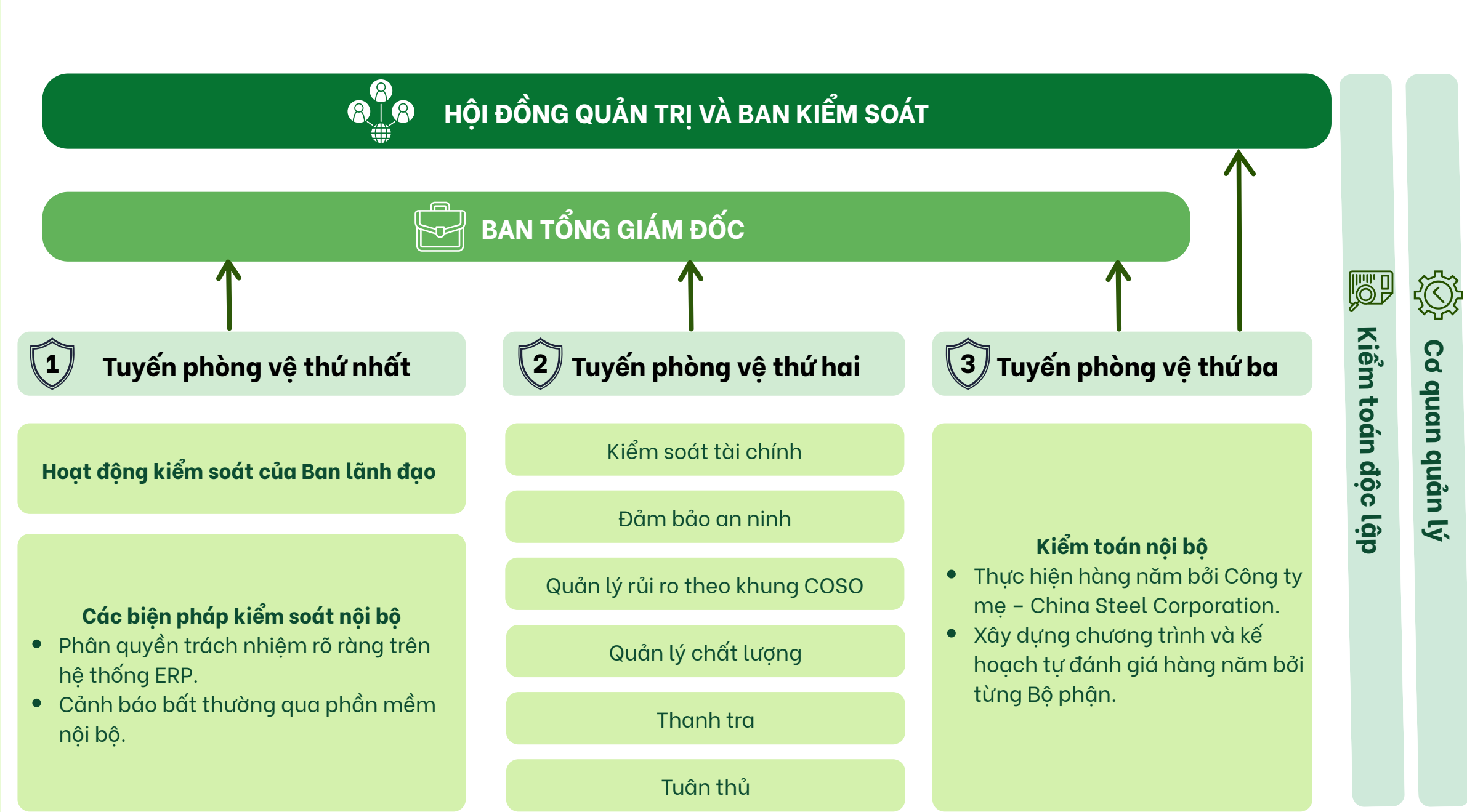
Tại CSVC, công tác kiểm soát nội bộ (KSNB) được xây dựng và vận hành dựa trên nguyên tắc toàn diện, chủ động và được triển khai dựa trên nguyên tắc chung được HĐQT thông qua. Hệ thống KSNB của Công ty là một phần không thể tách rời trong hoạt động kinh doanh, được thiết lập nhằm gia tăng hiệu quả vận hành, tiết kiệm thời gian, đồng thời phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các rủi ro phát sinh. Hệ thống KSNB tại CSVC được thực hành dựa trên khung COSO bao gồm 5 cấu phần chính:

- **Môi trường kiểm soát:** Xây dựng nền tảng đạo đức nghề nghiệp, cơ chế phân cấp quản lý rõ ràng, chính sách nguồn nhân lực và quy trình vận hành thống nhất.
- **Đánh giá rủi ro:** Thực hiện nhận diện, phân tích và xây dựng biện pháp giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến mục tiêu hoạt động và phát triển của Công ty.
- **Hoạt động kiểm soát:** Xây dựng và thực hiện các chính sách, quy trình kiểm soát nhằm đảm bảo tuân thủ kế hoạch kinh doanh và quy định nội bộ, đồng thời hỗ trợ công tác quản lý rủi ro. Thông tin và truyền thông: Đảm bảo luồng thông tin minh bạch, đầy đủ và kịp thời giữa các cấp quản lý và nhân viên để hỗ trợ hoạt động kiểm soát nội bộ hiệu quả.
- **Hoạt động giám sát:** Đánh giá thường xuyên chất lượng hệ thống kiểm soát nội bộ thông qua hoạt động tự đánh giá nội bộ, đánh giá của Công ty mẹ và kiểm toán độc lập bên ngoài

Ngoài ra, mỗi Bộ phận/Phòng ban của CSVC đều xây dựng chương trình và kế hoạch tự đánh giá KSNB định kỳ, thực hiện báo cáo kết quả đánh giá, và đề xuất hành động khắc phục nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ. .



MÔ HÌNH 03 TUYẾN PHÒNG VỆ TRONG DOANH NGHIỆP



Phòng chống tham nhũng

0 vụ

vi phạm liên quan đến tiêu
cực & tham nhũng

100%

tuân thủ nghĩa vụ về thuế

0 vụ

vi phạm pháp luật về độc
quyền, chống độc quyền
và cản trở cạnh tranh



CƠ CHẾ TỔ GIÁC HÀNH VI SAI PHẠM



CSVC đã triển khai Cơ chế và quy trình tố giác hành vi sai phạm, áp dụng đối với cả nhân viên nội bộ và các bên liên quan. Quy trình tố cáo được công bố công khai trên trang web công ty nhằm khuyến khích sự minh bạch và hỗ trợ kịp thời việc phát hiện, xử lý vi phạm. Thông qua việc thực hiện đồng bộ các chính sách và quy trình nêu trên, CSVC không chỉ chủ động phòng ngừa mà còn kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm. Đây là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty, góp phần củng cố niềm tin với khách hàng, đối tác cũng như các bên liên quan.

KÊNH TIẾP NHẬN CÁC PHẢN ẢNH, TỔ CÁO



- Gặp trực tiếp người có trách nhiệm (Quản lý, Giám đốc, Ban điều hành) để phản ánh.
- Website: csvc.com.vn

MINH BẠCH VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THUẾ



Nhận thức vai trò của việc nộp thuế đối với Ngân sách Nhà nước và sự phát triển bền vững của quốc gia, CSVC cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế đối với hoạt động kinh doanh. Trong nhiều năm liền, CSVC thuộc nhóm các doanh nghiệp dẫn đầu về số nộp vào Ngân sách Nhà nước.

TINH THẦN THƯỢNG TÔN PHÁP LUẬT

Các văn bản chế độ tại CSVC luôn được rà soát, cập nhật, bảo đảm phù hợp với các hướng dẫn, quy định pháp luật của Nhà nước và các cơ quan chức năng. Các nội dung chỉnh sửa, bổ sung mới được thông báo, phổ biến kịp thời đến các đơn vị liên quan tại CSVC dưới nhiều hình thức: Các văn bản hướng dẫn, cập nhật do các đơn vị đầu mối nghiệp vụ đăng tải trên trang web nội bộ và gửi email đến các đơn vị, cán bộ trong toàn hệ thống; Các Hội thảo chuyên đề về phổ biến, cập nhật các văn bản pháp luật mới có hiệu lực. CSVC luôn tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ/đột xuất và sẵn sàng cung cấp thông tin, phối hợp làm việc và khi có yêu cầu của các Cơ quan quản lý Nhà nước.

Phương pháp quản trị vấn đề trọng yếu

Năm 2025 tiếp tục là một năm đầy thách thức đối với ngành công nghiệp thép toàn cầu. Tuy nhiên, CSVC kiên định với chiến lược “Kinh doanh có trách nhiệm”. Chúng tôi tin rằng, giá trị cốt lõi của doanh nghiệp không chỉ nằm ở biên lợi nhuận ngắn hạn, mà là dòng tiền thực tế được phân bổ minh bạch để duy trì chuỗi cung ứng, bảo vệ sinh thái, bảo đảm sinh kế cho người lao động và hoàn thành nghĩa vụ quốc gia. Hơn thế nữa, sự phát triển bền vững còn được xem là đòn bẩy chiến lược giúp CSVC chuyển hóa các rủi ro khí hậu thành cơ hội thu hút nguồn vốn xanh từ thị trường tài chính quốc tế.

Giá trị kinh tế được tạo ra và phân bổ

Bức tranh phân bổ dòng tiền của CSVC trong năm 2025 được thống kê chính xác, minh chứng cho sự nhất quán dữ liệu giữa hệ thống tài chính và các cam kết bền vững:

Hạng mục phân bổ dòng tiền	Giá trị (VNĐ)	Nội dung
Giá trị kinh tế tạo ra (Doanh thu)	13.797.541.105.775	Tổng doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng trong năm 2025.
Chi phí hoạt động	14.112.879.032.133	Thanh toán cho các nhà cung cấp nguyên vật liệu, chuỗi cung ứng và duy trì vận hành.
Thuế nộp ngân sách nhà nước	1.156.081.736.187	Hoàn thành 100% nghĩa vụ thuế.
Thu nhập cho người lao động	193.973.876.034	Tổng quỹ lương và phúc lợi thực chi.
Chi phí môi trường	11.600.107.776	Các chi phí xử lý chất thải, vận hành hệ thống quan trắc và tuân thủ pháp luật môi trường.
Tác động tích cực cho cộng đồng và xã hội	732.387.299	Chi cho các hoạt động cộng đồng, giáo dục và cứu trợ thiên tai tại địa phương.



Biến đổi khí hậu và các rào cản sinh thái quốc tế (như luật CBAM của Châu Âu) đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc chuyển đổi mô hình kinh doanh. Tại CSVN, chúng tôi tiếp cận các vấn đề này dưới lăng kính quản trị rủi ro đa chiều để thiết lập các giải pháp đầu tư phù hợp.



Nhận diện và lượng hóa rủi ro - cơ hội môi trường

Khía cạnh	Nội dung	Ước tính chi phí đầu tư	Rủi ro	Cơ hội
Tuân thủ quy định pháp luật	Các quy định môi trường hiện tại đang được siết chặt, đặc biệt về hệ thống xử lý khí thải. Từ năm 2026 – 2032, tiêu chuẩn khí thải giảm hơn 2 lần.		Danh tiếng công ty dễ bị ảnh hưởng nếu vi phạm môi trường. Việc sản xuất bị hạn chế nếu không đáp ứng kịp yêu cầu mới	Tiếp cận được các nguồn vốn ưu đãi liên quan đến BVMT để đầu tư, cải tiến hệ thống theo hướng ít phát thải. Nâng cao uy tín, danh tiếng với đối tác, cộng đồng.
Phát triển xanh, Net Zero	Yêu cầu công bố phát thải carbon, định hướng đường lối giảm phát thải carbon, các quy định về thuế carbon từ năm 2026 trở đi. Tập trung đầu tư hệ thống tự động hóa cho tính toán phát thải carbon.	Hơn 1 tỷ VNĐ	Khó cạnh tranh với các đối thủ trong ngành thép, đặc biệt với các công ty đã công bố phát thải carbon.	Tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường.
Giảm tiêu hao năng lượng	Nghiên cứu, đầu tư triển khai các công nghệ mới cũng như thay thế máy móc, thiết bị đã lỗi thời	Hơn 1 tỷ VNĐ	Cần nguồn vốn lớn để gây gián đoạn dòng tiền doanh nghiệp. Phụ thuộc vào NCC để triển khai do năng lực nhân viên chưa theo kịp	Giảm định mức tiêu hao năng lượng theo sản phẩm. Tiết kiệm chi phí, quay vòng vốn để tái đầu tư các công nghệ mới.
Chứng nhận môi trường mới	Thị trường yêu cầu ngày càng nhiều các chứng chỉ về môi trường như LCA, EPD, CBAM, ...	~ 1 tỷ VNĐ/năm	Thiếu kiến thức về các tiêu chuẩn mới. Nhiều dữ liệu còn thiếu, chưa đầy đủ để làm báo cáo	Duy trì đơn hàng nếu đạt được các chứng nhận. Tăng khả năng tham gia chuỗi cung ứng cũng như dễ dàng thích nghi với các yêu cầu quốc tế mới

Tối ưu hóa nguồn vốn đầu tư sinh thái với dự án Net Zero 2025

Minh chứng rõ nét nhất cho năng lực quản trị rủi ro khí hậu của CSVC là việc thực thi các nỗ lực hướng đến mục tiêu phát thải ròng bằng 0 thông qua các dự án. Công ty đã giải ngân trực tiếp 101.772 USD với sự phân bổ có chủ đích: 95,4% dành cho cải tạo công nghệ (chủ yếu là tối ưu năng lượng bằng đèn LED, thiết bị hiệu suất cao) và 4,6% cho dự án trồng cây bù trừ các-bon.

Điểm sáng trong quản trị tài chính trong các dự án này là các sáng kiến giảm tiêu thụ nước và hóa chất mang lại hiệu quả sinh thái rất lớn nhưng hoàn toàn không yêu cầu cấp vốn đầu tư mới (Ngân sách = 0 USD). Gần như toàn bộ khối lượng tài nguyên cắt giảm được đều đến từ năng lực “Tối ưu hóa sản xuất” xuất sắc từ bên trong hệ thống (như điều chỉnh nhiệt độ ủ, tối ưu dây chuyền, tái sử dụng nước ngưng tụ). Điều này minh chứng CSVC đang đạt được các chỉ tiêu môi trường khắt khe mà không làm tăng áp lực lên dòng tiền.

Chuyển hóa năng lực ESG thành lợi thế tài chính xanh

Tại CSVC, cam kết phát triển bền vững không chỉ dừng lại ở các hoạt động vận hành nội bộ mà đã được công nhận bởi các định chế tài chính quốc tế thông qua 2 công cụ tài chính chiến lược:

- **Chương trình Tiền gửi Xanh:** Khẳng định năng lực tài chính vững mạnh, CSVC đã thực hiện khoản Tiền gửi Xanh trị giá 3 triệu USD tại ngân hàng MUFG nhằm tài trợ gián tiếp cho các dự án thúc đẩy tương lai bền vững.
- **Khoản vay Liên kết Bền vững (SLLs):** Bằng việc tiên phong ký kết các thỏa thuận tín dụng xanh này, CSVC dũng cảm tự đặt mình dưới kỷ luật đánh giá khắt khe về các Chỉ số Hiệu suất Bền vững (SPTs) như: giảm phát thải khí nhà kính (GHG), tối ưu hóa lượng tiêu thụ năng lượng tự nhiên và duy trì môi trường làm việc an toàn tuyệt đối. Việc được các ngân hàng lớn chấp thuận và thiết lập hạn mức tín dụng dựa trên các tiêu chí ESG không chỉ minh chứng cho sự minh bạch trong hệ thống quản trị, mà còn là lời khẳng định mạnh mẽ về uy tín và năng lực hiện thực hóa các cam kết phát triển bền vững của CSVC trên thị trường tài chính toàn cầu.



CSVC coi trọng sự đồng hành của nhà cung cấp trong việc quản lý các rủi ro xã hội, môi trường và đạo đức, phù hợp với giá trị cốt lõi và khẩu hiệu “Chất lượng của chúng tôi, cuộc sống tốt hơn của bạn“. Hoạt động thu mua và quản lý chuỗi cung ứng được thực hiện cụ thể như sau:

Quy mô chuỗi cung ứng

CSVC đã thực hiện ký kết khoảng 1.822 đơn hàng mua vật tư. Trong đó, đó nhà cung cấp nội địa chiếm tỷ trọng 92%, và nhà cung cấp quốc tế chiếm 8%. Hiện tại, CSVC tiếp tục duy trì chuỗi cung ứng với các nhà cung cấp chính cho các loại hàng hóa và dịch vụ trực tiếp từ cả nguồn nội địa và quốc tế.

Giám sát định kỳ

Tiêu chuẩn và tần suất: Công ty thực hiện kiểm tra, giám sát nhà cung cấp định kỳ 1 lần/năm dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá khắt khe của ISO 9001 và IATF 16949 đối với 100% nhà cung cấp.

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp

Trong năm 2025, CSVC xây dựng định hướng Phát triển Bền vững trong thời gian tới và áp dụng trong quy trình lựa chọn và quản lý nhà cung cấp theo tiêu chí ESG. CSVC mong muốn hợp tác với các Nhà cung cấp ở mọi quy mô, cùng chia sẻ và cam kết thực hiện các giá trị bền vững trong chuỗi cung ứng. Chúng tôi thiết lập rõ kỳ vọng, thường xuyên trao đổi và theo dõi sự tuân thủ dựa trên tiêu chuẩn lựa chọn đánh giá nhà cung cấp và Bộ Quy tắc Ứng xử dành cho Nhà cung cấp. Các tiêu chuẩn này giúp đảm bảo hoạt động thu mua được thực hiện một cách bền vững. Đồng thời, Tuyên bố về Quyền con người của CSVC thể hiện cam kết bảo vệ quyền lợi cho toàn bộ nhân viên và đối tác. Chúng tôi coi trọng sự đồng hành của nhà cung cấp trong việc quản lý các rủi ro xã hội, môi trường và đạo đức, phù hợp với giá trị cốt lõi và khẩu hiệu “CHẤT LƯỢNG CỦA CHÚNG TÔI, CUỘC SỐNG TỐT HƠN CỦA BẠN“.

Kết quả tuân thủ

Nhờ quy trình quản lý chặt chẽ, CSVC ghi nhận:

- 100%** nhà cung cấp ký cam kết tuân thủ.
- 0 vụ** việc phát hiện vi phạm qua quá trình đánh giá.
- 0 vụ** vi phạm dẫn đến bị loại/chấm dứt hợp tác.



Tại CSVC, chúng tôi hiểu rằng trong kỷ nguyên số, an toàn thông tin không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà còn là năng lực cạnh tranh và trách nhiệm đạo đức của doanh nghiệp. Phương pháp quản trị bảo mật dữ liệu và quyền riêng tư của chúng tôi được xây dựng trên nguyên tắc: “tuân thủ pháp luật – lưu trữ an toàn”. Cam kết này áp dụng nghiêm ngặt đối với mọi dữ liệu cá nhân thu thập được. Hệ thống quản trị được vận hành thông qua các chính sách minh bạch, hạ tầng máy chủ bảo mật đạt chuẩn quốc tế và các nỗ lực từng bước nâng cao nhận thức an toàn thông tin cho đội ngũ nhân sự.



Quản trị dữ liệu và tuân thủ quyền riêng tư

Để đảm bảo sự minh bạch tuyệt đối, CSVC đã ban hành và phổ biến quy định về Quyền riêng tư, quy định rõ ràng cách thức Công ty thu thập, xử lý và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- **Hạ tầng lưu trữ chuẩn quốc tế:** Dữ liệu cá nhân được chuyển giao và lưu trữ an toàn dưới dạng điện tử trên các máy chủ (server) hoặc máy chủ đám mây do CSVC và các đối tác ủy quyền vận hành tại Việt Nam, Đài Loan và Nhật Bản. Ngoài ra, Công ty luôn duy trì hệ thống máy chủ sao lưu (backup) đặt tại các địa điểm an toàn để phòng ngừa sự cố mất mát dữ liệu.
- **Chia sẻ dữ liệu giới hạn:** Việc tiếp cận dữ liệu tuân thủ nguyên tắc giới hạn chặt chẽ. Dữ liệu chỉ được tiết lộ và chia sẻ với các đối tác dịch vụ thiết yếu (như cố vấn thuế, pháp lý, công ty bảo hiểm, đối tác kinh doanh cung cấp dịch vụ CNTT) hoặc cơ quan có thẩm quyền khi thực sự cần thiết và có các ràng buộc bảo mật. CSVC cam kết triển khai các biện pháp tổ chức và kỹ thuật hợp lý nhằm ngăn chặn rủi ro rò rỉ do các cuộc tấn công mạng.
- **Bảo vệ quyền của chủ thể dữ liệu:** CSVC tôn trọng tuyệt đối quyền của người dùng đối với dữ liệu của họ, bao gồm quyền được thông báo, quyền truy cập, chỉnh sửa, yêu cầu xóa bỏ hoặc rút lại sự đồng ý bất cứ lúc nào theo quy định của pháp luật. Công ty có bộ trí nhân sự và quy trình chuyên trách để xử lý nhanh chóng mọi câu hỏi hay khiếu nại.

Đào tạo nâng cao nhận thức bảo mật thông tin

Trong năm 2025, Công ty đã tổ chức thành công chương trình **Đào tạo Nhận thức Bảo mật** (Security Awareness Training) dành riêng cho đội ngũ quản lý người Việt từ cấp AASM trở lên. Dù vậy, tỷ lệ nhân sự được đào tạo về bảo mật dữ liệu đạt 9% trong năm 2025 dù có cải thiện đáng kể so với mức 0% của năm 2023 và 2024.

**Ghi chú về phạm vi báo cáo: Tỷ lệ nhân sự được đào tạo (9%) được tính toán dựa trên tổng quy mô nhân sự (Mẫu số) do CSVC trực tiếp quản lý. Dữ liệu này đã loại trừ nhóm nhân sự Phái cử (Dispatcher group) do nhóm này thuộc quyền quản lý và chịu trách nhiệm đào tạo trực tiếp từ các công ty mẹ (CSC và NSC).*

Ghi nhận sự cố rò rỉ dữ liệu

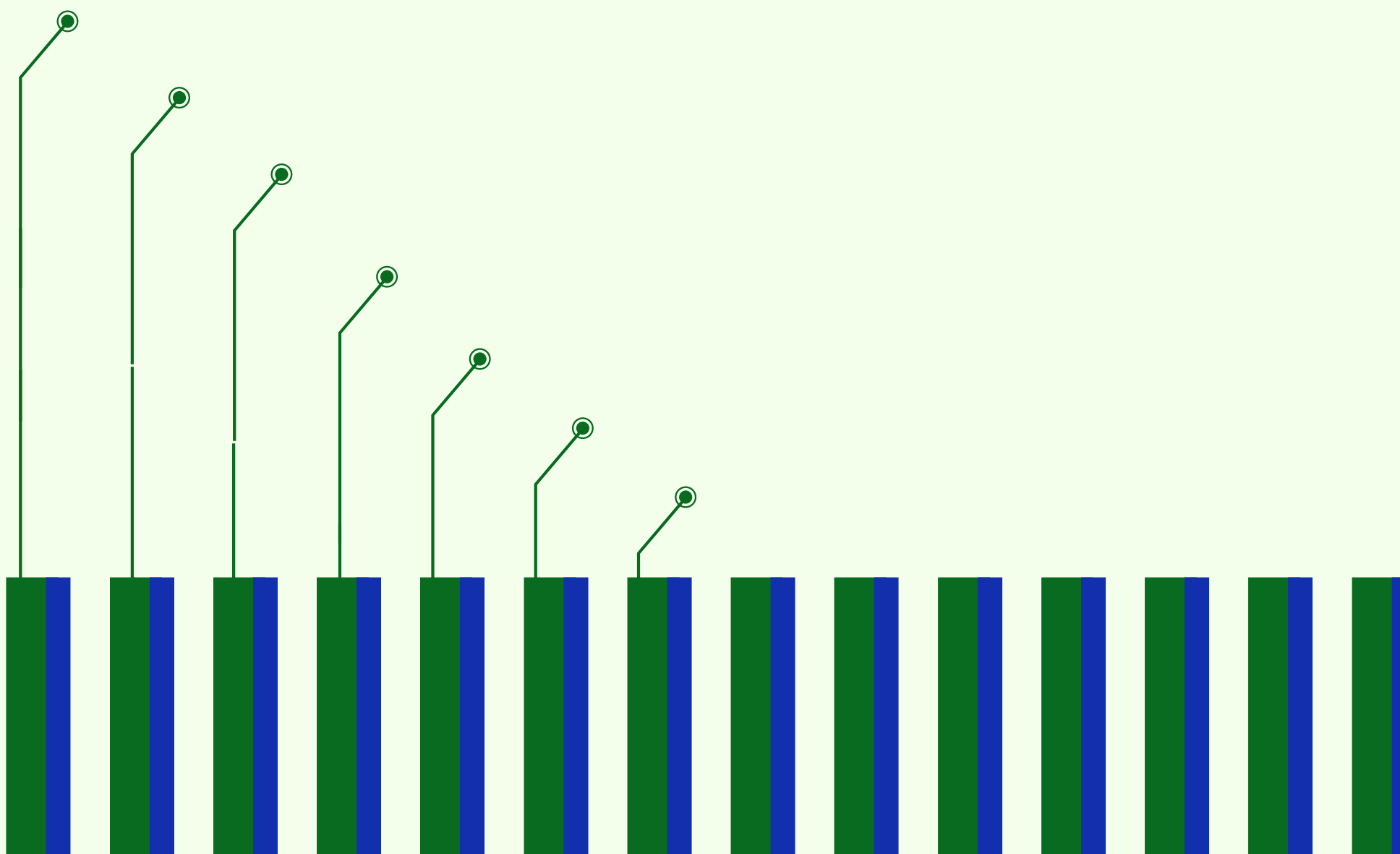
0 vụ rò rỉ, đánh cắp hay mất mát dữ liệu khách hàng hoặc nội bộ.

0 vụ khiếu nại liên quan đến vi phạm chính sách nội bộ cũng như vi phạm quyền riêng tư của khách hàng và dữ liệu cá nhân.

Đây là minh chứng mạnh mẽ cho thấy hệ thống bảo vệ dữ liệu của CSVC hoạt động cực kỳ hiệu quả, duy trì tính bảo mật cao và hoàn toàn miễn nhiễm trước các rủi ro về rò rỉ thông tin trong giai đoạn vừa qua.

CHƯƠNG 6

PHỤ LỤC GRI



Tuyên bố sử dụng

CSVC tuân thủ các chuẩn mực Báo cáo Toàn cầu (GRI) trong việc đo lường và truyền tải thông tin về hiệu quả hoạt động môi trường, kinh tế, xã hội và quản trị. Cho chu kỳ báo cáo từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, CSVC đã chuẩn bị báo cáo của mình phù hợp với các Chuẩn mực GRI bao gồm GRI 1: Nền tảng 2021. Không có Chuẩn mực Ngành GRI nào liên quan đến hoạt động của Công ty.

Đây là năm thứ 3 liên tiếp CSVC sử dụng khung báo cáo theo chuẩn mực GRI hướng dẫn quá trình báo cáo của mình.



Mã GRI		Công bố tiêu chuẩn GRI	Báo cáo ESG 2025	Phản hồi (số trang, giải thích)
GRI 2 - CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG				
2-1		Thông tin chi tiết về tổ chức	✓	Trang 5, 7, 8
2-2		Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo	✓	Trang 6
2-3		Kỳ báo cáo, tần suất báo cáo	✓	Trang 10
2-4		Trình bày lại thông tin		Không có thông tin cần trình bày lại
2-5		Đảm bảo số liệu từ đơn vị bên ngoài	✗	Không áp dụng trong kỳ báo cáo CSVC đang trong giai đoạn triển khai. Dự kiến trong năm tới, chúng tôi sẽ hoàn tất công bố đảm bảo số liệu từ đơn vị bên ngoài.
2-6		Các hoạt động, chuỗi giá trị và các mối quan hệ kinh doanh khác	✓	Trang 6, 9, 14
2-7		Nhân viên	✓	Trang 51
2-8		Người lao động không phải là nhân viên công ty	✗	Thông tin không có sẵn Nhân viên bên ngoài làm việc theo hợp đồng công việc hoặc dịch vụ không phải là nhân viên của CSVC. Do đó không có thông tin liên quan đến công việc được thực hiện hoặc số lượng nhân viên bên ngoài có liên quan.
2-9		Cơ cấu và thành phần quản trị	✓	Trang 77
2-10		Đề cử và lựa chọn cơ quan quản trị cao nhất	✓	Trang 77
2-11		Chủ tịch cơ quan quản trị cao nhất	✓	Trang 77
2-12		Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc quản trị/ giám sát hoạt động quản lý các tác động của Công ty	✓	Trang 77 - 78
2-13		Sự phân chia trách nhiệm về việc quản lý các tác động	✓	Trang 13
2-14		Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong báo cáo phát triển bền vững	✓	Trang 13
2-15		Xung đột lợi ích	✓	Trang 9
2-16		Truyền đạt các mối quan tâm chính	✓	Trang 14 - 20
2-17		Kiến thức chung của cơ quan quản trị cao nhất	✓	Trang 13, 77
2-18		Đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan trị cao nhất	✓	Trang 77 - 78
2-19		Chính sách thù lao	✓	Trang 57
2-20		Quy trình xác định thù lao	✓	Trang 57

Mã GRI	Công bố tiêu chuẩn GRI	Báo cáo ESG 2025	Phản hồi (số trang, giải thích)
2-21	Tỷ lệ tổng thù lao hàng năm	✓	Trang 57
2-22	Tuyên bố về chiến lược phát triển bền vững	✓	Trang 3
2-23	Cam kết chính sách	✓	Trang 11
2-24	Triển khai cam kết chính sách	✓	Trang 12
2-25	Các quy trình khắc phục tác động tiêu cực		Không có tác động tiêu cực cần khắc phục trong kỳ báo cáo
2-26	Cơ chế tư vấn và báo cáo các quan ngại	✓	Trang 78, 80, 81
2-27	Tuân thủ luật pháp và quy định	✓	Trang 63, 79
2-28	Hiệp hội thành viên	✓	Trang 14 - 16
2-29	Phương pháp tiếp cận sự tham gia của các bên liên quan	✓	Trang 14 - 16
2-30	Thỏa ước lao động tập thể	✓	Trang 55
GRI 3 - LĨNH VỰC TRỌNG YẾU			
3-1	Quy trình xác định lĩnh vực trọng yếu	✓	Trang 17
3-2	Danh sách lĩnh vực trọng yếu	✓	Trang 18
3-3	Quản lý lĩnh vực trọng yếu	✓	Trang 19 - 85
GRI 201 - HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			
201-1	Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	✓	Trang 6, 80
201-2	Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tài chính, các rủi ro và cơ hội khác do biến đổi khí hậu	✓	Trang 81 - 82
201-3	Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ liên quan khác	✓	Trang 53 - 54, 65
201-4	Hỗ trợ tài chính nhận được từ chính phủ	✗	Không có thông tin liên quan được trình bày trong kỳ báo cáo

Mã GRI	Công bố tiêu chuẩn GRI	Báo cáo ESG 2025	Phản hồi (số trang, giải thích)
GRI 202 - SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG			
202-1	Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng	✓	Trang 53, 57
202-2	Tỷ lệ thành viên ban lãnh đạo được tuyển dụng từ cộng đồng địa phương	✗	Không có thông tin liên quan được trình bày trong kỳ báo cáo
GRI 203 - TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP			
203-1	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ	✓	Không có thông tin liên quan được trình bày trong kỳ báo cáo
203-2	Tác động kinh tế gián tiếp trọng yếu		Trang 58, 59
GRI 204 - THÔNG LỆ MUA SẮM			
204-1	Tỷ lệ chi tiêu cho nhà cung cấp địa phương	✓	Trang 83
GRI 205 - PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG			
205-1	Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	✓	Trang 79
205-2	Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng	✓	
205-3	Các vụ việc tham nhũng đã được xác nhận và các biện pháp xử lý	✓	
GRI 206 - HÀNH VI CẢN TRỞ CẠNH TRANH			
206-1	Các chế tài đối với hành vi cản trở cạnh tranh, thực hành độc quyền và chống độc quyền	✓	Trang 79
GRI 207 - THUẾ			
207-1	Cách tiếp cận thuế	✓	Trang 79
207-2	Kiểm soát và quản lý rủi ro về thuế	✓	
207-3	Gắn kết các bên liên quan và quản lý các vấn đề liên quan đến thuế	✓	Trang 15 - 16
207-4	Báo cáo theo từng quốc gia	✗	Không có thông tin liên quan được trình bày trong kỳ báo cáo

Phụ lục

Mã GRI	Công bố tiêu chuẩn GRI	Báo cáo ESG 2025	Phản hồi (số trang, giải thích)
GRI 301 - VẬT LIỆU 2016			
301-1	Vật liệu đã sử dụng theo trọng lượng và khối lượng	✓	Trang 21 - 24
301-2	Vật liệu tái chế đã được sử dụng	✓	Trang 25
301-3	Sản phẩm được tái chế và vật liệu đóng gói sản phẩm	✓	Trang 26
GRI 302 - NĂNG LƯỢNG 2016			
302-1	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	✓	Trang 27 - 28
302-2	Tiêu thụ năng lượng ngoài tổ chức	✗	Không có thông tin liên quan trong kỳ báo cáo
302-3	Cường độ sử dụng năng lượng	✓	Trang 28
302-4	Giảm tiêu hao năng lượng	✓	Trang 28
302-5	Giảm nhu cầu năng lượng của sản phẩm và dịch vụ	✓	Trang 28
GRI 303 - NƯỚC VÀ NƯỚC THẢI 2018			
303-1	Tương tác với nước dưới dạng nguồn tài nguyên chung	✓	Trang 45
303-2	Quản lý các tác động liên quan đến việc thải nước	✓	Trang 47 - 48
303-3	Lượng nước đầu vào	✓	Trang 46
303-4	Lượng nước thải ra	✓	Trang 47 - 48
303-5	Lượng nước tiêu thụ	✓	Trang 46, 49
GRI 305 - PHÁT THẢI 2016			
305-1	Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1)	✓	Trang 30 - 33
305-2	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2)	✓	Trang 30 - 33

Mã GRI	Công bố tiêu chuẩn GRI	Báo cáo ESG 2025	Phản hồi (số trang, giải thích)
305-3	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp khác (Phạm vi 3)	✓	Trang 30 - 33
305-4	Thâm dụng phát thải khí nhà kính (GHG)	✓	Trang 30 - 33, 37
305-5	Giảm phát thải khí nhà kính (GHG)	✓	Trang 37
305-6	Phát thải chất phá hủy tầng ô-zôn (ODS)	✓	Trang 34
305-7	Nitrogen oxides (NOX), sulfur oxides (SOX), và các phát thải khí đáng kể khác	✓	Trang 35 - 36
GRI 306 - CHẤT THẢI 2020			
306-1	Phát sinh chất thải và các tác động đáng kể liên quan đến chất thải	✓	Trang 39 - 40
306-2	Quản lý các tác động đáng kể liên quan đến chất thải	✓	Trang 39 - 40
306-3	Chất thải phát sinh	✓	Trang 40 - 41
306-4	Chất thải được chuyển hướng khỏi việc thải bỏ	✓	Trang 41
306-5	Chất thải được xử lý	✓	Trang 42
GRI 308 - ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MÔI TRƯỜNG 2016			
308-1	Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về môi trường	✗	Không có thông tin liên quan trong kỳ báo cáo
308-2	Các tác động môi trường tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện	✗	
GRI 401 - VIỆC LÀM 2016			
401-1	Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc	✓	Trang 52
401-2	Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	✓	Trang 53 - 54
401-3	Nghỉ thai sản	✓	Trang 53

Mã GRI	Công bố tiêu chuẩn GRI	Báo cáo ESG 2025	Phản hồi (số trang, giải thích)
GRI 402 - MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG 2016			
402-1	Thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động	✓	Trang 55
GRI 403 - AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP 2018			
403-1	Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	✓	Trang 62 - 63
403-2	Nhận dạng mối nguy, đánh giá rủi ro và điều tra sự cố	✓	Trang 64 - 65
403-3	Dịch vụ sức khỏe nghề nghiệp	✓	Trang 66
403-4	Sự tham gia của người lao động, tham vấn và truyền thông về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	✓	Trang 67 - 68
403-5	Huấn luyện nhân viên về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	✓	Trang 69 - 71
403-6	Nâng cao sức khỏe người lao động	✓	Trang 67 - 68
403-7	Phòng ngừa và giảm thiểu tác động đến sức khỏe và an toàn nghề nghiệp được liên kết trực tiếp bởi các mối quan hệ kinh doanh	✓	Trang 72
403-8	Tổng số nhân công tham gia hệ thống quản trị an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	✓	
403-9	Tỷ lệ tổn thương khi làm việc	✓	
403-10	Tỷ lệ bệnh nghề nghiệp	✓	Trang 62
GRI 404 - GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO			
404-1	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên	✓	Trang 60
404-2	Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	✓	Trang 53, 61

Mã GRI	Công bố tiêu chuẩn GRI	Báo cáo ESG 2025	Phản hồi (số trang, giải thích)
404-3	Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp	✓	Trang 57
GRI 405 - SỰ ĐA DẠNG & CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG			
405-1	Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên	✓	Trang 56
405-2	Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới	✓	Trang 57
GRI 406 - KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ			
406-1	Các vụ việc phân biệt đối xử và các hành động khắc phục đã thực hiện	✗	Không ghi nhận vụ việc phân biệt đối xử trong kỳ báo cáo
GRI 407 - TỰ DO LẬP HỘI VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ			
407-1	Các hoạt động và các nhà cung cấp mà ở đó quyền tự do lập hội/ quyền tham gia công đoàn và thương lượng tập thể có thể gặp rủi ro	✓	Trang 55
GRI 408 - LAO ĐỘNG TRẺ EM 2016			
408-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em	✓	Trang 12, 83
GRI 409 - LAO ĐỘNG CƯỖNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC 2016			
409-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc	✓	Trang 12
GRI 410 - THÔNG LỆ VỀ AN NINH 2016			
410-1	Nhân viên an ninh được đào tạo về các quy trình hoặc chính sách về quyền con người	✗	Không có thông tin liên quan được trình bày trong kỳ báo cáo
GRI 411 - QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA			
411 - 1	Các vụ vi phạm liên quan đến quyền của người bản địa	✗	Không có thông tin liên quan được trình bày trong kỳ báo cáo

Phụ lục

Mã GRI	Công bố tiêu chuẩn GRI	Báo cáo ESG 2025	Phản hồi (số trang, giải thích)
GRI 413 - CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG 2016			
413-1	Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	✓	Trang 58 - 59
413-2	Những hoạt động có tác động tiêu cực tiềm ẩn và thực tế đáng kể với cộng đồng địa phương	✓	Trang 59
GRI 414 - ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MẶT XÃ HỘI 2016			
414-1	Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về mặt xã hội	✗	Không có thông tin liên quan được trình bày trong kỳ báo cáo
414-2	Các tác động xã hội tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện	✗	Không có thông tin liên quan được trình bày trong kỳ báo cáo
GRI 415 - CHÍNH SÁCH CÔNG			
415-1	Đóng góp chính trị	✗	Không có thông tin liên quan được trình bày trong kỳ báo cáo
GRI 416 - SỨC KHOẺ VÀ AN TOÀN CỦA KHÁCH HÀNG 2016			
416-1	Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm hoặc dịch vụ	✓	Trang 74
416-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ	✓	Trang 74 - 75
GRI 417 - TIẾP THỊ VÀ NHÃN HIỆU 2016			
417-1	Các yêu cầu đối với thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ	✓	Trang 73, 75
417-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin và nhãn hiệu của sản phẩm và dịch vụ	✓	Trang 73, 75
417-3	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến truyền thông tiếp thị	✓	Trang 73, 75
GRI 418 - BẢO MẬT QUYỀN RIÊNG TƯ VÀ DỮ LIỆU			
418-1	Khiếu nại có căn cứ về việc vi phạm Quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng	✓	Trang 85

